

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐO



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: DƯỢC HỌC

MÃ NGÀNH: 7720201

Hà Nội -2021

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
ĐỐI VỚI TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
CÁC NGÀNH KHÔNG CHUYÊN VỀ LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

(Theo Quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng

*Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng
chung các môn lý luận chính trị đối với trình độ đào tạo đại học*

các ngành không chuyên về lý luận chính trị)

Hà Nội, 2021

MỤC LỤC

Mã học phần	Tên học phần	trang
PHI1001	Triết học Mác-Lênin (Marxism-Leninism Philosophy) Chương 1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng Chương 3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử	
INE1001	Kinh tế chính trị Mác-Lênin (Marxism-Leninism Political) Chương 1. Nhập môn kinh tế chính trị Mác - Lênin Chương 2. Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường Chương 3. Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường Chương 4. Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường Chương 5. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam Chương 6. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam	
PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific Socialism) Chương 1. Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học Chương 2. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Chương 3. Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Chương 4. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa Chương 5. Cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Chương 6. Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Chương 7. Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	
POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology) Chương 1. Nhập môn tư tưởng Hồ Chí Minh Chương 2. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	

	Chương 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội Chương 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam Chương 5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế Chương 6. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người	
HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of Communist Party of Viet nam) Chương Nhập môn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Chương 1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945) Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975) Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2020)	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN

(MARXISM-LENINISM PHYLOSOPHI)

MÃ HỌC PHẦN PHI1001. SỐ TÍN CHỈ 03

(Ban hành theo Quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Tên học phần: Triết học Mác - Lênin

2. Thời lượng: 03 tín chỉ

3. Trình độ: Dùng cho sinh viên bậc đại học khối các ngành ngoài lý luận chính trị

4. Điều kiện tiên quyết: Không

5. Mục tiêu của học phần

- Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, có tính hệ thống về triết học Mác - Lênin;
- Xây dựng thế giới quan duy vật biện chứng, nhân sinh quan cách mạng và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung các môn học khác;
- Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin.

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

- Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, về triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội;
- Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng;
- Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Trước giờ lên lớp đọc, nghiên cứu tài liệu đã giới thiệu trong đề cương hoặc giáo trình môn học;
- Trong giờ lên lớp nghe giảng, ghi chép, chuẩn bị ý kiến, tình huống, phát biểu khi được phép, làm việc nhóm;
- Sau giờ lên lớp tự học, củng cố kiến thức, kỹ năng, thái độ theo yêu cầu môn học.

8. Tài liệu học tập

- Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo trình triết học Mác-Lênin, Nxb CTQG, Hà Nội, 1999
- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình triết học Mác - Lênin, Nxb CTQG, Hà Nội, 2019

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Theo quy chế đào tạo đại học hiện hành;

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội

I. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học

1. Khái lược về triết học

- a. Nguồn gốc của triết học
- b. Khái niệm của triết học
- c. Vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử
- d. Triết học- hạt nhân lý luận của thế giới quan.

2. Vấn đề cơ bản của triết học

- a. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học (Định nghĩa vấn đề cơ bản của triết học, Hai mặt (hai nội dung) vấn đề cơ bản của triết học)
- b. Hệ quả việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học (Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm- mặt bản thể của vấn đề cơ bản của triết học; Thuyết có thể biết và thuyết không thể biết- mặt nhận thức của vấn đề cơ bản của triết học)

3. Biện chứng và siêu hình

- a. Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử triết học
- b. Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử triết học

II. Triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội

1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác-Lênin

- a. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác
- b. Những thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của triết học Mác
- c. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện
- d. Giai đoạn Lênin trong sự phát triển triết học Mác. (Nhu cầu bổ sung, vận dụng và phát triển triết học Mác của cách mạng Nga. Những thời kỳ chủ yếu trong giai đoạn Lênin. Những đóng góp của Lênin trong việc bổ sung, phát triển triết học Mác qua thực tiễn của cách mạng Nga).

2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác-Lênin

- a. Khái niệm triết học Mác-Lênin
- b. Đối tượng của triết học Mác-Lênin
- c. Chức năng của triết học Mác-Lênin

3. Vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

- a. Triết học Mác-Lênin là thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho con người trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn
- b. Triết học Mác-Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học và cách mạng để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ

c. Triết học Mác-Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam./.

Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

I. Vật chất và ý thức

1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất

- a. Quan niệm của triết học duy tâm và triết học duy vật trước C.Mác về phạm trù vật chất
- b. Cuộc cách mạng trong khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và sự phá sản của các quan điểm duy vật siêu hình về vật chất
- c. Quan niệm của triết học Mác-Lênin về vật chất
- d. Các hình thức tồn tại của vật chất
- e. Tính thống nhất vật chất của thế giới.

2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức

- a. Nguồn gốc của ý thức
- b. Bản chất của ý thức
- c. Kết cấu của ý thức

3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

- a. Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình
- b. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng.

II. Phép biện chứng duy vật

1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật

- a. Biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan.
- b. Khái niệm phép biện chứng duy vật.

2. Nội dung của phép biện chứng duy vật

- a. Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật.
- b. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật.
- c. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật.

III. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng

1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng

- a. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng
- b. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng

2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức

- a. Nguồn gốc của nhận thức
- b. Bản chất của nhận thức

3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức

a. Khái niệm thực tiễn

b. Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức

4. Các giai đoạn của quá trình nhận thức

a. Nhận thức cảm tính

b. Nhận thức lý tính

5. Tính chất của chân lý

a. Chân lý khách quan, chân lý chủ quan

b. Chân lý.

Chương 3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử

I. Học thuyết hình thái kinh tế-xã hội

1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội

a. Sản xuất xã hội và sản xuất vật chất

b. Vai trò của sản xuất vật chất đối với sự tồn tại và phát triển xã hội

2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

a. Phương thức sản xuất

b. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

a. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

b. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

4. Sự phát triển của các hình thái kinh tế-xã hội là một quá trình lịch sử-tự nhiên

a. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội

b. Tiến trình lịch sử - tự nhiên của xã hội loài người

c. Giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế-xã hội

II. Giai cấp và dân tộc

1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp

a. Giai cấp

b. Đấu tranh giai cấp

c. Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản

2. Dân tộc

a. Các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc

b. Dân tộc – hình thức cộng đồng người phổ biến nhất hiện nay

3. Mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại

- a. Quan hệ giai cấp – dân tộc
- b. Quan hệ giai cấp, dân tộc với nhân loại

III. Nhà nước và cách mạng

1. Nhà nước

- a. Nguồn gốc của nhà nước, Bản chất của nhà nước
- b. Đặc trưng cơ bản của nhà nước, Chức năng cơ bản của nhà nước
- c. Các kiểu và hình thức nhà nước

2. Cách mạng xã hội

- a. Nguồn gốc của cách mạng xã hội
- b. Bản chất của cách mạng xã hội
- c. Phương pháp cách mạng
- d. Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay

IV. Ý thức xã hội

1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội

- a. Khái niệm tồn tại xã hội
- b. Các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội
- 2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội

- a. Khái niệm ý thức xã hội
- b. Kết cấu của ý thức xã hội
- c. Tính giai cấp của ý thức xã hội
- d. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội
- đ. Các hình thái ý thức xã hội

V. Triết học về con người

1. Khái niệm con người và bản chất con người

- a. Con người là thực thể sinh học-xã hội
- b. Con người vừa là sản phẩm của lịch sử và của chính bản thân con người
- c. Con người vừa là chủ thể của lịch sử, vừa là sản phẩm của lịch sử
- d. Bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội

2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người

- a. Thực chất hiện tượng tha hóa con người là lao động của con người bị tha hóa
- b. Vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội ách áp bức, bóc lột
- c. Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người

3. Quan điểm của triết học Mác-Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử

- a. Quan hệ giữa cá nhân và xã hội

b. Vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử

4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam

a. Sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam

b. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam./.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN

(MARXISM - LENINISM POLITICAL ECONOMY)

MÃ HỌC PHẦN INE1001. SỐ TÍN CHỈ 02

(Ban hành theo Quyết định số 4890/QĐ-BGDDT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Tên học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2. Thời lượng: 02 tín chỉ

3. Trình độ: Dùng cho sinh viên bậc đại học khối các ngành ngoài lý luận chính trị

4. Điều kiện tiên quyết: sau học phần Triết học Mác-Lênin

5. Mục tiêu của học phần:

- Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông, khắc phục trùng lặp, tăng cường tích hợp và giảm tải, lược bớt những nội dung mang tính kinh viện đối với sinh viên không chuyên lý luận chính trị

- Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế-xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường

- Ba là góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác - Lênin cho sinh viên

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần. Nội dung chương trình gồm 6 chương: Chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư và các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Kinh tế thị trường định hướng XHCN và quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Trước giờ lên lớp đọc, nghiên cứu tài liệu đã giới thiệu trong đề cương hoặc giáo trình môn học;

- Trong giờ lên lớp nghe giảng, ghi chép, chuẩn bị ý kiến, tình huống, phát biểu khi được phép, làm việc nhóm;

- Sau giờ lên lớp tự học, củng cố kiến thức, kỹ năng, thái độ theo yêu cầu môn học.

8. Tài liệu học tập:

- Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Tái bản có sửa chữa, bổ sung), Nxb CTQG, Hà Nội, 2010;

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (dành cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị), Nxb Giáo dục, Hà Nội.

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Theo quy chế đào tạo đại học hiện hành;
- Theo quy chế đào tạo đại học hiện hành ở Trường Đại học Đông Đô

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin

1. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác - Lênin

- Giai đoạn từ thời cổ đại đến cuối thế kỷ XVIII
- Giai đoạn từ sau thế kỷ XVIII đến nay

2. Đối tượng, mục đích và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin

- Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin là các quan hệ xã hội của sản xuất và trao đổi mà các quan hệ này được đặt trong sự liên hệ biện chứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng tương ứng của phương thức sản xuất nhất định
- Mục đích nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin là các quy luật kinh tế
- Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin là phương pháp trừu tượng hóa khoa học và các phương pháp khác

3. Chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin

- Chức năng nhận thức
- Chức năng thực tiễn
- Chức năng tư tưởng
- Chức năng phương pháp luận

4. Tóm tắt chương

- Các thuật ngữ cần ghi nhớ: kinh tế chính trị, kinh tế chính trị tư sản cổ điển, kinh tế chính trị Mác – Lênin, chủ nghĩa trọng thương, chủ nghĩa trọng nông, quan hệ xã hội của sản xuất và trao đổi, trừu tượng hóa khoa học, quy luật kinh tế
- Vấn đề thảo luận: Thực tế lịch sử cho thấy, có sự liên hệ chặt chẽ ngay từ đầu giữa kinh tế chính trị Mác – Lênin với hệ thống các lý thuyết kinh tế tiền đề, bằng những lập luận dựa trên bằng chứng lịch sử. Hãy phân tích sự liên hệ trên?
- Câu hỏi ôn tập:
 - Phân tích sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác – Lênin?
 - Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin?
 - Chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin với tư cách là bộ môn khoa học?
 - Nêu ý nghĩa việc nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin trong quá trình lao động và quản trị quốc gia?

Chương 2. Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường

1. Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa

a. Sản xuất hàng hóa

- Khái niệm sản xuất hàng hóa
- Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa (phân công lao động xã hội, sự khác biệt tương đối về mặt kinh tế giữa các chủ thể sản xuất)

b. Hàng hóa

- Khái niệm hàng hóa
- Thuộc tính của hàng hóa (Giá trị, giá trị sử dụng)
- Lượng giá trị và các yếu tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa (thời gian lao động xã hội cần thiết- đơn vị đo lường lượng giá trị của hàng hóa)
- Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa

c. Tiền tệ

- Nguồn gốc và bản chất của tiền
- Chức năng của tiền (thước đo giá trị, phương tiện lưu thông, phương tiện cất trữ, phương tiện thanh toán, tiền tệ thế giới)

d. Dịch vụ và quan hệ trao đổi trong trường hợp một số vấn đề khác hàng hóa thông thường (một số hàng hóa đặc biệt) ở điều kiện hiện nay

- Dịch vụ
- Quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yếu tố khác hàng hóa thông thường (quyền sử dụng đất đai, thương hiệu (danh tiếng), chứng khoán, chứng quyền và các giấy tờ có giá)

2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường

a. Thị trường

- Khái niệm, phân loại thị trường (thị trường theo nghĩa hẹp, theo nghĩa rộng), Vai trò của thị trường, Cơ chế thị trường
- Nền kinh tế thị trường
- Các quy luật kinh tế chủ yếu của thị trường (quy luật giá trị, cung cầu, lưu thông tiền tệ, cạnh tranh)

b. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường

- Người sản xuất, người tiêu dùng, các chủ thể trung gian trong thị trường

- Nhà nước

3. Tóm tắt chương

a. Các thuật ngữ cần ghi nhớ: hàng hóa, sản xuất hàng hóa, giá trị, giá trị sử dụng, lượng giá trị, năng suất lao động, cường độ lao động, lao động cụ thể, lao động trừu tượng, lao động giản đơn, lao động phức tạp, tiền tệ, thị trường, quy luật giá trị, cung cầu, lưu thông tiền tệ, cạnh tranh, thị trường, cơ chế thị trường, kinh tế thị trường, người sản xuất, người tiêu dùng.

b. Vấn đề thảo luận:

- Hãy chọn một loại hàng hóa và đóng vai người sản xuất để thảo luận về thuộc tính và chỉ ra tầm quan trọng của hàng hóa đó đối với xã hội? Phân tích trách nhiệm xã hội của mình đối với người tiêu dùng, cảm nhận sự tác động của quy luật cạnh tranh và đề ra phương án để duy trì vị trí sản xuất của mình trên thị trường

- Với vai trò người tiêu dùng, từ kinh nghiệm thực tiễn của bản thân, hãy thảo luận và chỉ ra vai trò, biện pháp của người tiêu dùng cần phải làm để bảo vệ quyền lợi của mình trong mối quan hệ với người sản xuất và xã hội khi tiêu dùng hàng hóa?

c. Câu hỏi ôn tập:

- Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa? Hàng hóa? Thuộc tính của hàng hóa. Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa. Lượng giá trị hàng hóa? Những yếu tố ảnh hưởng tới lượng giá trị của hàng hóa? Bản chất và chức năng của tiền?

- Thị trường. Vai trò của thị trường, Các chức năng của thị trường. Ưu thế và khuyết tật của nền kinh tế thị trường. Các quy luật kinh tế chủ yếu của thị trường?

- Vai trò của các chủ thể chính tham gia thị trường.

Chương 3. Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường

1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư

a. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

b. Bản chất của giá trị thặng dư

c. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa

- Sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối

- Sản xuất giá trị thặng dư tương đối

2. Tích lũy tư bản

a. Bản chất của tích lũy tư bản

b. Những nhân tố góp phần làm tăng quy mô tích lũy

c. Một số hệ quả của tích lũy tư bản

3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường

a. Lợi nhuận (chi phí sản xuất, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận, lợi nhuận bình quân, lợi nhuận thương nghiệp)

b. Lợi tức

c. Địa tô tư bản chủ nghĩa

4. Tóm tắt chương

a. Các thuật ngữ cần ghi nhớ: giá trị thặng dư, tư bản, tư bản bất biến, tư bản khả biến, tư bản cố định, tư bản lưu động, tích lũy tư bản, cấu tạo hữu cơ tư bản, tích tụ và tập trung tư bản, , chi phí sản xuất, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, lợi tức, địa tô tư bản chủ nghĩa

b. Vấn đề thảo luận:

- Giả định từ vị trí của người mua hàng hóa sức lao động, hãy thảo luận trong nhóm và cảm nhận vai trò đồng thời lý giải về vai trò của người lao động làm thuê đối với hoạt động của doanh nghiệp do mình sở hữu? Nếu giả định vốn kinh doanh cần phải đi vay, hàng hóa được tiêu thụ bởi trung gian thương mại và mặt bằng sản xuất đi thuê, vậy doanh nghiệp có trách nhiệm gì đối với những chủ thể này?

- Xuất phát từ vai trò của người lao động, hãy thảo luận và đề xuất phương thức thực hiện lợi ích của mình trong quan hệ lợi ích với người sử dụng sức lao động và với cộng đồng xã hội

c. Câu hỏi ôn tập:

- Phân tích nguồn gốc và bản chất của giá trị thặng dư? Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư? Tỷ suất và khối lượng giá trị thặng dư? Ý nghĩa thực tiễn?

- Bí quyết để nhà tư bản thu được giá trị thặng dư là gì? Ảnh hưởng của môi trường vĩ mô đến giá trị thặng dư của nhà tư bản?

- Tích lũy tư bản và các nhân tố ảnh hưởng đến quy mô tích lũy? Liên hệ và vận dụng? Phân tích quan hệ lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa thông qua lý luận về phân phối

giá trị thặng dư trong chủ nghĩa tư bản?

- Học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác có thể được vận dụng như thế nào trong quá trình phát triển đất nước ta hiện nay

Chương 4. Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường

1. Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường

a. Độc quyền, độc quyền nhà nước và tác động của độc quyền

b. Quan hệ cạnh tranh ở trạng thái độc quyền

2. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa

a. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền nền kinh tế thị trường (năm đặc điểm của độc quyền)

b. Lý luận của V.I.Lênin về kinh tế của độc quyền nhà nước (ba đặc điểm của độc quyền nhà nước)

3. Biểu hiện mới của độc quyền, độc quyền nhà nước trong điều kiện hiện nay. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản

a. Biểu hiện mới của độc quyền

b. Biểu hiện mới của độc quyền nhà nước

c. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản

- Vai trò tích cực đối với sự phát triển

- Những giới hạn phát triển của chủ nghĩa tư bản.

4. Tóm tắt chương

a. Các thuật ngữ cần ghi nhớ: độc quyền, độc quyền nhà nước, vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản

b. Vấn đề thảo luận:

- Những hệ lụy kinh tế và lợi ích gì sẽ xảy ra khi kìm hãm cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường. hãy thảo luận trong nhóm để đề xuất biện pháp thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh? Trong chủ nghĩa tư bản độc quyền thì cạnh tranh biểu hiện như thế nào?

- Độc quyền có tác động tích cực đối với nền kinh tế, vậy vì sao cần kiểm soát độc quyền? Có thể kiểm soát độc quyền kiểm soát độc quyền thực hiện lợi ích của các tổ chức này trong quan hệ lợi ích với xã hội bằng những phương pháp nào?

c. Câu hỏi ôn tập:

- Phân tích mối quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong kinh tế thị trường?

- Trình bày nguyên nhân hình thành và những đặc điểm kinh tế cơ bản của độc quyền trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa?

- Phân tích nguyên nhân ra đời và bản chất của độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường? Vai trò và giới hạn phát triển của chủ nghĩa tư bản ngày nay?

Chương 5. Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở VN

1. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam

a. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam

b. Tính tất yếu khách quan phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam

c. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam

- Về mục tiêu: kinh tế thị trường định hướng XHCN là phương tiện để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”

- Về quan hệ sở hữu và thành phần kinh tế

- Về quan hệ quản lý nền kinh tế
- Về quan hệ phân phối
- Về quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội

2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam

a. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam

- Thể chế và thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam
- Tính tất yếu của việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam

b. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam

- Hoàn thiện thể chế về sở hữu và phát triển các thành phần kinh tế
- Hoàn thiện thể chế để phát triển đồng bộ các yếu tố và các loại thị trường
- Hoàn thiện thể chế để đảm bảo gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội
- Hoàn thiện thể chế thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế
- Hoàn thiện thể chế nâng cao năng lực hệ thống chính trị

3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam

a. Lợi ích kinh tế

- Bản chất, biểu hiện của lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường
- Vai trò của lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường

b. Quan hệ lợi ích kinh tế

- Sự thống nhất và mâu thuẫn trong các quan hệ kinh tế
- Các yếu tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích kinh tế
- Một số quan hệ lợi ích kinh tế cơ bản trong nền kinh tế thị trường
- Phương thức thực hiện lợi ích kinh tế trong các quan hệ lợi ích kinh tế cơ bản

b. Vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích

- Bảo vệ quyền lợi hợp pháp, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động tìm kiếm lợi ích của các chủ thể kinh tế
- Điều hòa lợi ích giữa cá nhân-doanh nghiệp-xã hội
- Kiểm soát, ngăn ngừa các quan hệ lợi ích có ảnh hưởng tiêu cực đối với sự phát triển xã hội
- Giải quyết mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích kinh tế.

4. Tóm tắt chương

a. Các thuật ngữ cần ghi nhớ: kinh tế thị trường định hướng XHCN, đặc trưng, thể chế, thể chế kinh tế, thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, lợi ích kinh tế, quan hệ lợi ích, người lao động, người sử dụng lao động, quan hệ lợi ích cá nhân-xã hội

b. Vấn đề thảo luận:

- Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam vừa bao hàm những đặc trưng có tính phổ biến của kinh tế thị trường, vừa có đặc trưng mang tính phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam. Hãy thảo luận để làm rõ những đặc trưng đó trên cơ sở chọn một loại thị trường trong nền kinh tế Việt Nam?

- Hãy xuất phát từ vai trò của công dân, thảo luận để chỉ ra trách nhiệm của mình trong việc góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN và thực hiện hài hòa các quan hệ lợi ích trong phát triển ở Việt Nam? Với tư cách công dân, hãy thảo luận các phương thức bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình khi tham gia các hoạt động kinh tế-xã hội?

c. Câu hỏi ôn tập:

- So sánh nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam với nền kinh tế thị trường ở một số nước khác. Tại sao kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình phát triển của Việt Nam

- Phân tích tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam?

- Trình bày những đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam? Phân tích những nhiệm vụ chủ yếu để hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta

- Khái niệm, đặc trưng và các yếu tố ảnh hưởng đến các quan hệ lợi ích kinh tế? Các quan hệ lợi ích kinh tế chủ yếu trong nền kinh tế thị trường? Sự thống nhất và mâu thuẫn giữa các quan hệ kinh tế? Vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hòa các lợi ích kinh tế.

Chương 6. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

a. Khái quát về cách mạng công nghiệp

- Khái niệm cách mạng công nghiệp

- Khái quát lịch sử các cuộc cách mạng công nghiệp

- Vai trò của cách mạng công nghiệp đối với phát triển

b. Công nghiệp hóa và các mô hình công nghiệp hóa trên thế giới

- Khái quát về công nghiệp hóa

- Các mô hình công nghiệp hóa tiêu biểu trên thế giới

c. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

- Tính tất yếu khách quan của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

- Nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam (tạo lập những điều kiện để có thể thực hiện chuyển đổi từ nền sản xuất-xã hội lạc hậu sang nền sản xuất-xã hội tiên bộ; chuyển đổi cơ cấu kinh tế

theo hướng hiện đại và hiệu quả; từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất)

d. CNH, HĐH ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

- Quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

- CNH, HĐH ở Việt Nam thích ứng với cách mạng công nghiệp lần thứ tư

2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

a. Khái niệm và sự cần thiết khách quan hội nhập kinh tế quốc tế

- Khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế

- Tính tất yếu khách quan của hội nhập kinh tế quốc tế

b. Nội dung hội nhập kinh tế quốc tế

- Chuẩn bị các điều kiện để thực hiện hội nhập hiệu quả, thành công

- Thực hiện đa dạng các hình thức, mức độ hội nhập kinh tế quốc tế

c. Tác động của hội nhập đến phát triển của Việt Nam

- Tác động tích cực của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam

- Tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam

d. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam

- Nhận thức sâu sắc về thời cơ và thách thức do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại

- Xây dựng chiến lược và lộ trình hội nhập phù hợp

- Tích cực, chủ động tham gia vào các liên kết kinh tế quốc tế và thực hiện đầy đủ các cam kết

- Hoàn thiện thể chế kinh tế và pháp luật

- Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của nền kinh tế

- Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ của Việt Nam.

3. Tóm tắt chương

a. Các thuật ngữ cần ghi nhớ: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cách mạng công nghiệp, cách mạng công nghiệp 4.0, toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, kinh tế độc lập, tự chủ

b. Vấn đề thảo luận:

- Hãy thảo luận lịch sử phát triển của các cuộc cách mạng công nghiệp? Nêu rõ những tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của xã hội loài người? Xuất phát từ vị trí của bản thân, thảo luận và trình bày về trách nhiệm của mình để đóng góp vào sự thành công của sự nghiệp CNH, HĐH Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

- Hãy thảo luận để làm rõ tác động tích cực và tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam. Chúng ta cần thích ứng với những tác động đó như thế nào?

c. Câu hỏi ôn tập:

- Phân tích nội dung quá trình CNH, HĐH của Việt Nam

- Phân tích quan điểm và các giải pháp để CNH, HĐH ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0

- Phân tích tính tất yếu khách quan của hội nhập kinh tế quốc tế và những tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đối với Việt Nam

- Nêu những giải pháp nâng cao hiệu quả của hội nhập kinh tế quốc tế trong sự phát triển của Việt Nam

- Việt Nam cần phải làm gì để thực hiện cách mạng công nghiệp 4.0. Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam trong thực hiện cách mạng công nghiệp 4.0./.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

(SCIENTIFIC SOCIALISM). MÃ HỌC PHẦN PHI1002. SỐ TÍN CHỈ 02

(Ban hành theo Quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Tên học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học

2. Thời lượng: 02 tín chỉ

3. Trình độ: Dùng cho sinh viên bậc đại học khối các ngành ngoài lý luận chính trị

4. Điều kiện tiên quyết: sau học phần Kinh tế chính trị Mác-Lênin

5. Mục tiêu của học phần:

a. Về kiến thức: Sinh viên nắm được các tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về chủ nghĩa xã hội khoa học (CNXHKKH), một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.

b. Về kỹ năng: Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị – xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.

c. Về thái độ: Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung.

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Nội dung học phần gồm 07 chương. Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của học phần chủ nghĩa xã hội khoa học.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Trước giờ lên lớp đọc, nghiên cứu tài liệu đã giới thiệu trong đề cương hoặc giáo trình môn học;

- Trong giờ lên lớp nghe giảng, ghi chép, chuẩn bị ý kiến, tình huống, phát biểu khi được phép, làm việc nhóm;

- Sau giờ lên lớp tự học, củng cố kiến thức, kỹ năng, thái độ theo yêu cầu môn học.

8. Tài liệu học tập:

Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (1999), Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học. Nxb CTQG, HN

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2002), Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học, Nxb CTQG,

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018), Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học, Chương trình cao cấp lý luận chính trị. Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Theo quy chế đào tạo đại học hiện hành;

- Theo quy chế đào tạo đại học hiện hành ở Trường Đại học Đông Đô

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học

1. Mục tiêu

- a. Về kiến thức: sinh viên có kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác – Lênin.
- b. Về kỹ năng: sinh viên có khả năng luận chứng được khách thể và đối tượng nghiên cứu của một khoa học và của một vấn đề nghiên cứu; phân biệt được những vấn đề chính trị - xã hội trong đời sống hiện thực.
- c. Về tư tưởng: sinh viên có thái độ tích cực với việc học tập các môn lý luận chính trị; có niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo.

2. Nội dung

1. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học

- a. Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học

- Điều kiện kinh tế - xã hội
- Tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận.

- b. Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen

- Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị
- Ba phát kiến vĩ đại của C.Mác và Ph.Ăngghen
- Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản (1848) đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học.

2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học

- a. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học

- Thời kỳ từ 1848 đến Công xã Pari (1871)
- Thời kỳ sau Công xã Pari 1871 đến 1895

- b. V.I.Lênin vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới

- Thời kỳ trước Cách mạng Tháng Mười Nga (1917)
- Thời kỳ sau Cách mạng Tháng Mười Nga đến năm 1924

- c. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay

- Thời kỳ từ 1924 đến trước 1991

- Thời kỳ từ 1991 đến nay

3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học

- a. Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học

b. Phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học

c. Ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học

4. Câu hỏi ôn tập

- Phân tích điều kiện kinh tế-xã hội và vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen trong việc hình thành chủ nghĩa xã hội khoa học

- Phân tích sự bảo vệ và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học của V.I.Lênin

- Phân tích đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học. So sánh với đối tượng của triết học

- Phân tích những đóng góp về lý luận chính trị-xã hội của Đảng CSVN qua hơn 30 năm đổi mới.

Chương 2. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

1. Mục tiêu

a. Về kiến thức: Sinh viên nắm vững quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, nội dung, biểu hiện và ý nghĩa của sứ mệnh đó trong bối cảnh hiện nay.

b. Về kỹ năng: Sinh viên biết vận dụng phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành chủ nghĩa xã hội khoa học vào việc phân tích sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong tiến trình cách mạng Việt Nam, trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay.

c. Về tư tưởng: góp phần xây dựng và củng cố niềm tin khoa học, lập trường giai cấp công nhân đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

2. Nội dung

a. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân

- Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân (Xem xét từ góc độ kinh tế - xã hội; Xem xét từ góc độ chính trị - xã hội)

- Nội dung sứ mệnh của lịch sử của giai cấp công nhân (Nội dung kinh tế, nội dung chính trị-xã hội, nội dung văn hóa-tư tưởng)

- Những điều kiện quy định và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân (Điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Điều kiện khác quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Nhân tố chủ quan để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử)

b. Giai cấp công nhân và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay

- Giai cấp công nhân hiện nay (Về điểm tương đồng, ổn định tương đối so với thế kỷ XX; Những biến đổi và khác biệt của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay)

- Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay (Nội dung kinh tế; nội dung chính trị-xã hội; nội dung văn hóa-tư tưởng)

c. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam

- Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam

- Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong các thời kỳ cách mạng (Nội dung kinh tế; nội dung chính trị-xã hội; nội dung văn hóa-tư tưởng)

d. Phương hướng và giải pháp chủ yếu xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay

- Phương hướng chủ yếu xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay

- Một số giải pháp chủ yếu xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay

3. Câu hỏi ôn tập

- Nêu những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?

- Trình bày những điều kiện khác quan và nhân tố chủ quan quy định và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?

- Phân tích nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thế giới hiện nay?

- Phân tích đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam và nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay?

- Nêu những phương hướng và giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam?

Chương 3. Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

1. Mục tiêu

a. Về kiến thức: Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản những quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và sự vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vào điều kiện cụ thể Việt Nam.

b. Về kỹ năng: Sinh viên bước đầu biết vận dụng tri thức có được vào phân tích những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa xã hội và con đường lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

c. Về tư tưởng: Sinh viên khẳng định niềm tin vào chế độ xã hội chủ nghĩa, tin tưởng và ủng hộ đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Nội dung

1. Chủ nghĩa xã hội

a. Chủ nghĩa xã hội- giai đoạn đầu của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa

- Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội (điều kiện kinh tế, điều kiện chính trị-xã hội)

- Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội

b. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

2. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- a. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa
- b. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

3. Câu hỏi ôn tập

- Phân tích điều kiện ra đời và đặc trưng của CNXH. Liên hệ thực tiễn Việt Nam?
- Phân tích tính tất yếu, đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Liên hệ thực tiễn Việt Nam?
- Nêu nội dung quan điểm của Đảng CSVN về sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa?
- Phân tích quan điểm của Đảng CSVN về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội và đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?

Chương 4. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa

1. Mục tiêu

- a. Về kiến thức: nhận thức đầy đủ và đúng bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa nói chung, ở Việt Nam nói riêng.
- b. Về kỹ năng: có khả năng vận dụng lý luận về dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa vào việc phân tích những vấn đề thực tiễn liên quan, trước hết là trong công việc, nhiệm vụ của cá nhân.
- c. Về tư tưởng: khẳng định bản chất tiến bộ của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa; có thái độ phê phán những quan điểm sai trái phủ nhận tính chất tiến bộ của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa nói chung, ở Việt Nam nói riêng.

2. Nội dung

1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa

- a. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ
 - Quan niệm về dân chủ;
 - Sự ra đời và phát triển của dân chủ.
- b. Dân chủ xã hội chủ nghĩa
 - Quá trình ra đời của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa;
 - Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa

- a. Sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa
- b. Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa;
- c. Chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa.
- d. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa

- Dân chủ XHCN là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng và hoạt động của nhà nước XHCN;
- Nhà nước XHCN là công cụ quan trọng cho việc thực thi quyền làm chủ của người dân.

3. Dân chủ XHCN và nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam.

a. Dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- Sự ra đời, phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

b. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- Quan niệm về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Đặc điểm của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

c. Phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

- Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay;
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

4. Câu hỏi ôn tập

- Khái niệm, bản chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa
- Bản chất và chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa
- Bản chất và định hướng xây dựng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
- Nội dung và định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
- Liên hệ trách nhiệm cá nhân trong việc góp phần xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Chương 5. Cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

1. Mục tiêu

- Về kiến thức: nắm được những kiến thức nền tảng về cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
- Về kỹ năng: có kỹ năng nhận diện những biến đổi trong cơ cấu xã hội – giai cấp và nội dung liên minh giai cấp ở nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
- Về tư tưởng: nhận thức được tầm quan trọng và thấy được sự cần thiết phải góp sức tăng cường xây dựng khối liên minh giai cấp vững mạnh trong sự nghiệp xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

2. Nội dung

a. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội (Khái niệm cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội – giai cấp; Vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội)

- Sự biến chuyển có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

b. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Xét từ góc độ chính trị - xã hội

- Xét từ góc độ kinh tế

c. Cơ cấu xã hội-giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Cơ cấu xã hội-giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (Nội dung liên minh; Phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội-giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3. Câu hỏi ôn tập

- Phân tích rõ cơ cấu xã hội-giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH và liên hệ ở Việt Nam

- Trong thời kỳ quá độ lên CNXH vì sao phải thực hiện liên minh giai cấp, tầng lớp. Phân tích vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp cơ bản trong cơ cấu xã hội-giai cấp Việt Nam

- Phân tích nội dung của liên minh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam và đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm tăng cường khối liên minh ở nước ta hiện nay

- Làm rõ trách nhiệm của thanh niên, sinh viên trong việc góp phần củng cố khối liên minh và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân

Chương 6. Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

1. Mục tiêu

a. Về kiến thức: nắm được quan điểm cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc, tôn giáo; mối quan hệ dân tộc với tôn giáo và nội dung chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam. Trên cơ sở đó nhận thức rõ tầm quan trọng của vấn đề dân tộc, tôn giáo đối với sự nghiệp cách mạng của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng CSVN.

b. Về kỹ năng: rèn luyện kỹ năng tư duy và năng lực vận dụng những nội dung trong bài học để phân tích, giải thích những vấn đề trong thực tiễn một cách khác quan, có cơ sở khoa học.

c. Về tư tưởng: thấy rõ tính khoa học trong tư tưởng và cách thức giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo của chủ nghĩa Mác-Lênin, của Đảng Cộng sản Việt Nam; từ đó xác định trách nhiệm của bản thân góp phần tuyên truyền và thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước.

2. Nội dung

1. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

a. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc

- Khái niệm dân tộc

- Đặc trưng cơ bản của dân tộc

b. Chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc

- Hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc;

- Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin.

c. Vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam

- Đặc điểm dân tộc Việt Nam;

- Quan điểm và chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam.

2. Vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

a. Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề tôn giáo

- Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo;

- Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

b. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay

- Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam

- Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo, tín ngưỡng hiện nay

c. Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

- Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam (Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo; quan hệ dân tộc-tôn giáo được thiết lập và củng cố trên cơ sở cộng đồng quốc gia-dân tộc thống nhất. Quan hệ dân tộc-tôn giáo chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi tín ngưỡng truyền thống. Các hiện tượng tôn giáo mới có xu hướng phát triển mạnh tác động đến đời sống cộng đồng và khối đại đoàn kết dân tộc

- Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

3. Câu hỏi ôn tập

- Phân tích quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

- Trình bày những quan điểm, tư tưởng, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

- Phân tích, làm rõ quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

- Trình bày những quan điểm, tư tưởng, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam về vấn đề tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

- Phân tích mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam và ảnh hưởng của mối quan hệ đó đến sự ổn định chính trị-xã hội của đất nước, đến độc lập, chủ quyền của Tổ quốc

Chương 7. Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

1. Mục tiêu

- a. Về kiến thức: nắm được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về gia đình, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay.
- b. Về kỹ năng: có kỹ năng, phương pháp khoa học trong nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến vấn đề gia đình và xây dựng gia đình, từ đó có nhận thức đúng đắn về vấn đề này.
- c. Về tư tưởng: có thái độ và hành vi đúng đắn trong nhận thức và có trách nhiệm xây dựng gia đình, xây dựng mối quan hệ giữa cá nhân, gia đình và xã hội.

2. Nội dung

1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình

- a. Khái niệm gia đình
- b. Vị trí của gia đình trong xã hội
 - Gia đình là tế bào của xã hội
 - Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội
 - Xã hội là môi trường tồn tại và phát triển của gia đình)
- c. Chức năng cơ bản của gia đình
 - Chức năng tái sản xuất ra con người;
 - Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục;
 - Chức năng kinh tế;
 - Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình.

2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên xã hội chủ nghĩa

- a. Cơ sở kinh tế - xã hội
- b. Cơ sở chính trị - xã hội
- c. Cơ sở văn hóa
- d. Chế độ hôn nhân tiến bộ

3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- a. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
 - Biến đổi quy mô, kết cấu của gia đình;
 - Biến đổi các chức năng của gia đình;
 - Biến đổi quan hệ gia đình.
- b. Phương hướng cơ bản để xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
 - Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức của xã hội về xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam.
 - Đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao đời sống vật chất, kinh tế hộ gia đình

- Kế thừa những giá trị của gia đình truyền thống đồng thời tiếp thu những tiến bộ của nhân loại về gia đình trong xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay.
- Tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa.

3. Câu hỏi ôn tập

- Phân tích vị trí, chức năng của gia đình
- Trình bày những cơ sở của gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
- Những biến đổi cơ bản của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH
- Trình bày những phương hướng xây dựng và phát triển gia đình ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội./.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (HO CHI MINH IDEOLOGY). **MÃ HỌC PHẦN POL1001. SỐ TÍN CHỈ 02**

(Ban hành theo Quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

2. Thời lượng: 02 tín chỉ

3. Trình độ: Dùng cho sinh viên bậc đại học khối các ngành ngoài lý luận chính trị

4. Điều kiện tiên quyết: sau học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học

5. Mục tiêu của học phần:

a. Về kiến thức: Học phần giúp sinh viên nắm được: những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam vào cách mạng giải phóng dân tộc, kháng chiến chống Pháp, Mỹ, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Cụ thể: Nắm được khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Nắm được phương pháp và phương pháp luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc nhận thức và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn của dân tộc và nhân loại. Hiểu được những giá trị khoa học, cách mạng, nhân văn trong cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng Hồ Chí Minh. Hiểu được một cách có hệ thống nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta.

b. Về kỹ năng: Học phần giúp sinh viên hình thành khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. Cụ thể: Rèn luyện năng lực tư duy lý luận. Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc nghiên cứu, phân tích các tác phẩm lý luận của Hồ Chí Minh và kỹ năng trình bày, thuyết trình một số vấn đề lý luận. Có kỹ năng vận dụng lý luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để nghiên cứu, phân tích các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới.

c. Về thái độ: Học phần giúp sinh viên nâng cao được bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng học tập gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc ta; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Góp phần củng cố trong sinh viên lòng tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; nâng cao lòng tự hào dân tộc và tình cảm đối với Đảng, với Bác Hồ; xác lập ý thức trách nhiệm và thái độ tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Góp phần đào tạo sinh viên trở thành những con người có phẩm chất đạo đức mới, có lý tưởng và phong cách sống trong sáng, có thể ứng xử đáp ứng được yêu cầu của một xã hội đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Nội dung học phần gồm 06 chương, cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa việc học tập học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; về hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới; về

những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Trước giờ lên lớp đọc, nghiên cứu tài liệu đã giới thiệu trong đề cương hoặc giáo trình môn học;
- Trong giờ lên lớp nghe giảng, ghi chép, chuẩn bị ý kiến, tình huống, phát biểu khi được phép, làm việc nhóm;
- Sau giờ lên lớp tự học, củng cố kiến thức, kỹ năng, thái độ theo yêu cầu của môn học.

8. Tài liệu học tập:

Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn các giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2002), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb. CTQG, Hà Nội

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb. CTQG, Hà Nội

<http://www.cpv.org.vn>. <http://www.dangcongsan.vn>. <http://www.tapchicongsan.org.vn>

Phim tư liệu: Hồ Chí Minh chân dung một con người.

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Theo quy chế đào tạo đại học hiện hành;
- Theo quy chế đào tạo đại học hiện hành ở Trường Đại học Đông Đô

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập học phần tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

2. Đối tượng nghiên cứu của học phần tư tưởng Hồ Chí Minh

3. Phương pháp nghiên cứu

a. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh

- Thống nhất nguyên tắc tính đảng và tính khoa học
- Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn
- Quan điểm lịch sử - cụ thể
- Quan điểm toàn diện và hệ thống
- Quan điểm kế thừa và phát triển

b. Một số phương pháp cụ thể

- Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn (Phương pháp quan sát khoa học, Phương pháp điều tra, Phương pháp thực nghiệm khoa học, Phương pháp phân tích tổng kết kinh nghiệm, Phương pháp chuyên gia)
- Các phương pháp nghiên cứu lý thuyết (Phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết, Phương pháp phân loại và hệ thống hóa lý thuyết, Phương pháp mô hình hóa, Phương pháp giả thuyết, Phương pháp lịch sử)

4. Ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu học phần tư tưởng Hồ Chí Minh

- a. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận
- b. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước
- c. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác.

Chương 2. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

- a. Cơ sở thực tiễn
 - Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX
 - Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX
- b. Cơ sở lý luận
 - Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam
 - Tinh hoa văn hóa nhân loại
 - Chủ nghĩa Mác – Lênin
- c. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh
 - Phẩm chất Hồ Chí Minh
 - Tài năng hoạt động thực tiễn Hồ Chí Minh

2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

- a. Thời kỳ từ ngày 5/6/1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng tìm đường cứu nước
- b. Thời kỳ 1911-1920: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam (cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản)
- c. Thời kỳ 1920-1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam

d. Thời kỳ 1930-1941: Vượt qua thử thách, kiên định giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo

đ. Thời kỳ 1941-1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục hoàn thiện, phát triển, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta

3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh

a. Đối với cách mạng Việt Nam

- Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến thắng lợi và bắt đầu xây dựng xã hội mới trên đất nước ta

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam trong thời đại hiện nay

b. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại

- Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc bị áp bức, thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn liền với sự tiến bộ xã hội

- Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới.

Chương 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc

a. Quan niệm Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc

- Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc

- Độc lập dân tộc phải gắn liền tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân

- Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để

- Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ

b. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc

- Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản

- Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo

- Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh công-nông làm nền tảng

- Cách mạng giải phóng dân tộc phải cần chủ động sáng tạo, có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc

- Cách mạng giải phóng dân tộc phải tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

a. Quan niệm Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

- Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan
- Một số đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội
- b. Tư tưởng Hồ Chí Minh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
 - Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
 - Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
- c. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
 - Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ
 - Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

- a. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội
- b. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để đảm bảo nền độc lập dân tộc vững chắc
- c. Điều kiện đảm bảo độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay

- a. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định
- b. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa
- c. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị
- d. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, suy thoái về đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Chương 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam

và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam

- a. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam
- b. Đảng phải trong sạch, vững mạnh
 - Đảng là đạo đức, là văn minh
 - Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng (Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Tập trung dân chủ. Tự phê bình và phê bình. Kỷ luật nghiêm minh, tự giác. Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn. Đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Đảng phải liên hệ mật thiết với nhân dân. Đoàn kết quốc tế)
 - Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên giỏi về chuyên môn, trong sáng về đạo đức

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước Việt Nam

- a. Nhà nước dân chủ
 - Bản chất giai cấp của nhà nước
 - Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân
- b. Nhà nước pháp quyền
 - Nhà nước hợp hiến, hợp pháp
 - Nhà nước thượng tôn pháp luật
 - Nhà nước pháp quyền nhân nghĩa
- c. Nhà nước trong sạch, vững mạnh
 - Kiểm soát quyền lực nhà nước
 - Phòng chống tiêu cực trong Nhà nước

3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước

- a. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng
- b. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Nhà nước.

Chương 5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế

1. Mục tiêu

- a. Về kiến thức: nắm được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam vào sự nghiệp đổi mới đất nước
- b. Về kỹ năng: rèn luyện được kỹ năng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế vào cuộc sống trong giai đoạn hiện nay
- c. Về tư tưởng: củng cố niềm tin vào khối đại đoàn kết toàn dân tộc và sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong sự nghiệp đổi mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc

- a. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc
 - Đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng
 - Đại đoàn kết toàn dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, là nhu cầu khách quan của nhân dân
- b. Lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc là đoàn kết toàn dân
 - Chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc
 - Nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc
- c. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

d. Hình thức, nguyên tắc tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc- Mặt trận dân tộc thống nhất

- Mặt trận dân tộc thống nhất

- Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất

- Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế

a. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế

- Đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng

- Đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân tôn giáo thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại

b. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức

- Các lực lượng cần đoàn kết

- Hình thức tổ chức

c. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế

- Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích: có lý, có tình

- Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ, tự cường

4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết trong giai đoạn hiện nay

a. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng

b. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công – nông – trí

c. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải gắn với đoàn kết quốc tế.

Chương 6. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người

1. Mục tiêu

a. Về kiến thức: Cung cấp cho người học kiến thức tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người. Trên cơ sở đó, người học biết vận dụng vào thực tiễn, thể hiện trách nhiệm xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh;

b. Về kỹ năng: Góp phần giúp cho người học có phương pháp tư duy mới trong học tập, nghiên cứu; tự mình biết đào sâu lý luận gắn với thực tiễn với tinh thần độc lập, sáng tạo;

c. Về tư tưởng: trên cơ sở nhận thức khoa học, người học có niềm tin về giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi; đồng thời chống lại các quan điểm sai trái, luận điệu thù địch nhằm phủ nhận, xóa bỏ tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng về văn hóa, đạo đức, con người nói riêng.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa

a. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác

- Quan điểm của Hồ Chí Minh về văn hóa
- Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác

b. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa

- Văn hóa là mục tiêu, là động lực của sự nghiệp cách mạng
- Văn hóa là một mặt trận
- Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân

c. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới

- Văn hóa mới
- Nội dung xây dựng nền văn hóa mới

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

a. Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng

- Quan điểm về đạo đức (Quan niệm chung, Quan niệm của Hồ Chí Minh về đạo đức)
- Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò và sức mạnh của đạo đức (Đạo đức là gốc, là nền tảng của người cách mạng. Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội)

b. Về những chuẩn mực đạo đức cách mạng

- Trung với nước, hiếu với dân
- Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư
- Thương yêu con người, sống có tình có nghĩa
- Tinh thần quốc tế trong sáng

c. Quan điểm của Hồ Chí Minh về nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng

- Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức
- Xây đi đôi với chống
- Tu dưỡng đạo đức suốt đời

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người

a. Quan điểm của Hồ Chí Minh về con người

- Con người
- Người cán bộ cách mạng
- b. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người
- c. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng con người

5. Xây dựng văn hóa, đạo đức con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng HCM

- a. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người
- b. Về xây dựng đạo đức cách mạng./.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(HISTORY OF COMMUNIST PARTY OF VIETNAM)

MÃ HỌC PHẦN HIS1001. SỐ TÍN CHỈ 02

(Ban hành theo Quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Tên học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2. Thời lượng: 02 tín chỉ

3. Trình độ: Dùng cho sinh viên bậc đại học khối các ngành ngoài lý luận chính trị

4. Điều kiện tiên quyết: sau học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh

5. Mục tiêu của học phần:

a. Về kiến thức: Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018);

b. Về kỹ năng: Thông qua các sự kiện lịch sử và kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng, học phần giúp sinh viên hình thành phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng. Cụ thể: Rèn luyện năng lực tư duy lý luận. Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc nghiên cứu, phân tích các Văn kiện Đảng và kỹ năng trình bày, thuyết trình một số vấn đề lý luận. Có kỹ năng vận dụng lý luận, phương pháp và phương pháp luận khoa học lịch sử để nghiên cứu, phân tích các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới.

c. Về thái độ: Học phần giúp sinh viên nâng cao được bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng học tập gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò lãnh đạo không thể thiếu của Đảng Cộng sản trong cách mạng Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Góp phần củng cố trong sinh viên lòng tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; nâng cao lòng tự hào dân tộc và tình cảm đối với Đảng, với Bác Hồ; xác lập ý thức trách nhiệm và thái độ tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Góp phần đào tạo sinh viên trở thành những con người có phẩm chất đạo đức mới, có lý tưởng và phong cách sống trong sáng, có thể ứng xử đáp ứng được yêu cầu của một xã hội đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế. Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào.

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Nội dung học phần gồm 03 chương, cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, mục đích, phương pháp nghiên cứu, học tập và ý nghĩa việc học tập học phần và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng; về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu ra các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng, giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Trước giờ lên lớp đọc, nghiên cứu tài liệu đã giới thiệu trong đề cương hoặc giáo trình môn học;
- Trong giờ lên lớp nghe giảng, ghi chép, chuẩn bị ý kiến, tình huống, phát biểu khi được phép, làm việc nhóm;
- Sau giờ lên lớp tự học, củng cố kiến thức, kỹ năng, thái độ theo yêu cầu của môn học.

8. Tài liệu học tập:

Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn các giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Nxb. CTQG, Hà Nội

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb. CTQG, Hà Nội

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Theo quy chế đào tạo đại học hiện hành;
- Theo quy chế đào tạo đại học hiện hành ở Trường Đại học Đông Đô

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương Nhập môn. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung

và phương pháp nghiên cứu, học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- a. Đối tượng nghiên cứu;
- b. Phạm vi nghiên cứu.

2. Chức năng, nhiệm vụ

- a. Chức năng của khoa học lịch sử Đảng;
- b. Nhiệm vụ của môn học.

3. Phương pháp nghiên cứu, học tập

- a. Phương pháp luận
- n. Các phương pháp cụ thể

Chương 1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời

và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)

1. Mục tiêu

- a. Về kiến thức: Cung cấp hệ thống tri thức về quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930); nội dung cơ bản, giá trị lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và quá trình Đảng

lãnh đạo cuộc đấu tranh giành độc lập, giành chính quyền (1930-1945).

b. Về tư tưởng: Cung cấp cơ sở lịch sử, góp phần củng cố niềm tin của thế hệ trẻ vào sự nghiệp giải phóng dân tộc và phát triển đất nước theo con đường cách mạng vô sản; sự lựa chọn đúng đắn, tất yếu, khách quan của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam từ thời kỳ đầu dựng Đảng.

c. Về kỹ năng: Từ việc nhận thức lịch sử thời kỳ đầu dựng Đảng, góp phần trang bị cho sinh viên phương pháp nhận thức biện chứng, khách quan về quá trình Đảng ra đời và vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, xác lập chính quyền cách mạng.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (2/ 1930)

a. Bối cảnh lịch sử

- Tình hình thế giới tác động đến cách mạng Việt Nam
- Tình hình Việt Nam
- Các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam trước khi có Đảng.

b. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng

- Chuẩn bị về tư tưởng
- Chuẩn bị về chính trị
- Chuẩn bị về tổ chức.

c. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

- Các tổ chức cộng sản;
- Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Nội dung cơ bản của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (2/1930).

d. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

- Đặc điểm ra đời của Đảng
- Ý nghĩa của việc thành lập Đảng.

3. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)

a. Phong trào cách mạng 1930-1935 và khôi phục phong trào 1932-1935

- Phong trào cách mạng năm 1930-1931 và Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930
- Cuộc đấu tranh khôi phục tổ chức và phong trào cách mạng
- Đại hội Đảng lần thứ nhất (3-1935).

b. Phong trào dân chủ 1936-1939

- Điều kiện lịch sử và chủ trương của Đảng
- Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình
- Ý nghĩa của phong trào dân chủ.

c. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945

- Bối cảnh lịch sử và chủ trương chiến lược mới của Đảng
- Phong trào chống Pháp-Nhật, đẩy mạnh chuẩn bị lực lượng cho khởi nghĩa vũ trang
- Cao trào kháng Nhật cứu nước và tổng khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945

d. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945

- Tính chất
- Ý nghĩa
- Kinh nghiệm./.

4. Câu hỏi ôn tập

- Phân tích những điều kiện cần thiết dẫn tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 2/1930
- Nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên được Hội nghị thành lập Đảng (2/1930) thông qua
- Vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc 1930-1945
- Đặc điểm, tính chất, kinh nghiệm và ý nghĩa lịch sử Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến,

hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975)

1. Mục tiêu

- Về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những nội dung lịch sử cơ bản, hệ thống, khách quan về sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước thời kỳ 1945-1975;
- Về tư tưởng: Giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn thực tiễn lịch sử và những kinh nghiệm rút ra từ quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ 1945-1975, nâng cao niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sức mạnh đoàn kết của toàn dân trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc.
- Về kỹ năng: Trang bị kỹ năng tìm chọn tài liệu nghiên cứu, năng lực phân tích sự kiện, phương pháp đúc rút kinh nghiệm lịch sử về sự lãnh đạo kháng chiến của Đảng và ý thức phê phán những nhận thức sai trái về lịch sử của Đảng.

2. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)

- Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946
 - Tình hình Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám;
 - Xây dựng chế độ mới và chính quyền cách mạng;
 - Tổ chức kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ, đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ.
- Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950
 - Kháng chiến toàn quốc bùng nổ và đường lối kháng chiến của Đảng;
 - Tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến từ năm 1947 đến năm 1950;
- Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi 1951-1954

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II và Chính cương của Đảng (2-1951);
 - Đẩy mạnh phát triển cuộc kháng chiến về mọi mặt;
 - Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến.
- d. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ
- Ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến;
 - Kinh nghiệm của Đảng về lãnh đạo kháng chiến.

3. Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)

a. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954-1965

- Khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công 1954-1960;
- Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam 1961-1965.

b. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975

- Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng trong giai đoạn mới;
- Lãnh đạo xây dựng hậu phương, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc; giữ vững chiến lược tiến công, đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ ở miền Nam 1965-1968;
- Khôi phục kinh tế, bảo vệ Miền Bắc, đẩy mạnh cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc 1969-1975.

c. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975

- Ý nghĩa lịch sử;
- Kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng.

4. Câu hỏi ôn tập

- Đường lối và vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ 1945- 1954?
- Ý nghĩa lịch sử và những kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ (1945- 1954)?
- Sự phát triển đường lối và khái quát quá trình lãnh đạo của Đảng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954- 1975?
- Đặc điểm, ý nghĩa thắng lợi và những kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước?

- Cách mạng xã hội chủ nghĩa và những thành quả xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc 1954 - 1975?

Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018)

1. Mục tiêu

- Về kiến thức: Giúp sinh viên nắm được đường lối, cương lĩnh, hệ thống tri thức về quá trình phát triển đường lối và sự lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ sau ngày thống nhất đất nước năm đến nay (1975 - 2018)
- Về tư tưởng: Củng cố niềm tin của sinh viên về những thắng lợi của Đảng trong lãnh đạo đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018), củng cố niềm tin và lòng tự hào vào sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng hiện nay
- Về kỹ năng: Giúp sinh viên rèn luyện tác phong tư duy gắn lý luận với thực tiễn, phát huy tính năng động, sáng tạo của sinh viên; vận dụng tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống.

2. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)

- Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981
 - Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước;
 - Đại hội IV của Đảng và quá trình xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc 1976-1981
- Đại hội V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982 - 1986
 - Đại hội V của Đảng và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội;
 - Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế.

3. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế (1986-2018)

- Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội 1986-1996
 - Đại hội VI và thực hiện đổi mới toàn diện;
 - Đại hội VII và thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 1991-1996.
- Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế 1996-2018
 - Đại hội VIII và bước đầu thực hiện công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá 1996-2001;
 - Đại hội IX, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước 2001-2006;
 - Đại hội X của Đảng và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội 2006-2011
 - Đại hội XI và Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 của Đảng;
 - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế.

4. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới

- Thành tựu của sự nghiệp đổi mới;
- Các hạn chế và nguyên nhân;
- Một số kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo công cuộc đổi mới./.

5. Câu hỏi ôn tập

- Khái quát quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước và quá trình tìm con đường đổi mới đất nước của Đảng
- Nội dung đường lối đổi mới toàn diện của Đại hội Đảng lần thứ VI (12- 1986) và quá trình thực hiện (1986-2018)
- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991 và bổ sung, phát triển năm 2011)
- Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế (1986-2018)
- Thành tựu, ý nghĩa, kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp đổi mới (1986-2018).

Kết luận. Thắng lợi và bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng

1. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam

- a. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa
- b. Thắng lợi của các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc
- c. Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

2. Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng

- a. Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội
- b. Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân
- c. Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế
- d. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế
- đ. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam
- e. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt N

5 – ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ DƯỢC

1. Tên học phần: Đạo đức trong hành nghề Dược

2. Số tín chỉ: 2

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ VIII.

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

5. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 2TC, 30 tiết (lý thuyết 20 tiết, thảo luận 10 tiết)

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: không

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những nguyên tắc đạo đức cơ bản trong hành nghề dược.

8. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

+ **Kiến thức:**

Trình bày được các nguyên tắc đạo đức cơ bản trong các lĩnh vực hành nghề dược.

+ **Thái độ:**

Nâng cao ý thức rèn luyện đạo đức trong hành nghề dược.

9. Tài liệu học tập:

- **Sách, giáo trình chính:**

[1]. *Đạo đức trong hành nghề Dược*, Giáo trình nội bộ, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô, 2017.

- **Sách tham khảo:** không

10. Phương pháp đánh giá sinh viên:

- Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

- Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

• Chuyên cần hệ số 10%

• Điểm kiểm tra giữa học phần, hệ số 30%

• Điểm bài thi kết thúc học phần, hệ số 60%

Hình thức thi Tự luận 60 phút.

CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (Lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT Tuần	Nội dung	Phân bố thời gian					Tổng cộng
		LT	Bài tập	Thảo luận	TH TN TT	Tự học	
1	Tâm lý y học, phương pháp nghiên cứu tâm lý y học	4				8	12
2	Lịch sử đạo đức Khái niệm đạo đức và phạm trù đạo đức	4				8	12
3	12 điều y đức của người cán bộ y tế 10 điều y đức trong hành nghề dược	2				4	6
4	Những đặc điểm chủ yếu của đạo đức trong hành nghề dược	2		2		8	12
5	Đạo đức trong sản xuất thuốc	2		2		8	12
6	Đạo đức trong kinh doanh thuốc	2		2		8	12
7	Đạo đức tư vấn hướng dẫn sử dụng thuốc	2		2		8	12
8	Đạo đức trong NCKH dược	2		2		8	12
Tổng		20		10		60	90

6 – ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ANH VĂN 1

1. Tên học phần: Anh văn 1

2. Số tín chỉ: 2

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ I

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Đông Đô.

5. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 2TC, 30 tiết (lý thuyết 20 tiết, thảo luận 10 tiết)

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: không

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần anh văn 1 (AV1) bao gồm 6 bài học của cuốn giáo trình New Cutting Edge Elementary (Module 3,4,6,8,9,10), trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, vốn từ vựng, ngữ âm ở trình độ sơ cấp (Elementary), đồng thời giúp sinh viên làm quen với cách học tiếng Anh theo quan điểm giao tiếp kết hợp bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

8. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

+ **Kiến thức:**

- Trình bày các động từ thông dụng trong cuộc sống hàng ngày, các động từ chỉ hoạt động, chỉ sở thích; các danh từ chỉ thức ăn, đồ uống, các loại phim ảnh.

- Nêu được cách sử dụng thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn ở 3 thể khẳng định, phủ định và nghi vấn.

- Sử dụng được some/any, cấu trúc there is, there are, how much và how many, mẫu câu đề nghị, đồng ý và từ chối lời đề nghị.

- Thực hiện được cách hỏi và trả lời về thông tin cá nhân của bản thân và các hoạt động trong cuộc sống hàng ngày, đặt câu hỏi và trả lời về ngày, giờ, có thể giao tiếp trong tình huống gọi món ăn, thức uống trong nhà hàng, mời bạn đi xem phim ...

- Sử dụng được các dạng so sánh của tính từ.

+ **Kỹ năng:**

- Giao tiếp và trình bày ý kiến về các vấn đề thường gặp trong cuộc sống (theo nội dung đã học).

- Đọc hiểu và thể hiện được quan điểm về các vấn đề trên dưới dạng những bài viết đơn giản.

9. Tài liệu học tập:

- **Sách, giáo trình chính:**

[1]. Cunningham, Sarah & Moor, Peter, *New Cutting Edge* (Elementary), Pearson Education Limited, 2005.

- Sách tham khảo:

[2] Tom Hutchinson. *Lifeline*, Oxford University Press, 2000.

[3] John & Liz Soars. *Headway*, Oxford University Press, 2000.

[4]. Richarch, J.C. (2003). *New Interchange 1*. Cambridge University Press.

[5]. Cunnigham, S & Moor, P. (2008), *New cutting Edge*– Elementary. Longman.

[6]. Blackwell, A. & Naber, T. (2005), *Know How 1*. Oxford University press.

[7]. Azar, B.S (2005). *Basic English Grammar*, NXB Thành Phố Hồ Chí Minh.

[8]. Jim Lee, Sandy Cho, *TOEIC Academy*, NXB Tổng hợp Tp.HCM.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên:

- Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...
- Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%
 - Chuyên cần hệ số 10%
 - Điểm kiểm tra giữa học phần, hệ số 30%
 - Điểm bài thi kết thúc học phần, hệ số 60%

Hình thức thi Tự luận 60 phút.

CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (Lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT Tuần	Nội dung	Phân bố thời gian				Tổng cộng
		LT	Thảo luận	KT	Tự học	
1	Everyday life Language focus 1: Present simple	4	1		10	15
2	Loves and hates Listening: celebrity loves and hates Language focus 1: Present simple: he and she; like... ing; activities Task: Find things in common	4	1		10	15
3	Eating and drinking	4	1		10	15

TT Tuần	Nội dung	Phân bố thời gian				Tổng cộng
		LT	Thảo luận	KT	Tự học	
	Vocabulary: food (countable & uncountable nouns) Language focus 1: there is and There are					
4	Facts or fictions - Vocabulary: Describing Films - Reading: Film Facts	4	1		10	15
5	Buying and selling - Language focus 1: Comparative adjectives - Practice 1 (p.79) - Additional practice - Pronunciation: Notice the stressed and weak syllables	4	1		10	15
6	Street Life - Language focus 1: Present continuous - Practice 1,2 (p.87) - Pronunciation: sound at the end of – ing forms - Vocabulary: clothes	4	1		10	15
Tổng		24	6		60	90

7 – ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ANH VĂN 2

1. Tên học phần: Anh văn 2

2. Số tín chỉ: 3

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ II

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Đông Đô

5. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 3TC, 45 tiết (lý thuyết 30 tiết, thảo luận 15 tiết)

- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Anh văn 1

7. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

+ **Kiến thức:**

- Trình bày được công thức, cách sử dụng các thì hiện tại đơn, quá khứ đơn và hiện tại tiếp diễn, phân biệt được thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn.

- Nêu được các từ vựng liên quan đến các đề tài: các hoạt động giải trí, những sự kiện đáng nhớ, các hoạt động hàng ngày, nghề nghiệp, các lễ hội, các ngày đặc biệt trong năm.

- Trình bày được cách nhấn trong câu hỏi, trọng âm của từ chỉ cảm xúc, cách phát âm – ed, cách cho lời khuyên, cách đọc ngày tháng.

- Sử dụng được các cấu trúc *going to*, *planning to*, *would like to*, *would rather*, *Thì hiện tại hoàn thành* và *Thì quá khứ đơn* với giới từ *for* và những từ chỉ thời gian khác.

- Sử dụng được các dạng câu hỏi và câu trả lời ở *Thì quá khứ đơn*, *Thì quá khứ tiếp diễn*, *Thì hiện tại đơn*, *Thì hiện tại tiếp diễn*, *Thì hiện tại hoàn thành* và *Thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn*.

- Phân biệt được sự khác nhau về cách dùng giữa *Thì hiện tại đơn* và *Thì hiện tại tiếp diễn*, *Thì hiện tại hoàn thành* và *Thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn* với *for*, *since* và *ago*.

- Sử dụng được của các dạng câu chỉ thì tương lai, câu bị động, mệnh đề quan hệ xác định, phân biệt được cách dùng của tính từ kết thúc bằng – ed và –ing.

- Sử dụng được những cấu trúc đề yêu cầu một cách lịch sự; nắm được những cách dùng khác nhau của “will”.

- Biết cách nhấn trọng âm; biết cách liên hệ công việc qua điện thoại, biết cách sắp xếp một cuộc hẹn qua điện thoại...

+ **Kỹ năng:**

- Hỏi và trả lời nhanh được các vấn đề trong các lĩnh vực hoạt động giải trí, nghề nghiệp, lễ hội.

- Nhận ra lỗi và sửa lỗi chia động từ theo các thì đơn và thì tiếp diễn.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần anh văn 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản ở trình độ tiếng Anh trung cấp, nắm vững kỹ năng giao tiếp đàm thoại hàng ngày, sử dụng được các thì của tiếng Anh ở dạng ghép, phức tạp; và cách nhấn mạnh ngữ điệu, trọng âm.

9. Tài liệu học tập:

- **Sách, giáo trình chính:**

[1]. Cunningham, Sarah & Moor, Peter, *New Cutting Edge* (Pre-Intermediate), Pearson Education Limited, 2005.

[2]. Sarah Cunningham, Peter Moor. *New Cutting Edge - Intermediate*, Pearson Education Limited, 2005.

- **Sách tham khảo:**

[3] Angela Blackwell, Therese Naber. *English Know How*, Oxford University Press, 2003.

[4] Tom Hutchinson. *Lifeline*, Oxford University Press, 2000.

[5] John & Liz Soars. *Headway*, Oxford University Press, 2000.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên:

- Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

- Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

- Chuyên cần hệ số 10%
- Điểm kiểm tra giữa học phần, hệ số 30%
- Điểm bài thi kết thúc học phần, hệ số 60%

Hình thức thi Tự luận 60 phút.

CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (Lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT Tuần	Nội dung	Phân bố thời gian					Tổng cộng
		LT	Bài tập	Thảo luận	TH	Tự học	
1	A Weekend away - Language Focus 1: Future	2		1		6	9

TT Tuần	Nội dung	Phân bố thời gian					Tổng cộng
		LT	Bài tập	Thảo luận	TH	Tự học	
	intentions: <i>Going to, would like to, want to</i> - Practice 1,2, (p.105) - Additional practice - Pronunciation: to in the middle of the sentence						
2	Keeping in touch Listening: celebrity loves and hates Language focus 1: Present simple: he and she; like... ing; activities Task: Find things in common	2		1		6	9
3	Language Focus 1: Present perfect - Practice (p.123) Language Focus 2: Times phrases with the present perfect and Past simple - Practice	2		1		6	9
4	Leisure and lifestyle: - Vocabulary and speaking: Leisure activities - Language focus 1: Revision of question forms	2		1		6	9
5	- Reading: Unusual ways of keeping fit - Language focus 2: Present simple - Task: Compile a fact file; Reading	2		1		6	9
6	Review	2		1		6	9
7	Important firsts - Language focus 1: Past	2		1		6	9

TT Tuần	Nội dung	Phân bố thời gian					Tổng cộng
		LT	Bài tập	Thảo luận	TH	Tự học	
	simple - Language focus 2: Time phrases often used in the past: at, on, in, ago						
8	- Vocabulary: Words to describe feelings - Wordspot: feel - Task: Tell a first time story; Listening	2		1		6	9
9	At rest, at work Vocabulary: Daily routines - Reading and Speaking: Early to bed, early to rise - Language focus 1: Should, Shouldn't	2		1		6	9
10	Special occasions - Vocabulary and Speaking: Dates and special occasions - Reading: Birthday traditions around the world	2		1		6	9
11	All about you	2		1		6	9
12	Around the world	2		1		6	9
13	Life stories	2		1		6	9
14	Success	2		1		6	9
15	Socialising	2		1		6	9
Tổng		30		15		60	90

8 – ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH

1. **Tên học phần:** Anh văn chuyên ngành

2. **Số tín chỉ:** 3

3. **Kế hoạch đào tạo:** Học kỳ IX

4. **Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy:** Khoa Ngoại ngữ – Trường Đại học Đông Đô

5. **Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 3TC, 45 tiết

- Tự học: 90 giờ

6. **Điều kiện tiên quyết:** Anh văn 1, Anh văn 2

7. **Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần anh văn chuyên ngành cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng chung về chuyên ngành. Từ đó giúp sinh viên có khả năng đọc, dịch và phân tích các tài liệu chuyên môn có liên quan đến chuyên ngành.

8. **Mục tiêu của học phần:**

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

+ **Kiến thức:**

- Hiểu và sử dụng được các thuật ngữ chuyên ngành

- Hiểu và sử dụng được các cấu trúc câu trong bào chế dược phẩm, trong dược lý và dược lâm sàng.

+ **Kỹ năng:**

- Đọc, dịch và phân tích các tài liệu có liên quan đến chuyên ngành.

9. **Tài liệu học tập:**

- **Sách, giáo trình chính:**

[1]. *Giáo trình tiếng anh chuyên ngành*. Giáo trình nội bộ, Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Đông Đô

- **Sách tham khảo:**

[2]. University of Medical and Pharmaceutical – HoChiMinh city School of Basic Sciences, *English for pharmacy major*.

[3]. Gareth Thomas. *Medicinal chemistry*, John Wiley & Son, Ltd, 2000.

[4]. Đinh Đắc Phúc và Hồ Liên Biện, *A Course in Medical English*, NXB. Thành phố Hồ Chí Minh, 1 – 108 (1998).

[5]. CB: GS.TS. Võ Xuân Minh, DS.CKII. Vũ Chu Hùng, *Từ vựng kỹ thuật dược Anh - Pháp - Việt*, 2012, NXB Thống kê.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên:

- Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...
- Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%
 - Chuyên cần hệ số 10%
 - Điểm kiểm tra giữa học phần, hệ số 30%
 - Điểm bài thi kết thúc học phần, hệ số 60%

Hình thức thi Tự luận 90 phút.

CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (Lấy một chữ số thập phân)**12. Nội dung chi tiết học phần:**

TT Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng cộng
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Cells	2				4	6
2	Chemistry	2				4	6
3	Bacteria	2				4	6
4	The skeletal system	2				4	6
5	The nervous system	2				4	6
6	The respiratory system	2				4	6
7	The circulatory system	2				4	6
8	Pharmacy	2				4	6
9	Pharmacology	2				4	6
10	Organic chemistry	2				4	6
11	Pharmaceuticals	2				4	6
12	Drug classification	2				4	6
13	Administration and absorption of drug	2				4	6
14	Distribution, metabolism and elimination of drug	2				4	6
15	Dose – response relationship	2				4	6
16	Therapeutic response and adverse reaction	2				4	6

TT Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng cộng
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
17	Drug interactions	2				4	6
18	Drug abuse	2				4	6
19	Drug development	2				4	6
20	Antibiotic	2				4	6
21	Analgesic	2				4	6
22	Diuretic drugs	2				4	6
23	Anti–inflammatory drugs	2				4	6
Tổng		45				90	135

9 – ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TOÁN CAO CẤP – XÁC SUẤT THỐNG KÊ

1. **Tên học phần:** Toán cao cấp – Xác suất thống kê
2. **Số tín chỉ:** 3
3. **Kế hoạch đào tạo:** Học kỳ II
4. **Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy:** Khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Đông Đô.

5. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 2TC, 30 tiết
- Thực hành: 1TC, 30 tiết
- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Không

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần gồm 2 phần:

Phần 1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hàm số, đồ thị và cách tính giới hạn, đạo hàm và ứng dụng đạo hàm, hàm số mũ và hàm số logarit và tích phân.

Phần 2: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất thống kê, từ đó giúp sinh viên giải quyết một số vấn đề chuyên môn thông qua điều tra và xử lý số liệu thống kê, cũng như làm công cụ hỗ trợ cho các học phần chuyên ngành.

8. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

+ Kiến thức:

- Vận dụng được kiến thức cơ bản về phép tính vi phân và tích phân, hàm một biến để giải được những bài toán nâng cao và mở rộng cho hàm nhiều biến.
- Trình bày được những nội dung cơ bản về xác suất thống kê.

+ Kỹ năng:

- Giải được một số dạng phương trình vi phân cơ bản và các bài toán ứng dụng vào thực tế.
- Áp dụng xác suất thống kê vào điều tra và xử lý số liệu thống kê để giải quyết một số vấn đề chuyên môn trong ngành được.

9. Tài liệu học tập:

Sách, giáo trình chính:

[1]. *Giáo trình toán cao cấp*, Giáo trình nội bộ, Khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Đông Đô 2013.

[2]. *Giáo trình lý thuyết xác suất thống kê*, Giáo trình nội bộ, Khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Đông Đô, 2013.

[3]. *Thực tập toán cao cấp – xác suất thống kê*, Giáo trình nội bộ, Khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Đông Đô, 2013.

Sách tham khảo:

[4]. Nguyễn Đình Trí. *Toán cao cấp tập I, II*, NXB Giáo dục, 2006

[5]. Lê Khánh Luận, Nguyễn Thanh sơn. *Lý thuyết xác suất thống kê toán học*, NXB Thống Kê, 2007.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên:

- Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...
- Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%
 - Chuyên cần hệ số 10%
 - Điểm kiểm tra giữa học phần, hệ số 30%
 - Điểm bài thi kết thúc học phần, hệ số 60%

Hình thức thi Tự luận 90 phút.

CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Hàm số - Giới hạn hàm số	3				6	9
2	Đạo hàm - Ứng dụng đạo hàm	3				6	9
3	Tích phân – Các ứng dụng của tích phân	3				6	9
4	Hàm vecto - Ứng dụng của vecto	3				6	9
5	Các khái niệm cơ bản trong lý thuyết xác suất	3				6	9
6	Biến số ngẫu nhiên và các phân phối xác suất thường dùng	3				6	9
7	Lý thuyết mẫu	3				6	9
8	Lý thuyết ước lượng	3				6	9

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
9	Kiểm định giả thuyết thống kê	3				6	9
10	Tương quan và hồi quy	3				6	9
11	Xác suất có điều kiện				4		4
12	Dãy phép thử Becnuli: Đại lượng ngẫu nhiên				4		4
13	Hàm phân phối				4		4
14	Các tham số đặc trưng				4		4
15	Lý thuyết mẫu				4		4
16	Ước lượng tham số				4		4
17	Kiểm định giả thuyết thống kê				4		4
18	Tương quan và hồi quy				2		2
Tổng		30			30	60	120

10 – ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIN HỌC ỨNG DỤNG

1. **Tên học phần:** Tin học ứng dụng

2. **Số tín chỉ:** 2

3. **Kế hoạch đào tạo:** Học kỳ II

4. **Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy:** Khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Đông Đô

5. **Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 1TC, 15 tiết
- Thực hành: 1TC, 30 tiết
- Tự học: 30 giờ

6. **Điều kiện tiên quyết:** Không

7. **Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phần mềm thông dụng MS Word, Excel, Powerpoint để có thể sử dụng hiệu quả các phần mềm này trong công tác được.

8. **Mục tiêu của học phần:**

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

+ **Kiến thức:**

Vận dụng được kiến thức cơ bản về các phần mềm thông dụng MS Word, Excel, Powerpoint để soạn thảo tài liệu, quản trị dữ liệu, xử lý thống kê phục vụ cho công tác được.

+ **Kỹ năng:**

- Sử dụng thành thạo các phần mềm MS Word, Excel, Powerpoint.
- Sử dụng Internet để tra cứu thông tin khoa học.

9. **Tài liệu học tập:**

Sách, giáo trình chính:

[1]. *Tin học ứng dụng*, Giáo trình nội bộ, Khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Đông Đô

[2]. *Thực tập Tin học ứng dụng*, Giáo trình nội bộ, Khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Đông Đô

Sách tham khảo:

[3]. *Giáo trình Tin học căn bản*, Đại học quốc gia Tp.HCM, 2003.

10. **Phương pháp đánh giá sinh viên:**

- Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...
- Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

- Chuyên cần hệ số 10%
- Điểm kiểm tra giữa học phần, hệ số 30%
- Điểm bài thi kết thúc học phần, hệ số 60%
- Hình thức thi: Trắc nghiệm 60 phút, thực hành máy: 30 phút.

CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Các khái niệm cơ bản về thông tin và xử lý thông tin	2				4	6
2	Phần mềm soạn thảo văn bản MS Word	2				4	6
3	Excel cơ bản, bảng tính Excel	2				4	6
4	Cơ sở dữ liệu và các hàm cơ sở dữ liệu trong Excel.	3				6	9
5	Thống kê, tổng hợp và phân tích số liệu	3				6	9
6	Phần mềm trình chiếu Powerponit	3				6	9
7	Các thao tác cơ bản trên máy vi tính				2		2
8	Trình bày văn bản khoa học – MS Word				2		2
9	Trình bày biểu thức toán lý – MS Equation				2		2
10	Bảng tính điện tử - MS Excel				4		4
11	Trình bày biểu đồ thống kê – MS Excel				4		4
12	Phân tích thống kê mô tả - MS Excel				4		4
13	Phân tích hồi quy tuyến tính – MS Excel				4		4
14	Soạn thảo bảng trình chiếu				4		4

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
	Powerpoint						
15	Khai thác internet				4		
Tổng		15			30	30	75

11 – ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG

1. **Tên học phần:** Vật lý đại cương

2. **Số tín chỉ:** 4

3. **Kế hoạch đào tạo:** Học kỳ I.

4. **Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy:** Khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Đông Đô

5. **Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 3 TC, 45 tiết

- Thực hành: 1 TC, 30 tiết

- Tự học: 90 giờ

6. **Điều kiện tiên quyết:** Không

7. **Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhiệt học, Cơ học và Quang học lượng tử và các ứng dụng của nó để phục vụ cho kiến thức chuyên ngành Dược.

8. **Mục tiêu của học phần:**

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

+ **Kiến thức:**

- Ứng dụng các quy luật về nhiệt học để giải thích các hiện tượng liên quan đến tính chất vật lý như ngưng nước, hút ẩm, lên hoa...

- Ứng dụng các quy luật về cơ học lượng tử để giải thích các trạng thái của vật chất trạng nở, độ nhớt, tính dẻo...

- Trình bày được các ứng dụng của quang học trên các thiết bị sử dụng trong ngành dược như kính hiển vi điện tử quét, máy đo UV, các thiết bị đo phổ.

+ **Kỹ năng:**

Thực nghiệm để khảo sát vài ứng dụng của vật lý trong ngành Dược.

9. **Tài liệu học tập:**

Sách, giáo trình chính:

[1]. *Giáo trình Vật lý đại cương*, Giáo trình nội bộ, Khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Đông Đô, 2013.

[2]. *Thực tập Vật lý đại cương*, Giáo trình nội bộ, Khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Đông Đô, 2013.

Sách tham khảo:

[3]. Lương Duyên Bình. *Vật lý đại cương tập 1*, NXB Khoa học kỹ thuật, 2005.

[4]. Patrick J.Sinko, Yashveer Singh. *Martin's physical pharmacy and pharmaceutical sciences*, Lippincott Williams&Wilkins, 2006.

10. **Phương pháp đánh giá sinh viên:**

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

- Chuyên cần: 10%
- Kiểm tra tự học: 30%
- Bài thi cuối kỳ: 60%.
- Hình thức thi Tự luận 90 phút.
- CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Đại cương về vật lý học	2				4	6
2	Nguyên lý thứ nhất của nhiệt động học	4				8	12
3	Nguyên lý thứ hai của nhiệt động học	4				8	12
4	Nhiệt động học chất rắn	4				8	12
5	Nhiệt động học chất lỏng	4				8	12
6	Nhiệt động học chất khí	4				8	12
7	Cơ học lượng tử	3				6	9
8	Các hiện tượng vật lý trong dung dịch: hòa tan, kết tủa, kết tinh, vô định hình	5				10	15
9	Hiện tượng vật lý của vật chất: ngưng nước, chảy lỏng, lên hoa, tính thấm. Trạng thái của vật chất như tính nhớt, trương nở, thể chất (rheology) một hỗn hợp lỏng, bán rắn	5				10	15
10	Quang học lượng tử Giao thoa ánh sáng Nhiều xạ ánh sáng	5				10	15
11	Các phương pháp phân tích quang	5				10	15

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
	phổ. Các ứng dụng trong ngành Dược						
12	Xác định thông số trạng thái vật lý của vật chất				4		4
13	Khảo sát các hiện tượng vật lý trong dung dịch				4		4
14	Khảo sát độ nhớt và thể chất một hỗn hợp lỏng				4		4
15	Khảo sát độ nhớt và thể chất một hỗn hợp bán rắn				4		4
16	Khảo sát hiện tượng nhiễu xạ qua cách tử				4		4
17	Khảo sát hiện tượng quang điện				4		4
18	Xác định bước sóng ánh sáng, khảo sát sự hấp thụ ánh sáng				4		4
19	Khảo sát định luật Beer Lambert				2		2
Tổng		45			30	90	165

12 – ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN MÔI TRƯỜNG

1. **Tên học phần:** Môi trường
2. **Số tín chỉ:** 2
3. **Kế hoạch đào tạo:** Học kỳ IV
4. **Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy:** Khoa Dược Bộ Trường Đại học Đông Đô
5. **Phân bổ thời gian:**
 - Lý thuyết: 2TC, 30 tiết
 - Tự học: 30 giờ
6. **Điều kiện tiên quyết:** Không
7. **Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần này cung cấp cho sinh viên các định nghĩa và các yếu tố môi trường ảnh hưởng lên sức khỏe; các vấn đề sức khỏe môi trường tại một số cơ sở đặc biệt như trường học, bệnh viện, môi trường đô thị, và các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường. Học phần cũng cung cấp kiến thức đại cương về sức khỏe nghề nghiệp, các yếu tố tác hại và biện pháp phòng chống.

8. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

+ **Kiến thức:**

- Nêu được những vấn đề sức khỏe và ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí và môi trường đô thị.
- Trình bày được nguyên tắc vệ sinh môi trường tại trường học, bệnh viện, cơ sở nuôi dạy trẻ.
- Trình bày được các yếu tố tác hại nghề nghiệp trong quá trình sản xuất và biện pháp kiểm soát.

+ **Kỹ năng:**

Vận dụng được kiến thức của học phần để phòng ngừa các tác hại nghề nghiệp.

9. Tài liệu học tập:

Sách, giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Thị Thu. *Khoa học môi trường và sức khỏe môi trường*, NXB Y học, 2007

Sách tham khảo:

[2]. Viện Y học lao động và vệ sinh môi trường, Thường quy kỹ thuật Y học lao động, *Vệ sinh môi trường, Sức khỏe môi trường*, NXB Y học, Hà Nội, 2002.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên:

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

11. Chuyên cần: 10%
12. Kiểm tra tự học: 30%
13. Bài thi cuối kỳ: 60%.
14. CÂU HỎI ÔN TẬP

15. **Thang điểm:** 10 (lấy một chữ số thập phân)

16. **Nội dung chi tiết học phần:**

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Tổng quan về y học môi trường	2				2	4
2	Nước sạch và chất lượng nước	2				2	4
3	Ô nhiễm không khí	2				2	4
4	Vệ sinh môi trường đất	2				2	4
5	Vệ sinh trường học	2				2	4
6	Bệnh trường học	2				2	4
7	Môi trường đô thị	2				2	4
8	Vệ sinh bệnh viện	2				2	4
9	Vệ sinh các cơ sở nuôi dạy trẻ	2				2	4
10	Đại cương về sức khỏe nghề nghiệp, các yếu tố tác hại và biện pháp phòng chống	2				2	4
11	Vi khí hậu nóng trong sản xuất	2				2	4
12	Tiếng ồn trong sản xuất	2				2	4
13	Bụi trong sản xuất	2				2	4
14	Nhiễm độc hóa chất trong sản xuất	2				2	4
15	Nhiễm độc hóa chất bảo vệ thực vật	2				2	4
Tổng		30				30	60

13 – ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TÂM LÝ – ĐẠO ĐỨC Y HỌC

1. Số tín chỉ: 2(2, 0)

2. Phân bố thời gian: 30 tiết

Trong đó: 30 tiết lý thuyết

3. Điều kiện tiên quyết

Học phần học trước: không

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Y học cộng đồng

5. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về Tâm lý và Tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.

6. Mục tiêu học phần

- Nêu được khái niệm cơ bản của tâm lý học đại cương.
- Trình bày được những khái niệm cơ bản về giao tiếp để tiếp xúc với những cá nhân, cộng đồng và đồng nghiệp.
- Áp dụng được 12 điều y đức trong nghiên cứu khoa học và trong hoạt động y tế.

7. Nội dung

TT	Nội dung	Số tiết		
		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành
1	Đại cương về tâm lý	2	2	
2	Hoạt động – Giao lưu – Tâm lý – Ý thức	2	2	
3	Hoạt động nhận thức	2	2	
4	Đời sống tình cảm	2	2	
5	Nhân cách	2	2	
6	Rối loạn nhân cách	2	2	
7	Tâm lý lứa tuổi	2	2	
8	Tâm lý bệnh nhân	3	3	
9	Chẩn đoán tâm lý - liệu pháp tâm lý	2	2	
10	Stress tâm lý – Gia đình – Xã hội	3	3	
11	Quan hệ thầy thuốc - bệnh nhân	2	2	

12	Tâm lý giao tiếp	2	2	
13	Khái niệm ý thức	2	2	
14	Y đức Việt Nam	2	2	
Tổng cộng		30	30	

8. Phương pháp giảng dạy

- Áp dụng phương pháp dạy học tích cực
- Phối hợp nhiều phương pháp: Thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập nhóm

9. Phương pháp đánh giá: Thang điểm 10 theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, làm tròn đến phần nguyên

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

- Chuyên cần: 10%
- Kiểm tra tự học: 30%
- Bài thi cuối kỳ: 60%.
- CÂU HỎI ÔN TẬP

10. Tài liệu học tập/ tham khảo

- Tài liệu học tập: Tài liệu bộ môn biên soạn
- Tài liệu tham khảo:

[1]. Bộ Y tế, 2005. *Kỹ năng giao tiếp* – GDSK. Nhà xuất bản Y học

[2]. Giáo trình môn học truyền thông - Giáo dục sức khỏe, 2000. Nhà xuất bản Y học.

14 – ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÓA ĐẠI CƯƠNG – VÔ CƠ

1. **Tên học phần:** Hóa đại cương – Vô cơ
2. **Số tín chỉ:** 3
3. **Kế hoạch đào tạo:** Học kỳ II.
4. **Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy:** Khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Đông Đô.

5. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 2TC, 30 tiết
- Thực hành: 1TC, 30 tiết
- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Không

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về đặc điểm, trạng thái, tính chất lý, hóa và phân loại các nguyên tố như Hydrogen, các nguyên tố thuộc nhóm I đến nhóm VIII.

8. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

+ **Kiến thức:**

- Giải thích được nguyên nhân sự khác nhau về tính chất của các loại nguyên tố s, p, d...
- Giải thích được năng lượng liên kết, tính khử và tính oxy hóa của nguyên tố hydrogen.
- Trình bày được sự liên quan giữa cấu tạo nguyên tử và tính chất của các nguyên tố IA, IB, IIA, IIB, IIIA...

+ **Kỹ năng:**

Thực hành các phản ứng để xác định các nhóm nguyên tố.

9. Tài liệu học tập:

Sách, giáo trình chính:

- [1]. Lê Thành Phước (chủ biên). *Hóa Đại cương, vô cơ*, NXB Y học, 2008.
- [2]. Hóa đại cương vô cơ, Bộ Y tế, ĐH Dược Hà Nội: Đồng TG: PGS.TSKH. Lê Thành Phước (CB), PGS.TS. Phan Tuý, CN. Nguyễn Nhật Thị, NXB thống kê, (2015).

Sách tham khảo:

- [3]. Lê Thành Phước. *Bài giảng hóa vô cơ*. Trường Đại học Dược Hà Nội, 2002.
- [4]. Hóa học cơ sở, ĐH Dược HN. PGS.TSKH. Phan An (CB), NXB thống kê, (2012).

10. Phương pháp đánh giá sinh viên:

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

- Chuyên cần: 10%
 - Kiểm tra tự học: 30%
 - Bài thi cuối kỳ: 60%.
 - Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành.
- CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Chương 1. Phân loại và tính chất chung của các nguyên tố.	3				6	9
2	Chương 2. Hydrogen	3				6	9
3	Chương 3. Nguyên tố nhóm I	3				6	9
4	Chương 4. Nguyên tố nhóm II	3				6	9
5	Chương 5. Nguyên tố nhóm III	3				6	9
6	Chương 6. Nguyên tố nhóm IV	3				6	9
7	Chương 7. Nguyên tố nhóm V	3				6	9
8	Chương 8. Nguyên tố nhóm VI	3				6	9
9	Chương 9. Nguyên tố nhóm VII	3				6	9
10	Chương 10. Nguyên tố nhóm VIII	3				6	9
11	Xác định các nguyên tố nhóm IA,IB				4		4
12	Xác định các nguyên tố nhóm II				4		4
13	Xác định các nguyên tố nhóm III				4		4
14	Xác định các nguyên tố nhóm IV				4		4
15	Xác định các nguyên tố nhóm V				4		4
16	Xác định các nguyên tố nhóm VI				4		4
17	Xác định các nguyên tố nhóm				4		4

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
	VII						
18	Xác định các nguyên tố nhóm VIII				2		2
Tổng		30			30	60	120

15 – ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần: Sinh học đại cương
2. Số tín chỉ: 3
3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ II
4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Dược, Trường Đại học

Đông Đô

5. Phân bổ thời gian:
 - Lý thuyết: 2TC, 30 tiết
 - Thực hành: 1TC, 30 tiết
 - Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Không

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này trình bày về cấu trúc, hoạt động của tế bào sơ hạch và chân hạch cũng như cơ sở vật chất di truyền cấp độ phân tử, cơ chế sự tự nhân đôi, phiên mã, tổng hợp protein, cơ chế điều chỉnh, đột biến gen và hậu quả.

8. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

+ **Kiến thức:**

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về ADN, ARN, về sao chép ADN, phiên mã và mã di truyền; về hoạt động gen, đột biến gen.
- Mô tả được sinh tổng hợp Protein.
- Nêu được các phương án phân tích ADN.
- Mô tả thành phần của tế bào, sự trao đổi chất và năng lượng.
- Giải thích được sự di truyền và biến dị, nguồn gốc sự sống và đa dạng sinh học.

+ **Kỹ năng:**

- Thực hành sử dụng kính hiển vi và cách làm tiêu bản hiển vi.
- Quan sát hình thể và cấu trúc của tế bào, sự vận động, sinh sản của tế bào, sự vận chuyển các chất qua màng tế bào, hiện tượng đẳng trương ưu trương.

9. Tài liệu học tập:

Sách, giáo trình chính:

- [1]. Cao Văn Thu (chủ biên). *Sinh học đại cương*, NXB Giáo dục, 2008.
- [2]. Nguyễn Văn Thanh (chủ biên). *Sinh học phân tử*, NXB Giáo dục, 2009.
- [3]. *Giáo trình thực tập sinh học*, Giáo trình nội bộ, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô.

Sách tham khảo:

[4]. Lê Đình Lương. *Nguyên lý kỹ thuật di truyền*, NXB Khoa học kỹ thuật, 2001.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên:

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

- Chuyên cần: 10%
 - Kiểm tra tự học: 30%
 - Bài thi cuối kỳ: 60%.
 - Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành.
- CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
	Phần 1. Sinh học phân tử						
1	Nhập môn sinh học phân tử	2				4	6
2	Sao chép AND	2				4	6
3	Các loại ARN	2				4	6
4	Sự phiên mã và mã di truyền	2				4	6
5	Sinh tổng hợp Protein	2				4	6
6	Điều hòa hoạt động gen	2				4	6
7	Bộ gen tế bào nhân	2				4	6
8	Đột biến gen	2				4	6
9	Các phương pháp phân tích AND	2				4	6
	Phần 2. Sinh học tế bào						
10	Tế bào	3				6	9

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
11	Sự trao đổi chất và năng lượng	3				6	9
12	Di truyền và biến dị	3				6	9
13	Nguồn gốc sự sống và đa dạng sinh học	3				6	9
14	Sử dụng kính hiển vi				4		4
15	Cách làm tiêu bản hiển vi				4		4
16	Hình thể và cấu trúc của tế bào.				4		4
17	Một số bào quan và thể vùi				4		4
18	Sự vận động của tế bào động vật				4		4
19	Sự vận chuyển các chất qua màng tế bào				4		4
20	Khảo sát hiện tượng ưu trương, nhược trương, đẳng trương tế bào.				4		4
21	Sự sinh sản của tế bào				2		2
Tổng		30			30	60	120

16 – ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

1. **Tên học phần:** Giáo dục thể chất
2. **Số tín chỉ:** 3
3. **Kế hoạch đào tạo:** Học kỳ I
4. **Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy:** Khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Đông Đô

5. **Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 1TC, 15 tiết
- Thực hành: 2TC, 90 tiết
- Tự học: 30 giờ

6. **Điều kiện tiên quyết:** Không

7. **Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần này giúp sinh viên hiểu được những lợi ích của việc rèn luyện thể dục thể thao qua đó nâng cao ý thức tự giác trong tập luyện sức khỏe.

Ngoài ra, học phần cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật để luyện tập các bài thể dục buổi sáng, thể dục liên hoàn, thể dục với gậy, môn chạy ở các cự ly khác nhau, môn cầu lông và bóng chuyền.

8. **Mục tiêu của học phần:**

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

+ **Kiến thức:**

- Trình bày được những lợi ích của việc tập luyện thể thao.
- Trình bày được kỹ thuật, luật thi đấu trong môn cầu lông và môn bóng chuyền.

+ **Kỹ năng:**

- Thực hiện được bài chạy các cự ly, bài thể dục buổi sáng, bài thể dục liên hoàn, bài thể dục với gậy.
- Thực hiện được kỹ thuật cơ bản trong môn cầu lông.
- Thực hiện được kỹ thuật cơ bản trong môn bóng chuyền.

9. **Tài liệu học tập:**

Sách, giáo trình chính:

[1]. *Giáo trình giáo dục thể chất*, Giáo trình nội bộ, Khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Đông Đô, 2013.

[2]. Bộ Giáo dục & Đào tạo, *Giáo trình môn Giáo dục thể chất*, NXB Giáo dục, 2010.

10. **Phương pháp đánh giá sinh viên:**

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

- Chuyên cần: 10%
- Kiểm tra tự học: 30%
- Bài thi cuối kỳ: 60%.
- Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành.

CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
LÝ THUYẾT							
1	Giáo dục thể chất trong trường đại học	3				6	9
2	Tác dụng của giáo dục thể chất đối với sức khỏe	3				6	9
3	Kỹ thuật môn cầu lông	3				6	9
4	Kỹ thuật môn bóng chuyền	3				6	9
5	Kỹ thuật chạy	3				6	9
6	Kỹ thuật nhảy cao				4		4
7	Bài tập thể dục buổi sáng				4		4
8	Kỹ thuật chạy cự ly ngắn				4		4
9	Bài thể dục liên hoàn tay không				5		5
10	Kỹ thuật chạy cự ly trung bình				4		4
11	Bài thể dục liên hoàn với gậy				4		4
THỰC HÀNH							
Môn cầu lông							
1	Kỹ thuật cầm vợt và cầm cầu, tư thế chuẩn bị. Kỹ thuật giao cầu thuận tay và giao cầu tay trái				4		4
2	Kỹ thuật đánh cầu cao tay bên phải và bên trái				4		4

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
3	Kỹ thuật đánh cầu tay bên phải và bên trái				4		4
4	Kỹ thuật 2 bước lên lưới bỏ nhỏ				4		4
5	Kỹ thuật tạt cầu và kỹ thuật kéo lưới theo đường				4		4
6	Chiến thuật thi đấu				4		4
7	Phương pháp trọng tài				4		4
8	Kỹ thuật đập cầu				4		4
	Môn bóng chuyền						
1	Kỹ thuật bóng chuyền				4		4
2	Kỹ thuật đệm bóng				4		4
3	Kết hợp kỹ thuật chuyền bóng – đệm bóng				4		4
4	Kỹ thuật phát bóng thấp tay, cao tay				4		4
5	Kỹ thuật đập bóng				4		4
6	Một số điều luật cơ bản				4		4
7	Thực hành tổ chức thi đấu và trọng tài				4		4
8	Đội hình chiến thuật tấn công và phòng thủ cơ bản				5		4
Tổng		15			90		105

17 - ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH

1. Tên học phần: Giáo dục quốc phòng – An ninh

2. Số tín chỉ: 7

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ I

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Đông Đô.

5. Phân bố thời gian:

- Lý thuyết: 3 TC, 45 tiết

- Thí nghiệm: 4 TC, 120 tiết

- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: không

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần giáo dục quốc phòng trang bị cho sinh viên lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Học phần này đồng thời đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo, và đấu tranh phòng chống kẻ thù lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, chống phá cách mạng Việt Nam.

Ngoài ra học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ chiến đấu và chỉ huy chiến đấu. Sinh viên được huấn luyện những động tác cơ bản chiến thuật, chiến đấu bộ binh: các tư thế vận động trên chiến trường...

8. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

- **Kiến thức:**

+ Trình bày được lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh.

+ Trình bày được vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của Đảng CSVN, từ đó biết cách phòng tránh kẻ thù lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, chống phá cách mạng Việt Nam

+ Vận dụng được kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ chiến đấu và chỉ huy chiến đấu.

- **Kỹ năng:**

Thực hiện đúng động tác cơ bản chiến thuật, chiến đấu bộ binh: các tư thế vận động trên chiến trường.

9. Tài liệu học tập:

Sách, giáo trình chính:

[1]. *Giáo dục Quốc phòng – An ninh*, tập 1 dùng cho các trường đại học và cao đẳng – NXB Giáo dục (2008) Nhóm tác giả: Đào Huy Thiệp – Nguyễn Mạnh Hương...

[2]. *Giáo trình Giáo dục quốc phòng – Dùng cho các trường đại học và cao đẳng* – NXB QĐND (2005) Nhóm tác giả: Trần Đường – Lê Xuân Duyên – Trần Văn Thông – Trương Xuân Dũng – Trần Hùng – Đồng Xuân Quách.

[3]. *Đường lối quốc phòng an ninh*, Học viện lục quân – Bộ Quốc Phòng (2003).

10. Phương pháp đánh giá sinh viên

- Thi, kiểm tra đánh giá kết quả học phần: Mỗi học phần có ít nhất một lần kiểm tra, đạt từ 5 điểm trở lên và có đủ 80% thời gian có mặt trên lớp sẽ được dự thi kết thúc học phần. Học phần I, II thi viết, học phần III, IV thi viết hoặc thi thực hành.

- Thi kết thúc học phần: Thi viết – thời gian 90 phút.

- Điểm môn học là điểm trung bình chung của 4 học phần, đạt điểm 5 trở lên và không bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên được cấp chứng chỉ GDQP – AN. Chứng chỉ GDQP – AN là một trong những điều kiện để xét tốt nghiệp đại học, cao đẳng.

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học	1				5	6
2	Một số nội dung cơ bản về đường lối quân sự của Đảng	2				5	7
3	Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh	3				5	8
4	Chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc	3				5	8
5	Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân	3				5	8
6	Phòng chống chiến lược bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam	3				5	8
7	Một số quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc XHCN	3				6	9

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
8	Nghệ thuật quân sự Việt Nam	3				6	9
9	Xây dựng lực lượng dự bị động viên và động viên chuyên nghiệp	3				6	9
10	Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ	3				6	9
11	Sử dụng bản đồ địa hình quân sự	3				6	9
12	Vũ khí hủy diệt lớn và cách phòng tránh	3				6	9
13	Tổ chức quân đội nhân dân Việt Nam	3				6	9
14	Tác động thành tựu KHCN hiện đại trong quân sự	3				6	9
15	Thông tin khoa học quân sự	3				6	9
16	Kết hợp xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng	3				6	9
17	Một số nội dung kỹ thuật – chiến thuật				8		8
18	Kỹ thuật quân sự cơ bản				8		8
19	Điều lệnh đội ngũ tay không				8		8
20	Băng bó cấp cứu chuyên thương				8		8
21	Giới thiệu, tháo lắp, bảo trì các súng: RPĐ, B40, B41, CKC				8		8
22	Kỹ thuật sử dụng thuốc nổ				8		8
23	Kỹ thuật sử dụng súng AK				8		8
24	Kỹ thuật sử dụng súng CKC				8		8
25	Từng người trong chiến đấu tấn công				8		8

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
26	Từng người trong chiến đấu phản công				8		8
27	Bắn đạn thật				8		8
28	Phổ thông binh chủng				8		8
29	Sử dụng bản đồ địa hình quân sự. Cách thức hành quân quân sự				8		8
30	Phòng chống định tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao				8		8
31	Kỹ thuật quân sự trong dân quân tự vệ				8		8
Tổng		45	0	0	120	90	255

18 - ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN Y HỌC QUÂN SỰ

1. Tên học phần: Y học quân sự

2. Số tín chỉ: 2

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ VIII

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Đông Đô.

5. Phân bố thời gian:

- Lý thuyết: 2 TC, 30 tiết
- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: không

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần Y học quân sự trang bị cho sinh viên kiến thức về công tác tổ chức hệ thống quân y trong chiến tranh, cách nhận biết và xử lý vết thương trong chiến tranh.

8. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

- Kiến thức:
 - + Trình bày được công tác tổ chức quân y trong thời bình và trong thời chiến.
 - + Trình bày được cách xử lý các vết thương trong chiến tranh.
 - + Trình bày được cách tổ chức cứu chữa, vận chuyển thương bệnh binh trong chiến tranh

9. Tài liệu học tập:

Sách, giáo trình chính:

[1]. *Giáo trình quốc phòng – an ninh*, Đào Đình Hiệp, Nguyễn Mạnh Hưởng. NXB Giáo dục, (2008).

Sách tham khảo: không

10. Phương pháp đánh giá sinh viên

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

- Chuyên cần: 10%
 - Kiểm tra tự học: 30%
 - Bài thi cuối kỳ: 60%.
- Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút.

CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Đại cương y học quân sự	3				6	9
2	Tổ chức chiến thuật quân y	3				6	9
3	Tổ chức cứu chữa, vận chuyển thương bệnh binh	4				8	12
4	Công tác đảm bảo quân y trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc	4				8	12
5	Những vấn đề cơ bản của ngoại khoa chiến tranh	4				8	12
6	Vết thương chiến tranh do hỏa khí	4				8	12
7	Nhiễm khuẩn vết thương chiến tranh	4				8	12
8	Vết thương do nhìn trong chiến tranh	4				8	12
Tổng		30				60	90

19 - ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÓA SINH

1. Tên học phần: Hóa sinh

2. Số tín chỉ: 4

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ V

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

5. Phân bố thời gian:

- Lý thuyết: 3 TC, 45 tiết
- Thực hành: 1 TC, 40 tiết
- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Hóa hữu cơ

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần hóa sinh cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu tạo, cơ chế tác dụng sinh học và quá trình chuyển hóa của các chất tham gia vào hoạt động sống của cơ thể: protid, glucid, lipid, enzym, hormon... Học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức về quá trình chuyển hóa xảy ra ở mô, ở các cơ quan chủ yếu trong cơ thể.

8. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

- **Kiến thức:**

Trình bày được cấu tạo, cơ chế tác dụng sinh học và quá trình chuyển hóa của các chất tham gia vào hoạt động sống của cơ thể: protid, glucid, lipid, enzym, hormon kiến thức cơ bản về hóa sinh cơ sở.

- **Kỹ năng:**

Thực hiện các phản ứng để định tính hoặc định lượng các chất thuộc các nhóm: protid, glucid, lipid, enzym,...

9. Tài liệu học tập:

Sách, giáo trình chính:

[1]. Hóa sinh, Bộ Y Tế - CB: PGS.TS. Tạ Thành Văn, NXB Y Học, 2011.

[2]. Hóa sinh học, ĐH Dược.GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng (CB), NXB Thống kê, (2015)

Sách tham khảo:

[3]. *Hóa sinh học*, Trường Đại học Y Hà Nội, NXB Y học, (2012).

[4]. Trần Thanh Nhân, *Hóa sinh học Tập 1 & Tập 2*, NXB Y Học, 2009.

[5]. Hóa sinh, Bộ Y Tế. Đồng TG: PGS.TS. Nguyễn Nghiêm Luật (CB), PGS.TS. Nguyễn Thị Hà, PGS.TS. Hoàng Thị Bích Ngọc..., NXB Thống kê, (2012)

[6]. Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật chuyên ngành Hóa sinh, Bộ y tế, NXB Y học, 2015.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

- Chuyên cần: 10%
 - Kiểm tra tự học: 30%
 - Bài thi cuối kỳ: 60%.
 - Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành.
- CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Hóa sinh và y dược	3				6	9
2	Hóa học glucid	4				8	12
3	Hóa học lipid	4				8	12
4	Hóa học acid amin và protein	4				8	12
5	Hóa học hemoglobin	3				6	9
6	Hóa học acid nucleic	3				6	9
7	Enzym và xúc tác sinh học	3				6	9
8	Chuyển hóa các chất oxy hóa sinh học, hô hấp tế bào, chu trình Krebs	3				6	9
9	Vitamin	3				6	9
10	Hormon	3				6	9
11	Sự trao đổi nước và các chất điện giải	3				6	9
12	Thăng bằng acid – base	3				6	9
13	Hóa sinh thận và nước tiểu	3				6	9
14	Hóa sinh gan	3				6	9
Bài 1	Phản ứng khử của disaccarid Thủy phân saccaroce Phản ứng Selivanop (phân biệt aldose và cetose) Phân biệt đường pentose và hexose				4		8

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
	Tạo thành Osazon Sự thủy phân tinh bột Định lượng glucose trong máu bằng phương pháp so màu						
Bài 2	Các phản ứng màu của protein Phản ứng ninhydrin xác định acid α amin Phản ứng Millon tìm tyrosin Phản ứng Adam – Kievics tìm tryptophan Phản ứng tạo chì sulfur tìm acid amin có chứa lưu huỳnh Định lượng nitơ toàn phần bằng phương pháp KJELDAHL				4		
Bài 3	Phản ứng kết tủa của protein				4		
Bài 4	Protein phức tạp: Điều chế hemoglobin Casein Lipid phức tạp: Chiết xuất lecithin từ lòng đỏ trứng Định lượng triglycerid bằng phương pháp enzym				4		
Bài 5	Tính chất chung của enzyme Khảo sát enzyme catalase Định lượng GOT, GPT, bằng phương pháp động học Định lượng transaminase GOT (ASAT) Định lượng transaminase GPT (ASAT)				4		
Bài 6	Định lượng Bilirubin tổng cộng và trực tiếp				4		

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
	Định lượng gamma GT (gamma Glutamyl transferase) Sự tiêu hóa tinh bột trong ống tiêu hóa Sự thủy hóa lipid bằng lipase						
Bài 7	Định tính muối mật Định lượng cholesterol Định lượng acid uric Định lượng ure bằng phương pháp enzyme Định lượng HDL cholesterol trong huyết thanh				4		
Bài 8	Định lượng calcium bằng phương pháp Asenazo III Định lượng sắt trong huyết thanh Định lượng Cl Định lượng hoạt độ CK-MB (creatin kinase) trong huyết thanh bằng phương pháp miễn dịch Định tính, định lượng protein niệu				4		
Bài 9	Định tính, định lượng glucose trong nước tiểu Tìm ceton, sắt tổ mật và muối mật trong nước tiểu Định lượng creatinin bằng phương pháp đo quang				4		
Bài 10	Tìm acid lactic Định lượng HCL trong dịch vị Định lượng hoạt độ pepsin Định lượng hoạt độ men trong huyết thanh amylase Định lượng amylase trong nước tiểu bằng phương pháp VONGEMUT				4		
Tổng		45			40	90	175

20 - ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÓA HỮU CƠ

1. Tên học phần: Hóa hữu cơ

2. Số tín chỉ: 5

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ III

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

5. Phân bố thời gian:

- Lý thuyết: 3 TC, 45 tiết

- Thực hành: 2 TC, 60 tiết

- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Hóa đại cương vô cơ

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần Hóa hữu cơ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các hiệu ứng điện tử, hiệu ứng lập thể; về cơ chế phản ứng, đồng phân; về các nhóm định chức chính: danh pháp, điều chế, hóa tính, ứng dụng trong y, dược học.

8. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

- **Kiến thức:**

- + Giải thích được hiện tượng đồng phân trong hóa hữu cơ.
- + Vận dụng được các hiệu ứng điện tử và hiệu ứng lập thể để giải thích tính acid – base, khả năng phản ứng, hướng phản ứng và cơ chế phản ứng.
- + Trình bày được các phương pháp chính điều chế các hóa chất hữu cơ cơ bản.
- + Trình bày được cấu tạo, các hóa tính và các phản ứng định tính chính của các hóa chất hữu cơ cơ bản và các hợp chất đa chức và tạp chức

- **Kỹ năng:**

- + Viết được tên các hợp chất hữu cơ theo danh pháp quốc tế và tên thông thường.
- + Tổng hợp ở quy mô phòng thí nghiệm một vài nguyên liệu hóa dược

9. Tài liệu học tập:

Sách, giáo trình chính:

[1]. *Hóa học hữu cơ*, ĐH Dược HN. Đồng TG: GS.TS. Trần Mạnh Bình, PGS.TS. Nguyễn Quang Đạt(CB), TS. Ngô Mai Anh, NXB Thống kê, 2012

[2]. Trương Thế Kỷ, *Hóa hữu cơ: hợp chất hữu cơ đơn chức và đa chức*: dùng đào tạo dược sỹ đại học, NXB Y học, (2006).

Sách tham khảo:

[3]. Morrison and Boyd. *Organic Chemistry*, New York, 2005

[4]. Trần Mạnh Bình, Nguyễn Quang Đạt, *Hóa hữu cơ tập 1 và 2*, NXB Y học, 2007.

[5]. Trương Thế Kỳ, *Hóa hữu cơ: hợp chất hữu cơ đơn chức và đa chức Tập 1 và 2*, Nhà xuất bản Y học, 2006.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

- Chuyên cần: 10%
- Kiểm tra tự học: 30%
- Bài thi cuối kỳ: 60%.
- Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành.

CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Cấu trúc nguyên tử của nguyên tử carbon, sự tạo thành các liên kết trong hợp chất hữu cơ Các hiệu ứng điện tử trong hóa hữu cơ	3				6	9
2	Cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ. Đồng phân và cấu dạng Các loại phản ứng trong hóa hữu cơ. Khái niệm về cơ chế phản ứng	3				6	9
3	Khái niệm acid-base trong hóa hữu cơ Các phương pháp vật lý và hóa học xác định cấu tạo hợp chất hữu cơ	3				6	9
4	Alkan – Hydrocarbon no Cycloalkan	3				6	9
5	Alken – Hydrocarbon etylenic Alken – Hydrocarbon acetylenic	3				6	9
6	Alken – Hydrocarbon thơm Hợp chất Hydrocarbon đa nhân thơm Hệ thống liên hợp và alkadien	3				6	9
7	Dẫn chất halogen	3				6	9

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
	Hợp chất cơ kim						
8	Alcol Phenol Ether	3				6	9
9	Aldehyd, ceton, quinon Acid carboxylic và các dẫn xuất	3				6	9
10	Amin Các hợp chất khác chứa nitơ Hợp chất có chứa lưu huỳnh và phosphor	3				6	9
11	Hợp chất halogenacid Hydroxyacid Hợp chất hai chức có chứa nhóm carbonyl	3				6	9
12	Hydratcarbon Acid amin, peptid và protein	5				10	15
13	Hợp chất dị vòng 5 cạnh 1 dị tố Hợp chất dị vòng 5 cạnh 2 dị tố	2				4	6
14	Hợp chất dị vòng 6 cạnh 1 dị tố Hợp chất dị vòng 6 cạnh 2 dị tố	2				4	6
15	Acid nucleic Terpen Steroid	3				6	9
16	Kỹ thuật cơ bản trong labo hóa học Phân tích định tính các nguyên tố trong một số hợp chất hữu cơ				4		4
17	Xác định hằng số vật lý Khảo sát nhóm chức hữu cơ				4		4
18	Sự chưng cất phân đoạn				4		4
19	Tổng hợp acetat etyl (phản ứng ester hóa với acid carboxylic)				4		4
20	Tổng hợp acetanilid (phản ứng acetyl				4		4

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
	hóa)						
21	Tổng hợp etyl bromur				4		4
22	Phẩm màu da cam (orange II) (phản ứng diazo hóa và ghép đôi)				4		4
23	Tổng hợp acid sulfanilic				2		2
24	Seminar				30		30
Tổng		45			60	90	195

21 – ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÓA PHÂN TÍCH 1

1. **Tên học phần:** Hóa phân tích 1

2. **Số tín chỉ:** 3

3. **Kế hoạch đào tạo:** Học kỳ V

4. **Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy:** Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

5. **Phân bố thời gian:**

- Lý thuyết: 2TC, 30 tiết

- Thực hành: 1TC, 30 tiết

- Tự học: 60 giờ

6. **Điều kiện tiên quyết:** hóa đại cương vô cơ, hóa hữu cơ.

7. **Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:**

Học phần hóa phân tích 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về phân tích định lượng bằng phép đo thể tích và đo khối lượng: phương pháp acid-base, tạo phức, oxi hóa – khử, kết tủa, khối lượng.

8. **Mục tiêu của học phần:**

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

+ **Kiến thức:**

Trình bày được nguyên tắc của phương pháp hóa học: acid-base, tạo phức chất, oxy hóa khử, kết tủa và phương pháp khối lượng.

+ **Kỹ năng:**

Thực hiện đúng các thao tác định lượng: đo thể tích, đo khối lượng, xử lý được số liệu thực nghiệm và trình bày kết quả phân tích.

9. **Tài liệu học tập:**

- **Sách, giáo trình chính:**

[1]. Võ Thị Bạch Huệ (chủ biên). *Hóa phân tích*, NXB giáo dục, 2007.

[2]. Hóa phân tích, Chủ biên: PGS.TS. Phan An, NXB Thống kê, 2012

- **Sách tham khảo:**

[3]. Bùi Long Biên (chủ biên), *Phân tích hóa học định lượng*, NXB khoa học kỹ thuật, 2009.

[4]. Trường ĐH Dược Hà Nội. Đồng TG: PGS.TS. Trần Tử An (CB), CN. Trần Tích, *Hóa phân tích*, NXB khoa học kỹ thuật 2017

10. **Phương pháp đánh giá sinh viên:**

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

- Chuyên cần: 10%
- Kiểm tra tự học: 30%
- Bài thi cuối kỳ: 60%.
- Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành.

CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	Tổng số
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Đại cương về hóa phân tích	3				6	9
2	Nồng độ dung dịch	2				4	6
3	Xử lý dữ liệu thực nghiệm trong hóa phân tích	2				4	6
4	Cân bằng hóa học trong dung dịch	3				3	9
5	Cân bằng hòa tan kết tủa	2				4	6
6	Phân tích khối lượng	3				6	9
7	Đại cương về phương pháp chuẩn độ	2				4	6
8	Chuẩn độ acid – base	3				6	9
9	Chuẩn độ tạo phức	3				6	9
10	Chuẩn độ kết tủa	3				6	9
11	Chuẩn độ oxi hóa – khử	4				8	12
12	Pha và xác định nồng độ dung dịch acid Hydrocloric 0,1N, Natri hydroxid 0,1N				4		4
13	Pha và xác định nồng độ dung dịch permanganat 0,1N				4		4
14	Pha và xác định nồng độ dung dịch natri thiosulfat				4		4
15	Định lượng natri hydrocarbonat				4		4
16	Định lượng natri clorid bằng phương pháp Mohr				4		4
17	Định lượng Br ⁻ , I ⁻ bằng phương				4		4

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	Tổng số
		LT	Bài tập	Thảo luận			
	pháp Volhard						
18	Định lượng Br^- , I^- bằng phương pháp Fajans				4		4
19	Định lượng dung dịch glucose 5%				2		2
Tổng		30			30	60	120

22 - ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÓA PHÂN TÍCH 2

1. **Tên học phần:** Hóa phân tích 2

2. **Số tín chỉ:** 3

3. **Kế hoạch đào tạo:** Học kỳ VI

4. **Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy:** Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

5. **Phân bố thời gian:**

- Lý thuyết: 2TC, 30 tiết

- Thực hành: 1TC, 30 tiết

- Tự học: 60 giờ

6. **Điều kiện tiên quyết:** Hóa phân tích 1

7. **Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:**

Học phần hóa phân tích 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về nguyên lý, ứng dụng các phương pháp quang học, sắc ký vào phân tích dược phẩm.

8. **Mục tiêu của học phần:**

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

+ **Kiến thức:**

- Giải thích được nguyên tắc và ứng dụng của nhóm kỹ thuật phân tích quang phổ.

- Trình bày được khối phổ (UV-VIS, IR, AAS, MS) và chia tách (GC, HPLC, SFC, TLC, CE)

- Trình bày được việc phân tích thuốc.

+ **Kỹ năng**

Vận hành được các thiết bị phân tích như quang phổ, HPLC vào phân tích thuốc.

9. **Tài liệu học tập:**

- **Sách, giáo trình chính:**

[1]. Trường ĐH Dược Hà Nội. Đồng TG: PGS.TS. Trần Tử An (CB), TS.Thái Nguyễn Hùng Thu. *Hóa phân tích*, NXB giáo dục, 2016.

[2]. Bộ Y Tế. Tác giả: GS.TSKH. Lê Thành Phước, CN. Trần Tích, *Hóa phân tích (Lý thuyết và thực hành) (TH)*, NXB thống kê, 2015

- **Sách tham khảo:**

[3]. Nguyễn Đức Huệ. *Các phương pháp phân tích hữu cơ*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2005.

10. **Phương pháp đánh giá sinh viên:**

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

- Chuyên cần: 10%
- Kiểm tra tự học: 30%
- Bài thi cuối kỳ: 60%.
- Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành.

CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	Tổng số
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Đại cương về phân tích dụng cụ	2				4	6
2	Đại cương về phân tích quang học	2				4	6
3	Quang phổ hấp thụ phân tử	4				8	12
4	Quang phổ hấp thụ và phát xạ nguyên tử	4				8	12
5	Quang phổ huỳnh quang	4				8	12
6	Một số phương pháp quang học khác	4				8	12
7	Phân tích khối phổ	4				8	12
8	Đại cương về sắc ký	2				4	6
9	Sắc ký lỏng, sắc ký khí	4				8	12
10	Khảo sát phổ UV				4		4
11	Khảo sát ảnh hưởng của dung môi và PH đến sự hấp thụ benzen và phenol trong quang phổ UV – VIS				4		4
12	Định danh hợp chất tinh khiết bằng quang phổ hồng ngoại				4		4
13	Định lượng Na^+ , Cl^- bằng phương pháp sắc ký trao đổi ion				4		4
14	Định lượng paracetamol và cafein trong chế phẩm HPLC				4		4
15	Định lượng Na^+ , K^+ bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử				4		4
16	Định lượng Alimemazine bằng				2		4

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	Tổng số
		LT	Bài tập	Thảo luận			
	phương pháp GC						
	Tổng	30			30	60	120

23 - ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIẢI PHẪU

1. Tên học phần: Giải phẫu

2. Số tín chỉ: 2

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ III

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

5. Phân bố thời gian:

- Lý thuyết: 1TC, 15 tiết

- Thực hành: 1TC, 30 tiết

- Tự học: 30 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: không

7. Mô tả vắn tắt nội dung và học phần:

Học phần Giải phẫu cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản nhất về Giải phẫu của các hệ cơ quan trong cơ thể người.

8. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

+ **Kiến thức:**

- Trình bày được các quy luật hoạt động cơ bản của cơ thể.
- Diễn giải được hai cơ chế điều hòa chức năng của cơ thể, cơ chế thần kinh và cơ chế thể dịch.
- Trình bày được cấu trúc, thành phần, chức năng của các bộ phận trong cơ thể.

+ **Kỹ năng:**

Nhận biết các bộ phận của cơ thể con người.

9. Tài liệu học tập:

- **Sách, giáo trình chính:**

[1]. Bài giảng giải phẫu học. *ĐH Y Hà Nội*. TS. Nguyễn Văn Huy, TS. Lê Hữu Hưng, ..., Nhà xuất bản y học, 2012.

- **Sách tham khảo:**

[2]. Phạm Đăng Diệu (2013). *Giải phẫu Ngực – Bụng*, Nhà xuất bản Y học.

[3]. Đỗ Xuân Hợp (2013), *Giải phẫu bụng*, NXB Y học.

[4]. Nguyễn Văn Huy (2011), *Giải phẫu lâm sàng*, NXB Y học.

[5]. Nguyễn Quang Quyền (chủ biên) 2012), *Giải phẫu học, tập 1 và 2*, Trường Đại học Y dược Tp.HCM.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên:

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

- Chuyên cần: 10%
- Kiểm tra tự học: 30%
- Bài thi cuối kỳ: 60%.
- Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành.

CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	Tổng số
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Nhập môn Giải phẫu	1				3	4
2	Đại cương về cơ thể sống và điều hòa chức năng	3				3	6
3	Cấu trúc và chức năng của hệ thần kinh	2				4	6
4	Cấu trúc và chức năng của hệ tuần hoàn	2				4	6
5	Cấu trúc và chức năng của hệ tiêu hóa	2				4	6
6	Cấu trúc và chức năng của hệ hô hấp	2				4	6
7	Cấu trúc và chức năng của hệ vận động	2				4	6
8	Cấu trúc và chức năng của hệ sinh dục	2				4	6
9	Cơ thần kinh chi trên Cơ thần kinh chi dưới Cơ thân mình, ống bẹn				4		4
10	Dạ dày, lách Tá tụy Gan mật				4		4
11	Ruột non, ruột già Thận, niệu quản Bàng quang, niệu đạo				4		4

TT Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	Tổng số
		LT	Bài tập	Thảo luận			
	Phúc mạc						
12	Sinh dục nam Sinh dục nữ Đáy chậu				4		4
13	Mũi Khí quản Phổi, màng phổi				4		4
14	Tim Mạch máu chi trên Mạch máu chi dưới				4		4
15	Ổ miệng Cơ quan thị giác Cơ quan ốc tai, tiền đình				4		4
16	Tủy gai, thân não, tiểu não, giao não, đoạn não 12 đôi thần kinh sọ Hệ thần kinh tự chủ				2		2
Tổng		15			30	30	75

24 - ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN SINH LÝ

1. Tên học phần: Sinh lý

2. Số tín chỉ: 3

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ IV.

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Dược Trường Đại học Đông Đô

5. Phân bố thời gian:

- Lý thuyết: 2TC, 30 tiết

- Thực hành: 1TC, 30 tiết

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: sinh học đại cương

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần sinh lý cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sinh lý tế bào, sinh lý học của máu và các dịch thể, sinh lý của các hệ cơ quan trong cơ thể người (tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thần kinh, bài tiết, nội tiết, sinh dục).

8. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

+ **Kiến thức:**

- Diễn giải được hai cơ chế điều hòa chức năng của cơ thể, cơ chế thần kinh và cơ chế thể dịch.
- Trình bày được sinh lý của tế bào, sinh lý học của máu và các dịch thể, sinh lý của các hệ cơ quan trong cơ thể người.

+ **Kỹ năng:**

Thực hành về phân tích máu, đo huyết áp, khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng lên huyết áp, đo chức năng hô hấp, nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống.

9. Tài liệu học tập:

- **Sách, giáo trình chính:**

[1]. *Bài giảng sinh lý*, Giáo trình nội bộ, Trường Đại học Đông Đô.

[2]. *Thực tập sinh lý*, Giáo trình nội bộ, Khoa Y, Trường Đại học Đông Đô.

- **Sách tham khảo:**

[3]. Trịnh Bình Duy, Phạm Thị Minh Đức. *Giáo trình sinh lý học*, Trường Đại học Y Dược Hà Nội, NXB Y học, Hà Nội, 2006.

[4]. Bộ môn Sinh lý học Trường Đại học Y Dược Tp.HCM (2008), *Sinh lý học Y khoa*, Đại học Y Dược Tp.HCM.

[5]. Bộ môn Sinh lý học Trường Đại học Y Hà Nội (2007), *Sinh lý học* NXB Y học

[6]. Đỗ Trung Phần (2003), *Bệnh lý tế bào nguồn tạo máu*, NXB Y học.

- [7]. Guyton and Hall (2006), *Textbook of medical physiology*.
 [8]. Rhoades and Pflanzer (2004), *Human Physiology*.
 [9]. William F. Ganong (2005) – *Review of Medical Physiology*.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên:

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

- Chuyên cần: 10%
 - Kiểm tra tự học: 30%
 - Bài thi cuối kỳ: 60%.
 - Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành.
- CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	Tổng số
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Nhập môn sinh lý	2				4	6
2	Mô, biểu mô và mô liên kết	2				4	6
3	Giải phẫu hệ bạch huyết	2				4	6
4	Sinh lý tạo máu – sinh lý máu	2				4	6
5	Đại cương về cơ thể sống và điều hòa chức năng	2				4	6
6	Sinh lý tế bào – sự trao đổi chất qua màng tế bào	2				4	6
7	Điện thế màng – điện thế hoạt động	2				4	6
8	Chuyển hóa – điều nhiệt	2				4	6
9	Sinh lý hệ tuần hoàn	2				4	6
10	Sinh lý hệ hô hấp	2				4	6
11	Sinh lý hệ tiêu hóa	2				4	6
12	Sinh lý hệ thần kinh	2				4	6
13	Sinh lý hệ bài tiết	2				4	6
14	Sinh lý hệ nội tiết	2				4	6

TT Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	Tổng số
		LT	Bài tập	Thảo luận			
15	Sinh lý hệ sinh dục	2				4	6
16	Hiện tượng thẩm thấu				4		4
17	Xác định điện thế màng tế bào				4		4
18	Phân tích huyết đồ. Xác định nhóm máu A, B, O và Rh				4		4
19	Đo huyết áp động mạch gián tiếp				4		4
20	Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng lên huyết áp				4		4
21	Hô hấp ký				4		4
22	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống				2		2
Tổng		30			30	60	120

25 – ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN VI SINH - KÝ SINH TRÙNG

1. **Tên học phần:** Vi sinh - Ký sinh trùng
2. **Số tín chỉ:** 3
3. **Kế hoạch đào tạo:** Học kỳ IV.
4. **Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy:** Khoa Dược Trường Đại học Đông Đô
5. **Phân bố thời gian:**
 - Lý thuyết: 2TC, 30 tiết
 - Thực hành: 1TC, 30 tiết
 - Tự học: 30 giờ
6. **Điều kiện tiên quyết:** Sinh học đại cương
7. **Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:**
8. Học phần vi sinh-Ký sinh trùng cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu tạo, đặc điểm sinh hóa, sinh lý và di truyền của vi sinh vật, Ký sinh trùng, đặc điểm, khả năng gây bệnh một số vi khuẩn, virus, amip, vi nấm và kí sinh trùng thường gặp...
9. **Mục tiêu học phần:**

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

❖ **Kiến thức:**

- Trình bày được cấu tạo tế bào vi khuẩn, virus
- Kể tên những ký sinh trùng và vi nấm gây bệnh lý thường gặp ở người
- Trình bày được đặc điểm về cấu tạo, chu kỳ và tác hại của một số ký sinh trùng và vi nấm thường gặp.
- Trình bày được đặc điểm sinh lý, sinh hóa và di truyền tế bào vi sinh vật
- Trình bày được đặc điểm và ứng dụng của miễn dịch trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhiễm khuẩn
- Trình bày được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán và phòng một số bệnh nhiễm khuẩn thường gặp

❖ **Kỹ năng**

Thực hành các thao tác trong labo vi sinh – kí sinh trùng để chuẩn đoán một số chủng vi sinh vật và kí sinh trùng phổ biến

10. Tài liệu học tập

– **Sách giáo trình chính:**

- [1]. Nguyễn Văn Thanh (chủ biên), *Vi sinh vật (sách dùng đào tạo dược sỹ đại học)*, NXB Y học, 2012
- [2]. *Thực tập vi sinh*, Bộ Y Tế. Đồng TG: PGS.TS. Phạm Văn Thân (CB), PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Tâm, PGS. Phạm Hoàng Thế..., NXB y học, 2012.
- [3] Nguyễn Đình Nga. *Ký sinh trùng*, NXB Giáo dục, 2009

[4]. *Thực tập Ký sinh trùng*, Giáo trình nội bộ, Trường Đại học Đông Đô

Sách tham khảo:

[5]. *Ký sinh trùng*, Học viện Quân y Hà Nội, 2013.

[6]. Lê Huy Chính và cộng sự, *Vi sinh vật y học*, NXB Y học, 2012

11. Phương pháp đánh giá sinh viên:

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

- Chuyên cần: 10%
- Kiểm tra tự học: 30%
- Bài thi cuối kỳ: 60%.
- Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành.

CÂU HỎI ÔN TẬP

12. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Nhiệm vụ, đối tượng nghiên cứu và quá trình phát triển của vi sinh vật	1					1
2	Hình thái và cấu tạo tế bào vi sinh vật	1					1
3	Đại cương virus	1					1
5	Nhiễm trùng và độc lực của vi sinh vật	1					1
6	Các kỹ thuật miễn dịch sử dụng trong chẩn đoán vi sinh vật	1					1
8	Các cầu khuẩn gây bệnh	1					1
9	Họ vi khuẩn đường ruột (Enterobacteriaceae)	1					1
10	Vi khuẩn dịch hạch Vibrio chloerae	1					1
11	Hemophilus influenzae, Bordetella pertussis	1					1

12	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> <i>Corynebacterium diphtheria</i>	1					1
13	Mycobacteriaceae	1					1
14	Các xoắn khuẩn gây bệnh	1					1
15	Rickettsia, Mycoplasma Chlamydia	1					1
16	Đại cương ký sinh trùng y học	1					
17	Ký sinh trùng sốt rét	2					
18	Bệnh học sốt rét	1					
19	Điều trị sốt rét	1					
20	Tiết túc y học	2					
21	Đại cương vi nấm học – Khái lược thuốc điều trị nấm	2					
22	Bệnh vi nấm ngoại biên – bệnh nấm da	1					
23	Bệnh vi nấm nội tạng – bệnh vi nấm cơ hội	1					
24	Ký sinh trùng đường ruột	3					
26	Các kỹ thuật tìm ký sinh trùng sốt rét	3					
27	Hình thể ký sinh trùng sốt rét				4		4
28	Xét nghiệm nấm trực tiếp				4		4
30	Kỹ thuật tiêu bản vi sinh vật – Các phương pháp nhuộm vi khuẩn				4		4
31	Cách cấy, bảo quản và vận chuyển bệnh phẩm				2		4
32	Phản ứng sinh hóa định danh vi khuẩn				4		4
33	Kháng sinh đồ				2		2
34	Các kỹ thuật tìm ký sinh trùng sốt rét				2		2
36	Hình thể tiết túc				4		4
37	Hình thể con giun – sán. Hình thể trứng giun – sán				4		4
Tổng		30			30		60

26 – ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN SINH LÝ BỆNH MIỄN DỊCH

1. **Tên học phần:** Sinh lý bệnh miễn dịch
2. **Số tín chỉ:** 3
3. **Kế hoạch đào tạo:** Học kỳ IV.
4. **Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy:** Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô
5. **Phân bố thời gian:**
 - Lý thuyết: 3 TC, 45 tiết
 - Tự học: 90 giờ
6. **Điều kiện tiên quyết:** Sinh lý
7. **Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:**

Học phần Sinh lý bệnh và miễn dịch cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về sinh lý bệnh, về rối loạn chuyển hóa glucid, chuyển hóa lipid, chuyển hóa protid, chuyển hóa nước điện giải; về rối loạn cân bằng acid – base, rối loạn thân nhiệt, sinh lý bệnh quá trình viêm.

8. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

❖ *Kiến thức:*

- Trình bày được các khái niệm cơ bản về quá trình bệnh lý, về bệnh nguyên – bệnh sinh, về các quy luật cơ bản của sinh lý người trong trạng thái bị bệnh
- Giải thích được cơ chế rối loạn chuyển hóa glucid, chuyển hóa lipid, chuyển hóa protid, chuyển hóa nước – điện giải; về rối loạn cân bằng acid – base, rối loạn thân nhiệt; cơ chế sinh lý bệnh quá trình viêm
- Trình bày được các cơ chế miễn dịch tự nhiên và thu được của cơ thể trước sự xâm nhập các tác nhân gây bệnh có trong môi trường sống
- Kể được các quá trình đáp ứng miễn dịch dịch thể và miễn dịch qua trung gian tế bào
- Trình bày được các cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch, trên cơ sở đó giải thích được các nguyên tắc cơ bản về cơ chế tác dụng của thuốc và một số biến chứng trong sử dụng thuốc

Học phần này còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về miễn dịch học và miễn dịch bệnh lý, cơ chế hình thành miễn dịch, nguyên lý tác dụng của vaccin và ứng dụng trong việc phòng và điều trị bệnh.

9. Tài liệu học tập

– *Sách giáo trình chính:*

[1]. *Sinh lý bệnh miễn dịch*, Bộ Y Tế. GS.TS. TRẦN Đình Hòa, NXB thống kê, 2011.

Sách tham khảo:

[2]. *Bài giảng sinh lý bệnh*, Trường Đại học Y Dược Huế biên soạn, 2009.

[3]. Đồng TG: GS.TS. Văn Đình Hoa, GS. Nguyễn Ngọc Lanh, PGS.TS. Phan Thị Thu Anh, PGS.TS. Trần Thị Chính..., *Sinh lý bệnh và miễn dịch (phần miễn dịch học)*, NXB thống kê, 2011.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên:

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

- Chuyên cần: 10%
 - Kiểm tra tự học: 30%
 - Bài thi cuối kỳ: 60%.
 - Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành.
- CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)**12. Nội dung chi tiết học phần:**

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Đại cương về Sinh lý bệnh và miễn dịch	3				6	9
2	Rối loạn chuyển hóa glucid	2				4	6
3	Rối loạn chuyển hóa lipid	2				4	6
4	Rối loạn chuyển hóa protid	2				4	6
5	Rối loạn chuyển hóa nước, điện giải	2				4	6
6	Rối loạn cân bằng acid – base	2				4	6
7	Rối loạn thân nhiệt	2				4	6
8	Sinh lý bệnh quá trình viêm	2				4	
9	Lịch sử phát triển và hướng phát triển của miễn dịch học	2				4	6
10	Các cơ quan và tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch	2				4	6
11	Kháng thể và bổ thể	2				4	6
12	Kháng nguyên	2				4	6

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
13	Tế bào T và đáp ứng miễn dịch qua trung gian tế bào	2				4	6
14	Tương tác và điều hòa đáp ứng miễn dịch – cytokine	2				4	6
15	Miễn dịch nhiễm khuẩn	2				4	6
16	Suy giảm miễn dịch	2				4	6
17	Quá mẫn – dị ứng thuốc	2				4	6
18	Bệnh tự miễn	2				4	6
19	Miễn dịch ghép	2				4	6
20	Miễn dịch trong ung thư	2				4	6
21	Miễn dịch liệu pháp	2				4	6
22	Các kỹ thuật miễn dịch	2				4	6
Tổng		45				90	135

27 – ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÓA LÝ DƯỢC

1. **Tên học phần:** Hóa lý dược
2. **Số tín chỉ:** 3
3. **Kế hoạch đào tạo:** Học kỳ IV.
4. **Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy:** Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô
5. **Phân bố thời gian:**
 - Lý thuyết: 2TC, 30 tiết
 - Thực hành: 1TC, 30 tiết
 - Tự học: 60 giờ
6. **Điều kiện tiên quyết:** Hóa đại cương vô cơ
7. **Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:**

Học phần Hóa lý dược cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản và những nguyên tắc hóa lý ứng dụng trong ngành dược; mối liên quan giữa các đại lượng cơ bản của nhiệt động học với cân bằng pha và các thuộc tính của dung dịch; các kiến thức về hệ phân tán, điện hóa, động học các phản ứng hóa học, quá trình hòa tan, khuếch tán, các dạng bề mặt và hiện tượng bề mặt

8. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

❖ **Kiến thức:**

- Trình bày được các khái niệm, biểu thức, ý nghĩa của các đại lượng nhiệt động cơ bản trong dược học
- Trình bày được các nguyên tắc hóa lý trong dung dịch và cân bằng pha, ứng dụng trong dược học
- Kể tên được các hệ phân tán, hiện tượng bề mặt và sự hấp phụ.
- Nêu được cách điều chế và tinh chế keo, nắm vững được các tính chất của hệ keo, điều chế và giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến độ bền của nhũ dịch, phân loại và nắm vững được vai trò của các chất hoạt động bề mặt.
- Xác định được mối liên quan giữa tốc độ phản ứng và hằng số tốc độ với độ dẫn, sức điện động và các thuộc tính dung dịch.

❖ **Kỹ năng:**

- Vận dụng được kiến thức về nhiệt động, hiện tượng bề mặt và các nguyên tắc hóa lý trong dung dịch để ứng dụng trong ngành dược

9. Tài liệu học tập

- **Sách giáo trình chính:**

[1]. *Giáo trình hóa lý*, Trường Đại học Dược Hà nội, 2004.

[2]. *Thực tập hóa lý*, Giáo trình nội bộ, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô .

Sách tham khảo:

[3]. R. Chang, *Physical chemistry with application in biological system*, 1978.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên:

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

- Chuyên cần: 10%
 - Kiểm tra tự học: 30%
 - Bài thi cuối kỳ: 60%.
 - Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành.
- CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)**12. Nội dung chi tiết học phần:**

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Một số khái niệm và đại lượng nhiệt động lực học trong hóa lý được	2				4	6
2	Cân bằng pha và dung dịch	4				8	12
3	Tính chất dẫn điện của dung dịch điện ly	4				8	12
4	Sức điện động của Pin và các quá trình điện cực	4				8	12
5	Động học các phản ứng hóa học	4				8	4
6	Động học quá trình khuếch tán, hòa tan	4				8	4
7	Các chất cao phân tử và phân tử lớn	4				8	4
8	Hấp phụ và các hiện tượng hoạt động bề mặt	4				8	4
9	Sự đông vón của hệ keo				4		4
10	Sự hòa tan hạn chế của hai chất lỏng. Sự chiết xuất				4		4
11	Sắc ký giấy và sắc ký trao đổi ion				4		4

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
12	Xác định hằng số tốc độ của phản ứng bậc 2: phản ứng xà phòng hóa ethyl acetat				4		4
13	Xác định hệ số a, n trong phương trình đẳng nhiệt hấp thụ acid acetic lên than hoạt tính				4		4
14	Độ dẫn điện của dung dịch điện ly. Chuẩn độ đo thế				4		4
15	Xác định hằng số tốc độ của phản ứng bậc nhất: Phản ứng chuyển hóa đường saccarose				4		4
16	Đo áp suất thẩm thấu của dung dịch và pha chế dung dịch đẳng trương				4		4
17	Đo pH bằng phương pháp điện hóa. Pha chế và khảo sát một số tính chất của dung dịch đệm				4		4
18	Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến độ bền của nhũ tương				4		4
Tổng		30			40	60	130

28- ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN BỆNH HỌC

1. Tên học phần: **Bệnh học**

2. Số tín chỉ: 3

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ VII.

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

5. Phân bố thời gian:

- Lý thuyết: 3 TC, 45 tiết

- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh – miễn dịch.

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần bệnh học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, phương pháp điều trị các bệnh cơ bản.

8. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

- **Kiến thức:**

+ Trình bày được triệu chứng và nguyên tắc điều trị các bệnh thường gặp tại cơ quan hô hấp, tiêu hóa, tim mạch, thân-tiết niệu.

9. Tài liệu học tập:

Sách, giáo trình chính:

[1]. *Giáo trình bệnh học nội khoa*, Giáo trình nội bộ, Trường Đại học Đông Đô

Sách tham khảo:

[2]. Huỳnh Văn Minh, *Bài giảng Bệnh học nội khoa*, Tập 1 2, NXB Y học, 2007.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

- Chuyên cần: 10%

- Kiểm tra tự học: 30%

- Bài thi cuối kỳ: 60%.

Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút.

CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học			Tổng số
		Lên lớp	TH	Tự	

		LT	Bài tập	Thảo luận	TN TT	học	
1	Hen phế quản	3				6	9
2	Phế viêm	3				6	9
3	Áp xe phổi	3				6	9
4	Tràn dịch màng phổi	3				6	9
5	Loét dạ dày – tá tràng	3				6	9
6	Viêm tụy cấp	3				6	9
7	Xơ gan, hôn mê gan	3				6	9
8	Viêm đường mật	3				6	9
9	Suy tim	3				6	9
10	Thấp tim	3				6	9
11	Tăng huyết áp	3				6	9
12	Hẹp hở hai lá	3				6	9
13	Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn	3				6	9
14	Hội chứng thận hư	3				6	9
15	Suy thận mạn	3				6	9
Tổng		45				90	135

29 - ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC VẬT DƯỢC

1. Tên học phần: Thực vật dược

2. Số tín chỉ: 3

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ III.

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Dược liệu, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô.

5. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 2TC, 30 tiết
- Thực hành: 1TC, 30 tiết
- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Không

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần Thực vật dược cung cấp cho sinh viên kiến thức đại cương về thực vật học, mô tả các cơ quan sinh dưỡng, sinh sản của thực vật. Học phần còn trang bị cho sinh viên về nguyên tắc chung và phương pháp để phân loại thực vật.

8. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

+ **Kiến thức:**

- Mô tả được cấu trúc và chức năng của các thành phần trong cấu tạo tế bào thực vật
- Trình bày được cấu trúc, chức năng và vẽ được các loại mô thực vật.
- Mô tả được các hình thái và giải phẫu của các cơ quan rễ, thân, lá, hoa, quả và hạt.
- Trình bày được nguyên tắc chung và phương pháp để phân loại thực vật.
- Nêu được đặc điểm của ngành Dương xỉ trần và Thuỷ dương xỉ, ngành Rêu, nhóm các ngành Quyết, ngành Thông, ngành Ngọc lan.

+ **Kỹ năng:**

- Vẽ được các loại tế bào và mô thực vật
- Nhận biết và mô tả được các đặc điểm hình thái của rễ, thân, lá, hoa, quả và hạt.
- So sánh cấu tạo sơ cấp và cấu tạo thứ cấp của các cơ quan sinh dưỡng của cây.
- Viết được hoa thức và vẽ được hoa đồ.
- Nhận biết và mô tả được các đặc điểm hình thái các đại diện của các ngành thực vật.

9. Tài liệu học tập:

- **Sách, giáo trình chính:**

[1]. Trương Thị Đẹp. *Thực vật dược*, NXB Giáo dục, 2007.

[2]. ĐH Dược HN. Đồng TG: DS. Lê Đình Bích, TS. Trần Văn Ôn (CB), Ths. Hoàng Quỳnh Hoa, *Thực vật học*, NXB Giáo dục, 2012

- Sách tham khảo:

[3]. Vũ Văn Chuyên. *Bài giảng Thực vật học*, NXB Y học, 1991.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên:

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

- Chuyên cần: 10%
 - Kiểm tra tự học: 30%
 - Bài thi cuối kỳ: 60%.
 - Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành.
- CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Đại cương 1. Đại cương về thực vật dược 2. Tế bào 3. Mô thực vật	3				10	13
2	Cơ quan sinh dưỡng 1. Rễ cây 2. Thân cây 3. Lá cây	4				10	14
3	Cơ quan sinh sản 1. Hoa 2. Quả 3. Hạt	4				10	14
4	Danh pháp và bậc phân loại thực vật.	3				10	13
5	Phương pháp phân tích cây và sử	4				10	14

TT Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
	dụng khoá phân loại thực vật						
6	Ngành Dương xỉ trần và Thuỷ dương xỉ. Ngành Rêu.	3				10	13
7	Nhóm các ngành Quyết. Ngành Thông	3				10	13
8	Ngành Ngọc lan: Lớp Ngọc lan	3				10	13
9	Ngành Ngọc lan: Lớp Hành	3				10	13
10	Phương pháp cắt – nhuộm – vẽ vi phẫu làm tiêu bản thực vật khô				4		4
11	Mô phân sinh sơ cấp – Mô mềm – Mô tiết				4		4
12	Mô che chở - Mô nâng đỡ - Mô dẫn				4		4
13	Rễ cây: Cấu tạo cấp 1 Rễ cây: Cấu tạo cấp 2 và bất thường				4		4
14	Thân cây: Cấu tạo cấp 1 và cấp 2. Thân cây: Cấu tạo bất thường.				4		4
15	Lá cây. Phân tích đặc điểm hoa thực vật lớp Ngọc lan – hoa Kim đồng.				4		4
16	Phân tích đặc điểm hoa thực vật lớp Ngọc lan – hoa Dừa cạn				4		4
17	Phân tích đặc điểm hoa thực vật lớp Ngọc lan – hoa Điệp cúng				2		4
Tổng		30			30	90	150

30 – ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH DƯỢC KHOA

1. Tên học phần: Thực hành dược khoa

2. Số tín chỉ: 3

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ III.

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

5. Phân bổ thời gian:

- Thực hành: 3 TC, trong đó thực tập 60 tiết, thực hành tại nhà thuốc 45 tiết.

6. Điều kiện tiên quyết: không

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần gồm 3 phần:

Thực hành bào chế: Pha chế một số dạng bào chế đơn giản.

Thực hành dược liệu: Nhận thức các dược liệu tươi và khô thông dụng.

Thực hành tại nhà thuốc.

8. Mục tiêu của học phần:

+ **Kỹ năng:**

- Biết vai trò và sử dụng đúng các dụng cụ trong phòng thí nghiệm.
- Pha chế một số dạng bào chế đơn giản.
- Nhận diện được 100 dược liệu thông dụng.
- Trình bày được tên Việt Nam, tên khoa học, thành phần hóa học chính, tác dụng và công dụng chính của các dược liệu này.
- Làm quen với môi trường nhà thuốc.

9. Tài liệu học tập:

- **Sách, giáo trình chính:**

[1]. *Thực hành bào chế*: Giáo trình nội bộ, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

[2] *Thực hành nhận mặt dược liệu*, Giáo trình nội bộ. Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

- **Sách tham khảo:**

[3]. Đỗ Tất Lợi. *Cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nhà xuất bản y học, 2003.

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

- Chuyên cần: 10%
- Kiểm tra tự học: 30%
- Bài thi cuối kỳ: 60%.

- Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành.
 - Điểm học phần là điểm trung bình của 3 phần thực hành Bào chế, Dược liệu, Hóa dược.
- CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
Phần Bào chế							
1	Kỹ thuật cân				4		4
2	Kỹ thuật đo lường thể tích và sử dụng dụng cụ pha chế				4		
3	Kỹ thuật lọc. Điều chế dung dịch Dakin				4		4
4	Kỹ thuật hòa tan. Điều chế dung dịch Tarnier. Thuốc rơ miệng xanh nethyen				4		4
5	Kỹ thuật phân tán. Điều chế thuốc mỡ benzosali				4		4
6	Kỹ thuật nghiền tán, rây. Điều chế thuốc bột trị đau da dày.				4		4
7	Kỹ thuật xát cốm. Điều chế cốm nghệ				4		
8	Sưu tập thuốc mẫu và nhận biết các dạng bào chế				4		4
Phần Dược liệu							
8	Nhận thức dược liệu tươi và khô nhóm cảm cúm				4		4
9	Nhận thức dược liệu tươi và khô nhóm ho				4		4
10	Nhận thức dược liệu tươi và khô nhóm tim mạch				4		4
11	Nhận thức dược liệu tươi và khô nhóm tiêu chảy – táo bón				4		4
12	Nhận thức dược liệu tươi và khô nhóm kháng khuẩn				4		4
13	Nhận thức dược liệu tươi và khô nhóm gan mật				4		4

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
14	Tham quan vườn dược liệu, xưởng sản xuất của bệnh viện y học cổ truyền				4		4
Thực hành dược tại nhà thuốc							
	Từng nhóm sinh viên đến thực hành tại nhà thuốc (01 tuần ứng với 45 tiết)				45		45
Tổng					105		105

31 - ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LIỆU 1

1. Tên học phần: **Dược liệu 1**

2. Số tín chỉ: **3**

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ V

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

5. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 2TC, 30 tiết

- Thực hành: 1TC, 30 tiết

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Thực vật dược, Hóa hữu cơ

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần Dược liệu 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, thành phần hoá học chính, tác dụng sinh học của các nhóm hợp chất carbon hydrat, glycosid tim, saponin, anthraglycosid, flavonoid, coumarin, tanin có trong dược liệu. Sinh viên cũng được trang bị kiến thức về vi phẫu, phương pháp chiết xuất, định tính, định lượng các nhóm hợp chất trên.

8. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

+ **Kiến thức**

- Trình bày được các nguyên tắc chung trong thu hái, chế biến dược liệu.
- Trình bày được thành phần hoá học, tác dụng sinh học của các nhóm hợp chất như glycosid, glycosid tim, saponin, anthraglycosid, flavonoid, coumarin, monoterpeneoid và diterpeneoid.
- Mô tả phương pháp chiết xuất, định tính, định lượng các nhóm hợp chất trên từ các dược liệu phổ biến.

+ **Kỹ năng**

- Thực hành vi phẫu, soi bột các dược liệu là thân, cành, lá, hoa, quả, hạt.
- Chiết xuất, định tính, định lượng carbon hydrat, glycosid, glycosid tim, saponin, anthraglycosid, flavonoid, coumarin, monoterpeneoid và diterpeneoid trong dược liệu.

9. Tài liệu học tập:

- **Sách, giáo trình chính:**

[1]. Ngô Văn Thu, Trần Hùng. *Dược liệu học T1*, NXB Y học, 2011.

- **Sách tham khảo:**

[2]. Đỗ Tất Lợi. *Những cây thuốc, vị thuốc Việt Nam*, 2005.

[3]. PGS.TS. Nguyễn Thị Tâm, TSKH. Trần Văn Thanh, *Dược liệu học T2*, NXB giáo dục, 2015

10. Phương pháp đánh giá sinh viên:

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

- Chuyên cần: 10%
- Kiểm tra tự học: 30%
- Bài thi cuối kỳ: 60%.
- Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành.
- CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Đại cương về Dược liệu	3				6	6
2	Dược liệu chứa Carbon hydrat: tinh bột, gôm, chất nhày, pectin	3				6	6
3	Đại cương về glycosid	3				6	6
4	Dược liệu chứa glycosid tim	3				6	6
5	Dược liệu chứa saponin	3				6	6
6	Dược liệu chứa anthraglycosid	3				6	6
7	Dược liệu chứa flavonoid	3				6	6
8	Dược liệu chứa coumarin	3				6	6
9	Dược liệu chứa tanin	3				6	6
10	Dược liệu chứa monoterpénoid và diterpénoid	3				6	6
11	Các phương pháp kiểm nghiệm chung: - Xác định độ ẩm và các chất chiết được trong dược liệu - Xác định tro trong dược liệu				4		4

TT Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
	- Nhận thức bột dược liệu bằng kính hiển vi						
12	Kiểm định dược liệu chứa carbonhydrat				4		4
13	Kiểm định dược liệu chứa glycosid tim				4		4
14	Kiểm định dược liệu chứa saponin				4		4
15	Kiểm định dược liệu chứa anthraglycosid				4		4
16	Kiểm định dược liệu chứa coumarin				4		4
17	Kiểm định dược liệu chứa flavonoid				4		4
18	Kiểm định dược liệu chứa tannin				4		4
Tổng		30			30	60	120

32 - ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LIỆU 2

1. Tên học phần: **Dược liệu 2**

2. Số tín chỉ: **3**

3. Kế hoạch đào tạo: **Học kỳ VI.**

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: **Bộ môn Dược liệu – Thực vật, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô.**

5. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: **2TC, 30 tiết**
- Thực hành: **1TC, 30 tiết**
- Tự học: **30 giờ**

6. Điều kiện tiên quyết: **Dược liệu 1**

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần Dược liệu 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, công thức cấu tạo, tác dụng sinh học của các dược liệu chứa các nhóm hợp chất tinh dầu, nhựa, chất béo và alkaloid. Sinh viên cũng được trang bị kiến thức về thực hành vi phẫu, phương pháp chiết xuất dược liệu, định tính định lượng các nhóm hợp chất trên.

8. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

+ Kiến thức

- Trình bày được nguồn gốc, đặc điểm, phân bố của các nhóm dược liệu chứa tinh dầu, nhựa, chất béo và alkaloid và các động vật làm thuốc.
- Mô tả được công thức cấu tạo, tác dụng sinh học của các nhóm hợp chất hoá học trên.
- Trình bày được các phương pháp chiết xuất, định tính và định lượng các nhóm hợp chất hoá học trên.

+ Kỹ năng

- Thực hành vi phẫu, soi bột một số dược liệu có liên quan.
- Định tính, định lượng được một số nhóm chất chính trong dược liệu: alkaloid, tinh dầu, chất béo.
- Chiết xuất được một số hoạt chất từ dược liệu ở quy mô phòng thí nghiệm: Rutin trong hoa hòe, palmatin (hay berberrin) trong dược liệu, tinh dầu trong dược liệu.

9. Tài liệu học tập:

- **Sách, giáo trình chính:**

[1]. Phan Thanh Kỳ (chủ biên). *Dược liệu học T2*, NXB Y học, 2015.

- Sách tham khảo:

[2]. Đỗ Tất Lợi. *Những cây thuốc, vị thuốc Việt Nam*, 2005.

[3]. Viện dược liệu, *Cây cỏ và động vật làm thuốc Việt Nam*, 2010.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên:

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

- Chuyên cần: 10%
- Kiểm tra tự học: 30%
- Bài thi cuối kỳ: 60%.
- Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành.
- CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Dược liệu chứa tinh dầu	6				6	12
2	Dược liệu chứa chất nhựa	2				2	4
3	Dược liệu chứa chất béo	6				6	12
4	Dược liệu chứa alcaloid	10				10	20
5	Động vật làm thuốc	6				6	12
6	Vi phẫu lá cà độc dược Soi bột lá cà độc dược				4		4
7	Vi phẫu hạt mã tiền Soi bột hạt mã tiền				4		4
8	Định lượng tinh dầu trong dược liệu				4		4
9	Cắt tinh dầu hương nhu trắng. Định lượng Eugenol trong tinh dầu hương nhu trắng				4		4
10	Định lượng dầu béo trong dược liệu. Xác định chỉ số Iod của dầu béo				4		4

TT Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
11	Định tính alkaloid trong dược liệu				4		4
12	Chiết xuất palmatin (hoặc berberin) từ dược liệu				4		4
13	Chiết xuất rutin từ nụ hoè				2		2
Tổng		30			30	30	90

33 - ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN

1. Tên học phần: **Dược học cổ truyền**

2. Số tín chỉ: 3

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ VII.

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Dược học cổ truyền, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

5. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 2TC, 30 tiết

- Thực hành: 1TC, 30 tiết

- Tự học: 30 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Dược liệu 1

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần Dược học cổ truyền, cung cấp cho sinh viên kiến thức đại cương y học cổ truyền; phân tích và xây dựng 1 số phương thuốc cổ truyền; chế biến và bào chế được một số vị thuốc, loại thuốc cổ truyền.

8. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

+ **Kiến thức**

- Trình bày được đặc điểm của các nhóm thuốc được phân loại dựa vào tác dụng chính của thuốc: thuốc giải biểu, thanh nhiệt, hành khí.
- Trình bày được các phương pháp chế biến và bào chế thuốc cổ truyền.
- Biết cách phân tích và xây dựng một phương thuốc dựa vào vai trò của các vị thuốc trong phương thuốc.
- Hướng dẫn sử dụng được các vị thuốc theo lý luận y học cổ truyền.

+ **Kỹ năng**

- Phân tích và xây dựng được một số phương thuốc cổ truyền.
- Nhận biết được các vị thuốc có trong nội dung thực hành.
- Thực hiện được kỹ thuật bào chế vài dạng thuốc cổ truyền.

9. Tài liệu học tập:

- **Sách, giáo trình chính:**

[1]. GS.TS.Phạm Xuân Sinh, TS. Phùng Hòa Bình. *Dược học cổ truyền*, NXB Y học, 2014.

- **Sách tham khảo:**

[2]. Phạm Xuân Sinh. *Phương pháp bào chế thuốc cổ truyền*, NXB Y học, 2005.

[3]. GS. Trần Thuý, BSKII. Lê thị Hồng Hoa, Thuốc đông y cách sử dụng và một số bài thuốc hiệu nghiệm (BSYHCT), NXB Y học, 2013.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên:

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

- Chuyên cần: 10%
- Kiểm tra tự học: 30%
- Bài thi cuối kỳ: 60%.
- Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành.
- CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Đại cương y học cổ truyền Học thuyết âm dương Học thuyết ngũ hành	3				2	5
2	Học thuyết tạng tượng Học thuyết kinh lạc Học thuyết thủy hỏa	3				2	5
3	Nguyên nhân bệnh và phương pháp chẩn đoán theo y học cổ truyền	4				2	6
4	Phép tắc trị bệnh theo Y học cổ truyền	2				2	4
5	Phân loại thuốc cổ truyền Thuốc giải biểu Thuốc thanh nhiệt	3				2	5
6	Thuốc hành khí Thuốc hành huyết Thuốc chỉ huyết	3				4	7
7	Thuốc lợi thủy thẩm thấp	3				4	7

TT Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
	Thuốc trục thủy						
8	Thuốc trừ hàn Thuốc trừ đàm Thuốc chỉ khái	3				4	7
9	Thuốc cố sáp Thuốc tiêu đạo Thuốc tả hạ	3				4	7
10	Thuốc an thần Thuốc bình can tức phong Thuốc khai khiếu	3				4	7
11	Phân tích phương thuốc và nhận thức 12 – 15 vị thuốc chín				4		4
12	Xây dựng phương thuốc và nhận thức 12 – 15 vị thuốc chín				4		4
13	Chế biến liên kiều, thảo quyết minh và nhận thức 12 – 15 vị thuốc chín				4		4
14	Chế biến ý dĩ, hoa hòe và nhận thức 12 – 15 vị thuốc chín				4		4
15	Chế biến đương quy, bạch thược, và nhận thức 12 – 15 vị thuốc chín				4		4
16	Chế biến mẫu đơn bì, hoàng liên và nhận thức 12 – 15 vị thuốc chín				4		4
17	Chế biến Đảng sâm, cát cánh, bán hạ và nhận thức 12 – 15 vị thuốc chín				3		3
18	Chế biến viễn chí, hoàng kỳ, tang bạch bì và nhận thức 12 – 15 vị thuốc chín				3		3
Tổng		30			30	30	90

34 - ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÓA DƯỢC 1

1. Tên học phần: Hóa dược 1

2. Số tín chỉ: 3

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ VI.

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

5. Phân bố thời gian:

- Lý thuyết: 2 TC, 30 tiết

- Thực hành: 1 TC, 30 tiết

- Tự học: 30 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Hóa hữu cơ, hóa phân tích

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần Hóa dược 1 cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, tính chất lý hoá quan trọng của một số thuốc chính, thuốc thông dụng để ứng dụng trong kiểm nghiệm, pha chế, bảo quản thuốc. Học phần cũng giúp cho sinh viên giải thích được mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng (nếu có) của một số thuốc chính.

8. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

+ **Kiến thức**

- Trình bày được công thức cấu tạo, tính chất lý hoá quan trọng và nguyên tắc điều chế của những thuốc chính, thuốc thông dụng.
- Trình bày được sự liên quan giữa cấu trúc và tính chất, giữa cấu trúc và tác dụng của thuốc.

+ **Kỹ năng**

- Thực hiện được việc tổng hợp hoặc bán tổng hợp một số mẫu thuốc đạt tiêu chuẩn dược dụng.
- Kiểm nghiệm được các mẫu thuốc đã tổng hợp và một số chế phẩm dược dụng khác theo tiêu chuẩn Dược điển.

9. Tài liệu học tập:

- **Sách, giáo trình chính:**

[1]. Lê Minh Trí, Huỳnh Thị Ngọc Phương. *Hóa dược 1*, Bộ Y tế, NXB giáo dục Việt Nam, 2012.

[2]. PGS.TS. Trần Đức Hậu, *Hóa dược Tập 1*, NXB thống kê, 2016

- **Sách tham khảo:**

[3]. *Dược điển Việt Nam IV*, 2010.

- [4]. PGS.TS. Nguyễn Đình Luyện, Kỹ thuật hóa dược tập 1, NXB thống kê, 2014
- [5]. Hội đồng Dược điển, *Dược điển Việt Nam 4*, NXB Y Học Hà Nội, 2009.
- [6]. PGS. TS. Từ Minh Koong, *Kỹ Thuật sản xuất dược phẩm*, NXB Y Học, 2007

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

- Chuyên cần: 10%
- Kiểm tra tự học: 30%
- Bài thi cuối kỳ: 60%.
- Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành.
- CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Hóa dược đại cương	3				6	9
2	Thuốc kháng sinh	6				12	18
3	Thuốc kháng ký sinh trùng	4				8	12
4	Thuốc sát khuẩn	4				8	12
5	Thuốc chống độc	3				6	9
6	Dược phẩm phóng xạ	3				6	9
7	Thuốc trị ung thư	4				8	12
8	Thuốc cản quang	3				6	9
9	Định tính các cyclin – Kiểm định cloramphenicol				4		4
10	Định tính penicillin . Kiểm định Streptomycin				4		4
11	Tổng hợp sulfacetamid				4		4
12	Định tính phtalazol – Kiểm định sulfanilamid				4		4
13	Tổng hợp acid benzoic				4		4
14	Kiểm định acid benzoic				4		4

TT Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
15	Kiểm định INH				4		4
16	Điều chế, kiểm định bạc Sulfadiazin				2		2
Tổng		30			30		120

35 - ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÓA DƯỢC 2

1. Tên học phần: Hóa dược 2

2. Số tín chỉ: 3

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ VII.

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

5. Phân bố thời gian:

- Lý thuyết: 2 TC, 30 tiết

- Thực hành: 1 TC, 30 tiết

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Hóa dược 1

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần hóa dược 2 cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, tính chất lý hóa quan trọng của một số thuốc chính, thuốc thông dụng để ứng dụng trong kiểm nghiệm, pha chế, bảo quản thuốc. Học phần cũng giúp cho sinh viên giải thích được mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng (nếu có) của một số thuốc chính.

8. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

+ **Kiến thức**

- Nhận diện được cấu trúc hóa học, những tính chất lý hóa quan trọng của những thuốc chính, thuốc thông dụng.
- Trình bày được sự liên quan giữa cấu trúc và tính chất, giữa cấu trúc và tác dụng của thuốc.

+ **Kỹ năng**

- Thực hiện được việc tổng hợp hoặc bán tổng hợp được một số mẫu thuốc đạt tiêu chuẩn dược dụng.
- Kiểm nghiệm được các mẫu thuốc đã tổng hợp và một số chế phẩm dược dụng khác theo tiêu chuẩn Dược điển.

9. Tài liệu học tập:

- **Sách, giáo trình chính:**

[1]. Trương Phương, Trần Thành Đạo (chủ biên). *Hóa dược T2*, NXB Giáo dục, 2009.

[2]. *Thực tập hóa dược 2*, Giáo trình nội bộ, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

Sách tham khảo: Không

[3]. BM Hóa Dược – ĐHYD Tp. Hồ Chí Minh, *Bài giảng Hóa Dược 2*, 2008

[4]. PGs. TS. Từ Minh Koóng, *Kỹ Thuật sản xuất dược phẩm*, NXB Y Học, 2007

10. Phương pháp đánh giá sinh viên:

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

- Chuyên cần: 10%
- Kiểm tra tự học: 30%
- Bài thi cuối kỳ: 60%.
- Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành.
- CÂU HỎI ÔN TẬP

-

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Thuốc tác động trên hệ tim mạch	3				6	9
2	Thuốc tác động trên hệ thần kinh trung ương	3				6	9
3	Thuốc tác động lên quá trình dẫn truyền thần kinh	3				6	9
4	Thuốc tác động trên hệ hô hấp	4				8	12
5	Thuốc tác động trên hệ tiêu hóa	3				6	9
6	Thuốc tác động lên máu và hệ tạo máu	3				6	9
7	Thuốc tác động lên hệ miễn dịch	4				8	12
8	Hormon và thuốc điều chỉnh rối loạn hormon	4				8	12
9	Vitamin và khoáng chất	3				6	9
10	Điều chế natri clorid dược dụng				4		4
11	Kiểm định natri clorid dược dụng				4		4
12	Tổng hợp aspirin				4		4
13	Kiểm định aspirin				4		4
14	Tổng hợp methyl salicylat				4		4
15	Tổng hợp salicylamid				4		4

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
16	Kiểm định salicylamid				4		4
17	Kiểm định vitamin B ₁ , B ₆				2		2
Tổng		30			30	60	120

36 - ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN BÀO CHẾ VÀ SINH DƯỢC HỌC 1

1. Tên học phần: Bào chế và sinh dược học 1

2. Số tín chỉ: 3

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ VI.

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Bào chế, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

5. Phân bố thời gian:

- Lý thuyết: 2 TC, 30 tiết

- Thực hành: 1 TC, 30 tiết

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Hóa dược, hóa lý

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần Bào chế và sinh dược học 1 cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc: dung dịch thuốc uống và thuốc dùng ngoài, thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt, cao thuốc, cồn thuốc.

8. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

+ **Kiến thức**

- Trình bày được định nghĩa, đặc điểm, ưu nhược điểm của các dạng bào chế thông thường thuộc cấu trúc đồng thể.
- Mô tả được thành phần cơ bản (hoạt chất, tá dược), nguyên tắc bào chế và các trang thiết bị sử dụng cho mỗi dạng bào chế này.
- Nêu được các yêu cầu chất lượng của mỗi dạng bào chế.

+ **Kỹ năng**

- Bào chế được các dạng bào chế thông thường thuộc cấu trúc đồng thể.
- Đánh giá được một số chỉ tiêu chất lượng chính của các dạng bào chế này.

9. Tài liệu học tập:

- **Sách, giáo trình chính:**

[1]. GS.TS Lê Quan Nghiệm, PGS.TS. Huỳnh Văn Hóa (chủ biên). *Bào chế và sinh dược học*, T1, NXB Y học, 2005.

[2]. *Thực tập bào chế 1*, Giáo trình nội bộ, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

- **Sách tham khảo:**

[3]. Võ Xuân Minh, Phạm Ngọc Bùng (chủ biên), *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc*. T1, NXB Y Học, 2006.

[4]. Bộ môn Bào chế, *Giáo trình thực tập bào chế*, Khoa Dược – ĐHYD TpHCM.

[5]. Trường Đại học Dược Hà Nội, *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc*, tập 1, 1997.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên:

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

- Chuyên cần: 10%
- Kiểm tra tự học: 30%
- Bài thi cuối kỳ: 60%.
- Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành.
- CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Bài mở đầu - Đại cương về Sinh dược học	4				8	12
2	Hòa tan hoàn toàn Dung dịch-Siro- Nước thơm	10				20	30
3	Thuốc nhỏ mắt — Thuốc tiêm	8				16	24
4	Cách dạng thuốc bào chế từ kỹ thuật hòa tan chiết xuất	8				16	24
5	Điều chế dung dịch Lugol (dung dịch iod 1%) Điều chế Cồn Iod 5%				4		4
6	Điều chế 03 loại nước thơm bạc hà				4		4
7	Điều chế 2 loại Siro đơn				4		4
8	Điều chế Siro ho				4		4
9	Pha chế thuốc tiêm Vitamin B ₁ 100mg/1ml				4		4
10	Pha chế thuốc nhỏ mắt Chloramphenicol 0,4%				4		4
11	Điều chế cồn quế				4		4

TT Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
12	Điều chế cao lỏng lạc tiên				2		2
Tổng		30			30	60	120

37 - ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN BÀO CHẾ VÀ SINH DƯỢC HỌC 2

1. **Tên học phần:** Bào chế và sinh dược học 2
2. **Số tín chỉ:** 3
3. **Kế hoạch đào tạo:** Học kỳ VII.
4. **Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy:** Bộ môn Bào chế Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô
5. **Phân bố thời gian:**
 - Lý thuyết: 2 TC, 30 tiết
 - Thực hành: 1 TC, 30 tiết
 - Tự học: 60 giờ
6. **Điều kiện tiên quyết:** Bào chế và sinh dược học 1
7. **Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Bào chế và sinh dược học 2 cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc: nhũ tương, hỗn dịch, thuốc mỡ, thuốc đạn, thuốc bột, thuốc viên và thuốc nang.
8. **Mục tiêu học phần:**

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

 - **Kiến thức:**
 - + Trình bày được định nghĩa, đặc điểm, ưu nhược điểm của các dạng bào chế thông thường thuộc cấu trúc dị thể.
 - + Mô tả được thành phần cơ bản (hoạt chất, tá dược), nguyên tắc bào chế và các trang thiết bị sử dụng cho mỗi dạng bào chế này.
 - + Nêu được các yêu cầu chất lượng cho mỗi dạng bào chế này.
 - **Kỹ năng:**
 - o Bào chế được các dạng bào chế thông thường thuộc cấu trúc dị thể.
 - o Đánh giá được một số chỉ tiêu chất lượng chính của các dạng bào chế này.
 - **Thái độ:**

Rèn luyện được tác phong thận trọng, chính xác, trung thực trong bào chế thuốc.
9. **Tài liệu học tập:**

Sách, giáo trình chính:

[1]. GS.TS. Lê Quan Nghiêm, PGS.TS. Huỳnh Văn Hóa (chủ biên), *Bào chế và sinh dược học, tập 2*, NXB Y học, 2005.

Sách tham khảo:

[2]. *Giáo trình thực tập bào chế*, Khoa Dược – Trường Đại học Đông Đô.

[3]. Võ Xuân Minh, Nguyễn Văn Long (chủ biên), *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc. Tập 2*, sách dùng đào tạo dược sỹ đại học, NXB Y học, 2006

[4]. Trường Đại học Dược Hà Nội, *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc*, tập 2, 1997.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

11. Chuyên cần: 10%
12. Kiểm tra tự học: 30%
13. Bài thi cuối kỳ: 60%.
14. Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành.
15. **CÂU HỎI ÔN TẬP**
16. **Thang điểm:** 10 (lấy một chữ số thập phân)
17. **Nội dung chi tiết học phần:**

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Nhũ tương	3				6	9
2	Hỗn dịch	3				6	9
3	Thuốc mỡ	3				6	9
4	Thuốc đạn	3				6	9
5	Thuốc bột	3				6	9
6	Thuốc cốm	3				6	9
7	Thuốc nang	3				6	9
8	Thuốc viên nén	3				6	9
9	Viên bao	3				6	9
10	Thuốc phun mù	3				6	9
11	Bào chế nhũ tương thuốc				4		4
12	Bào chế hỗn dịch thuốc				4		4
13	Bào chế thuốc bột				4		4
14	Bào chế thuốc cốm, cốm pha hỗn dịch				4		4
15	Bào chế thuốc mỡ				4		4
16	Bào chế thuốc đạn, thuốc trứng				4		4
17	Bào chế thuốc viên nén				4		4
18	Bào chế thuốc viên nang				4		4

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
Tổng		30			30	60	120

38 - ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHÁP CHẾ DƯỢC

1. Tên học phần: **Pháp chế dược**

2. Số tín chỉ: 3

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ V.

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

5. Phân bố thời gian:

- Lý thuyết: 3 TC, 45 tiết (30 tiết lý thuyết và 15 tiết thảo luận)
- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: không.

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần Pháp chế dược cung cấp cho sinh viên kiến thức về các qui định pháp lý cơ bản về công tác dược trong các hoạt động sản xuất, lưu thông, phân phối, tồn trữ và sử dụng thuốc.

8. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

- **Kiến thức:**

Phân tích được những nội dung cơ bản của một số quy chế quản lý dược quan trọng gồm: Quy chế hướng dẫn hành nghề, Quản lý thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc phóng xạ, Quy chế quản lý chất lượng thuốc, Quy chế nhãn và nhãn hiệu hàng hóa, Quy chế đăng ký thuốc, Quy chế quản lý mỹ phẩm, Thực phẩm chức năng, Quy chế bán thuốc theo đơn, Quy chế quản lý sử dụng thuốc trong bệnh viện.

- **Kỹ năng:**

Vận dụng được những quy chế có liên quan của nhà nước vào lĩnh vực hành nghề dược.

- **Thái độ:**

Rèn luyện ý thức chấp hành luật pháp trong khi hành nghề dược.

9. Tài liệu học tập:

Sách, giáo trình chính:

[1]. *Pháp chế dược*, giáo trình nội bộ, khoa Dược, Đại học Đông Đô.

Sách tham khảo:

[2]. Nguyễn Duy Luật, *Tổ chức, quản lý và chính sách Y tế*, NXB Y học, 2006.

[3]. Những văn bản quản lý nhà nước về dược có liên quan.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

11. Chuyên cần: 10%

12. Kiểm tra tự học: 30%
13. Bài thi cuối kỳ: 60%.
14. Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành.
15. **CÂU HỎI ÔN TẬP**
16. **Thang điểm:** 10 (lấy một chữ số thập phân)
17. **Nội dung chi tiết học phần:**

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Luật dược	3		1		8	12
2	Qui chế hướng dẫn hành nghề	3		2		10	15
3	Quản lý thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc phóng xạ	3		2		10	15
4	Quy chế Quản lý chất lượng thuốc	3		2		10	15
5	Qui chế nhãn và nhãn hiệu hàng hóa Thông tin quảng cáo thuốc	3		2		10	15
6	Qui chế đăng ký thuốc	3		2		10	15
7	Qui chế quản lý mỹ phẩm, Thực phẩm chức năng	3				6	9
8	Qui chế bán thuốc theo đơn	3		2		10	15
9	Qui chế quản lý sử dụng thuốc trong bệnh viện	3		2		10	15
10	Qui chế chăm sóc thuốc cho người bệnh	3				6	9
Tổng		30		15		90	135

39 - ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ VÀ KINH TẾ DƯỢC

1. Tên học phần: Quản lý và kinh tế dược

2. Số tín chỉ: 2

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ VII.

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

5. Phân bố thời gian:

- Lý thuyết: 2 TC, 30 tiết

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: pháp chế dược

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần quản lý và kinh tế dược cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về doanh nghiệp và doanh nghiệp dược, về quản lý kinh tế và những yếu tố đặc thù riêng của hoạt động quản lý kinh tế dược.

8. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

- **Kiến thức:**

+ Trình bày được các kiến thức cơ bản về doanh nghiệp và doanh nghiệp dược.

+ Trình bày được các nguyên tắc cơ bản trong công tác quản lý kinh tế và những yếu tố đặc thù riêng của công tác quản lý kinh tế dược.

- **Kỹ năng:**

Vận dụng được các kiến thức về quản lý kinh tế áp dụng trong các hoạt động kinh doanh của ngành dược.

9. Tài liệu học tập:

Sách, giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Thị Thái Hằng, Lê Viết Hùng, *Giáo trình quản lý và kinh tế dược*, NXB Y học, (2007).

Sách tham khảo:

[2]. Nguyễn Duy Luật, Tổ chức, *quản lý và chính sách Y tế*, NXB Y học, 2006

10. Phương pháp đánh giá sinh viên

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

1. Chuyên cần: 10%

2. Kiểm tra tự học: 30%

3. Bài thi cuối kỳ: 60%.
4. Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút.
5. **CÂU HỎI ÔN TẬP**
6. **11. Thang điểm:** 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Luật doanh nghiệp	3				6	9
2	Tài chính doanh nghiệp	3				6	9
3	Thuế doanh nghiệp	3				6	9
4	Hợp đồng kinh tế	3				6	9
5	Quản lý cung ứng thuốc	3				6	9
6	Quản trị doanh nghiệp Dược	3				6	9
7	Phân tích các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	3				6	9
8	Xác định nhu cầu thuốc	3				6	9
9	Nguyên tắc xây dựng và hạch toán giá thành sản phẩm	3				6	9
10	Lạm phát, thất nghiệp, tỷ giá hối đoái, lý thuyết về lợi thế so sánh tuyệt đối của Adam Smith và lợi thế so sánh tương đối của David Ricardo	3				6	9
Tổng		30				60	90

40 – ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC ĐỘNG HỌC

1. Tên học phần: Dược động học

2. Số tín chỉ: 2

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ V.

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

5. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 2TC, 30 tiết.

- Tự học: 60 giờ.

6. Điều kiện tiên quyết: Hóa sinh, hóa lý

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần dược động học cho sinh viên các kiến thức về quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ thuốc trong cơ thể.

8. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

+ **Kiến thức:**

- Trình bày được quá trình dược động cơ bản
- Trình bày được dược động học ở các đối tượng đặc biệt (trẻ em, người lớn tuổi, phụ nữ mang thai)
- Trình bày được dược động học của các hệ trị liệu khác nhau (qua da, niêm mạc, qua hệ tiêu hóa, hệ hô hấp và qua mắt)

9. Tài liệu học tập:

- **Sách, giáo trình chính:**

[1]. *Bài giảng dược động học*: Giáo trình nội bộ, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

1. Chuyên cần: 10%
2. Kiểm tra tự học: 30%
3. Bài thi cuối kỳ: 60%.
4. Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút.
5. **CÂU HỎI ÔN TẬP**

11. Thang điểm: 10 (Lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học			Tổng số
		Lên lớp	TH	Tự	

		LT	Bài tập	Thảo luận	TN TT	học	
1	Đại cương về dược động học	3				6	9
2	Các quá trình vận chuyển thuốc qua màng	3				6	9
3	Các quá trình dược động học	3				6	9
4	Dược động học ở các đối tượng đặc biệt	3				6	9
5	Dược động học thuốc dùng ngoài	3				6	9
6	Dược động học thuốc dùng qua đường tiêu hóa	3				6	9
7	Dược động học thuốc dùng qua đường tiêm	3				6	9
8	Dược động học thuốc dùng qua đường hô hấp	3				6	9
9	Dược động học thuốc dùng qua đường niêm mạc	3				6	9
10	Dược động học thuốc dùng qua mắt	3				6	9
Tổng		30				60	90

41 - ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LÝ 1

1. Tên học phần: **Dược lý 1**

2. Số tín chỉ: 2

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ VI.

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

5. Phân bố thời gian:

- Lý thuyết: 2 TC, 30 tiết

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh lý bệnh – miễn dịch, Hóa sinh, Hóa dược, Dược động học.

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần Dược lý 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về các cơ chế tác dụng và yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc. Học phần này cũng giúp sinh viên phân loại một số nhóm thuốc cơ bản; tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng và cách dùng của một số thuốc trong nhóm thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật, hệ thần kinh trung ương.

8. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

- **Kiến thức:**

+ Trình bày được cơ chế tác dụng về yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.

+ Trình bày được tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng và cách dùng của một số thuốc trong nhóm thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật, hệ thần kinh trung ương.

9. Tài liệu học tập:

Sách, giáo trình chính:

[1]. Mai Phương Mai (chủ biên), *Dược lý học Tập 1*, NXB Y học, 2008.

Sách tham khảo:

[2]. Mai Tất Tố, Vũ Thị Trâm (chủ biên), *Dược lý học tập 1*, NXB Y học, 2007.

[3]. *Dược lý học*, Bộ môn dược lý, trường Đại học Y Hà Nội, NXB Y học, 2008.

[4]. Bộ Y tế, *Dược thư quốc gia Việt Nam*, xuất bản lần thứ nhất, Hà Nội, 2002.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

1. Chuyên cần: 10%
2. Kiểm tra tự học: 30%
3. Bài thi cuối kỳ: 60%.
4. Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút.
5. **CÂU HỎI ÔN TẬP**

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Đại cương về Dược lý học Cơ chế tác dụng và yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc	3				6	9
2	Thuốc tác dụng lên hệ thần kinh trung ương	3				6	9
3	Thuốc gây mê	3				6	9
4	Thuốc gây tê	3				6	9
5	Thuốc an thần	3				6	9
6	Thuốc giảm đau trung ương	3				6	9
7	Thuốc chống động kinh	3				6	9
8	Thuốc kích thích thần kinh trung ương	3				6	9
9	Thuốc điều trị rối loạn tâm thần – Thuốc ức chế tâm thần	3				6	9
10	Thuốc chống trầm cảm	3				6	9
Tổng		30				60	90

42 – ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LÝ 2

1. Tên học phần: Dược lý 2

2. Số tín chỉ: 3

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ VII.

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

5. Phân bố thời gian:

- Lý thuyết: 2TC, 30 tiết

- Thực hành: 1TC, 30 tiết

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Dược lý 1

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần dược lý 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức về tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng, và cách dùng của một số thuốc trong nhóm thuốc: thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm, thuốc tác dụng trên các cơ quan và máu, hóa trị liệu, thuốc kháng histamin, hormon, vitamin...

8. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

+ **Kiến thức:**

Trình bày được tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng và cách dùng của một số thuốc trong nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt chống viêm, thuốc tác dụng trên các cơ quan và máu, hóa trị liệu, thuốc kháng histamin, hormon, vitamin.

+ **Kỹ năng:**

Thực hành một vài mô hình dược lý thực nghiệm đơn giản để khảo sát, đánh giá tác dụng, độc tính cấp, độc tính bán cấp của thuốc.

9. Tài liệu học tập:

- **Sách, giáo trình chính:**

[1]. Mai Tất Tố, Vũ Thị Trâm (chủ biên). *Dược lý học Tập 2*, nhà xuất bản Y học, 2007.

[2]. *Thực tập dược lý*, Giáo trình nội bộ, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

[3]. *Dược lý học*, Bộ môn dược lý, Trường Đại học y Hà Nội, NXN y học, 2008.

[4]. Bộ y tế, *Dược thư quốc gia Việt Nam*, xuất bản lần thứ nhất, Hà Nội, 2002.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên:

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

1. Chuyên cần: 10%
2. Kiểm tra tự học: 30%
3. Bài thi cuối kỳ: 60%.
4. Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành
5. **CÂU HỎI ÔN TẬP**

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	Tổng số
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Thuốc tác động trên hệ thần kinh thực vật	2				4	6
2	Thuốc tác động trên tim mạch	2				4	6
3	Thuốc lợi tiểu	2				4	6
4	Thuốc hạ lipit máu	2				4	6
5	Thuốc điều trị viêm loét dạ dày tá tràng	2				4	6
6	Thuốc tác dụng lên quá trình đông máu và tiêu fibrin	2				4	6
7	Thuốc điều trị thiếu máu	2				4	6
8	Kháng sinh	2				4	6
9	Thuốc điều trị lao	2				4	6
10	Thuốc điều trị sốt rét	2				4	6
11	Thuốc diệt amib và trichomonas vaginalis	2				4	6
12	Thuốc chống nấm	2				4	6
13	Thuốc kháng virus	2				4	6
14	Thuốc điều trị ung thư	2				4	6
15	Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm, và điều trị bệnh gout	2				4	6
16	Một số quy định ở phòng thực tập dược lý				4		4

17	Hướng dẫn thực nghiệm trên động vật				4		4
18	Những thủ thuật cần biết khi làm những thử nghiệm dược lý				4		4
19	Sự liên quan giữa đường hấp thụ và hoạt tính dược lực				4		4
20	Tác dụng đối kháng				4		4
21	Tác dụng hiệp lực				4		4
22	Độc tính cấp – xác định LD50 của strychnin sulfat.				4		4
23	Kiểm nghiệm chất sinh nhiệt				2		2
Tổng		30			30	60	120

43 – ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐỘC CHẤT HỌC

1. Tên học phần: Độc chất học

2. Số tín chỉ: 2

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ V.

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

5. Phân bố thời gian:

- Lý thuyết: 1 TC, 15 tiết

- Thực hành: 1 TC, 30 tiết

- Tự học: 30 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ, Hóa phân tích

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần Độc chất học cung cấp cho sinh viên kiến thức về tính chất hóa học và độc tính của các chất độc thường gặp, phản ứng phát hiện chất độc trong mẫu phân tích và cách xử lý.

8. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

Kiến thức

- Trình bày và áp dụng được các phương pháp kiểm nghiệm các loại hóa chất độc có nguồn gốc khác nhau trong các cơ chất khác nhau.
- Giải thích được cơ chế gây độc của một số chất độc thường gặp.

9. Tài liệu học tập:

- **Sách, giáo trình chính:**

[1]. *Độc chất học*, Giáo trình nội bộ, Trường Đại học Đông Đô.

[2]. *Thực tập độc chất học*, Giáo trình nội bộ, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

- **Sách tham khảo:**

[3]. Trần Tử An. *Môi trường và độc chất môi trường*, Đại học Dược Hà Nội, 2002.

[4]. Dương Thanh Liêm. *Độc chất học*. Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM, 2001.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên:

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

1. Chuyên cần: 10%

2. Kiểm tra tự học: 30%

3. Bài thi cuối kỳ: 60%.

4. Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành

5. CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Đại cương về chất độc	2				4	6
2	Các phương pháp phân lập các chất độc vô cơ Một số chất độc vô cơ điển hình	4				8	12
3	Các phương pháp phân lập các chất độc hữu cơ Các phương pháp xác định các chất độc hữu cơ	4				8	12
4	Các phương pháp xác định các chất độc kim loại	1				2	3
5	Các chất độc phân lập bằng phương pháp cất	1				2	3
6	Các chất độc phân lập bằng chiết ở môi trường acid, môi trường kiềm	2				4	6
7	Các chất trừ sâu diệt cỏ	1				2	3
8	Chất độc phân lập bằng phương pháp cất kéo theo hơi nước				4		4
9	Phenol				4		4
10	Chất độc hữu cơ được chiết xuất bằng dung môi hữu cơ trong môi trường acid				4		4
11	Chất độc hữu cơ được chiết xuất bằng dung môi hữu cơ trong môi trường kiềm				4		4

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
12	Các chất độc vô cơ: Arsen (As), Bismuth (Bi), Crom (Cr)				4		4
13	Các chất độc vô cơ: Mangan (Mn), Chì (Pb), Thủy ngân (Hg)				4		4
14	Chất độc dễ bay hơi: Ethanol, Methanol				4		4
15	Định tính một số chất độc hữu cơ bằng những phản ứng đặc hiệu				2		2
Tổng		15			30	30	75

44 – ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LÂM SÀNG 1

1. Tên học phần: Dược lâm sàng 1

2. Số tín chỉ: 2

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ VIII

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô.

5. Phân bố thời gian:

- Lý thuyết: 2 TC, 30 tiết

- Tự học: 30 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Bệnh học, Vi sinh, Ký sinh, Dược lý 2, Hóa dược

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần Dược lâm sàng 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến quá trình sử dụng thuốc như dược động học, phản ứng có hại của thuốc, dị ứng thuốc, tương tác thuốc. Sinh viên còn được cung cấp những kiến thức để phân tích và nhận định kết quả của một số xét nghiệm lâm sàng thông dụng, từ đó giúp tư vấn việc lựa chọn và sử dụng thuốc cho bệnh nhân.

8. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

Kiến thức:

- Trình bày được một số vấn đề cơ bản liên quan đến quá trình sử dụng thuốc như dược động học, phản ứng có hại của thuốc, dị ứng thuốc, tương tác thuốc.
- Phân tích và nhận định kết quả của một số xét nghiệm lâm sàng thông dụng.
- Giải thích được việc lựa chọn thuốc điều trị dựa trên những thay đổi cơ bản về sinh lý và bệnh lý của các đối tượng đặc biệt.

Thái độ

Rèn luyện được tác phong thận trọng, chính xác khi sử dụng thuốc.

9. Tài liệu học tập:

- **Sách, giáo trình chính:**

[1]. *Dược lâm sàng*, NXB Y học, 2011.

- **Sách tham khảo:**

[2]. Bộ Y tế, *Dược thư quốc gia Việt Nam*, xuất bản lần thứ nhất, Hà Nội, 2002.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên:

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

1. Chuyên cần: 10%
2. Kiểm tra tự học: 30%
3. Bài thi cuối kỳ: 60%.
4. Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút.
5. CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Đại cương về lâm sàng Đại cương về Dược lâm sàng Dược động học lâm sàng	5				10	15
2	Các thông số dược động học cơ bản Sự biến đổi các thông số dược động học liên quan đến thay đổi chức năng gan – thận	5				10	15
3	Các đường đưa thuốc và cách sử dụng Phản ứng có hại của thuốc Di ứng thuốc Độc tính của thuốc	4				10	15
4	Xét nghiệm lâm sàng và nhận định kết quả	5				10	15
5	Sử dụng thuốc trên các đối tượng đặc biệt Nguyên tắc sử dụng kháng sinh an toàn, hợp lý	5				10	15
6	Tương tác thuốc Thông tin thuốc	5				10	15
Tổng		30				60	90

45 - ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LÂM SÀNG 2

1. Tên học phần: Dược lâm sàng 2

2. Số tín chỉ: 2

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ IX

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

5. Phân bố thời gian:

- Lý thuyết: 1 TC, 15 tiết

- Thực hành: 1 TC, 30 giờ

- Tự học: 30 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Bệnh học, Vi sinh, Ký sinh, Dược lý 2, Hóa dược

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần Dược lâm sàng 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến việc sử dụng các nhóm thuốc điều trị thường dùng. Sinh viên còn được cung cấp những kiến thức và kỹ năng cần thiết để phân tích và nhận xét việc sử dụng thuốc tại các chuyên khoa lâm sàng, từ đó giúp tư vấn việc lựa chọn và sử dụng thuốc cho bệnh nhân.

8. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

Kiến thức:

- Trình bày được một số vấn đề cơ bản liên quan đến quá trình sử dụng các nhóm thuốc thường dùng trong điều trị.

Kỹ năng:

- Phân tích và nhận xét việc sử dụng các nhóm thuốc thông dụng tại các chuyên khoa lâm sàng.
- Giải thích được việc lựa chọn thuốc điều trị dựa trên những thay đổi cơ bản về sinh lý và bệnh lý của các đối tượng đặc biệt.

Thái độ

Rèn luyện được tác phong thận trọng, chính xác khi sử dụng thuốc.

9. Tài liệu học tập:

- **Sách, giáo trình chính:**

[1]. *Dược lâm sàng*, NXB Y học, 2011.

[2] Bộ môn Dược lý – Dược lâm sàng, *Giáo trình thực tập Dược lâm sàng*, Khoa Dược- Đại học Đông Đô

- **Sách tham khảo:**

[3]. Bộ Y tế, *Dược thư quốc gia Việt Nam*, xuất bản lần thứ nhất, Hà Nội, 2002.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên:

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

1. Chuyên cần: 10%
2. Kiểm tra tự học: 30%
3. Bài thi cuối kỳ: 60%.
4. Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút.
5. **CÂU HỎI ÔN TẬP**

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Nguyên tắc sử dụng kháng sinh	3					3
2	Nguyên tắc sử dụng glucocorticoid và thuốc giảm đau	3					3
3	Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh tim mạch	3					3
4	Sử dụng thuốc trong điều trị đái tháo đường	3					3
5	Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh rối loạn thần kinh	3					3
6	Phân tích case lâm sàng ở Khoa Nội tiêu hóa				5	5	10
7	Phân tích case lâm sàng ở Khoa Nội tiết niệu				5	5	10
8	Phân tích case lâm sàng ở Khoa Nội tim mạch				5	5	10
9	Phân tích case lâm sàng ở Khoa Nội tiết				5	5	10
10	Phân tích case lâm sàng ở Khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình				5	5	10
11	Phân tích case lâm sàng ở khoa nội thần kinh				5	5	10

Tổng	15			30	30	75
-------------	-----------	--	--	-----------	-----------	-----------

46 – ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KIỂM NGHIỆM DƯỢC PHẨM

1. Tên học phần: **Kiểm nghiệm dược phẩm**

2. Số tín chỉ: 3

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ VIII.

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

5. Phân bố thời gian:

- Lý thuyết: 2 TC, 30 tiết

- Thực hành: 1 TC, 30 tiết

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Hóa phân tích

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần Kiểm nghiệm dược phẩm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về chất lượng thuốc, phương pháp lấy mẫu và lưu mẫu, một số phương pháp kiểm nghiệm thuốc được ghi trong Dược điển Việt Nam. Sinh viên cũng thực hành kiểm nghiệm một số dạng bào chế thông dụng.

8. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

+ **Kiến thức:**

- Trình bày được khái niệm chất lượng thuốc và nhiệm vụ chủ yếu của công tác kiểm nghiệm
- Trình bày được những nguyên tắc chung và một số phương pháp kiểm nghiệm thuốc được ghi trong Dược điển Việt Nam
- Trình bày được phương pháp lấy mẫu và lưu mẫu, kiểm nghiệm thuốc theo tiêu chuẩn thực hành kiểm nghiệm tốt.
- Trình bày được các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử để đánh giá chất lượng các dạng tể bào thường gặp.

+ **Kỹ năng**

Kiểm nghiệm chuẩn xác một số dạng thuốc thông thường.

+ **Thái độ**

Rèn luyện tác phong thận trọng, chính xác, trung thực trong kiểm nghiệm thuốc.

9. Tài liệu học tập:

- **Sách, giáo trình chính:**

[1]. Trần Tử An (chủ biên). *Kiểm nghiệm dược phẩm*, NXB Y học, 2005.

[2]. *Thực tập kiểm nghiệm dược phẩm*, Giáo trình nội bộ, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

[3]. Bộ Y tế, *Dược điển Việt Nam IV*, NXB Y học, 2010.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên:

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

1. Chuyên cần: 10%
2. Kiểm tra tự học: 30%
3. Bài thi cuối kỳ: 60%.
4. Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành
5. **CÂU HỎI ÔN TẬP**

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Đại cương về nghiệp vụ kỹ năng kiểm nghiệm dược phẩm	3				6	9
2	Kiểm nghiệm thuốc bằng phương pháp hóa học	8				16	24
3	Các phương pháp hóa lý trong kiểm nghiệm thuốc	8				6	24
4	Kiểm nghiệm thuốc bằng phương pháp sinh học	3				6	9
5	Kiểm nghiệm các dạng bào chế	8				16	24
6	Kiểm nghiệm nguyên liệu Calci Clorid dihydrat (Xác định tạp chất, độ trong và màu sắc của dung dịch)				4		3
7	Kiểm nghiệm viên nén sulfaguanidin 500mg				4		3
8	Kiểm nghiệm thuốc tiêm vitamin B12 1000γ/ml				4		3
9	Kiểm nghiệm thuốc bột sủi pha tiêm natri penicilin G 1.000.000 UI				4		3
10	Kiểm nghiệm thuốc bột sủi bột Hapacol 150 Flu				4		3
11	Kiểm nghiệm thuốc nhỏ mắt Neodex				4		4
12	Kiểm nghiệm kem Cortibion. Kiểm nghiệm sirô Theralen				4		4
13	Kiểm nghiệm viên nang Paracetamol 500 mg				2		2

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận	TN TT		
Tổng		30			30	60	120

47 – ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN SẢN XUẤT THUỐC

1. Tên học phần: Sản xuất thuốc

2. Số tín chỉ: 2

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ VIII.

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Bào chế, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô.

5. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 2 TC, 30 tiết.

- Tự học: 60 giờ.

6. Điều kiện tiên quyết: Bào chế và sinh dược học, Kiểm nghiệm.

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần Sản xuất thuốc cung cấp cho sinh viên các kiến thức chung về chất lượng thuốc, các hệ thống quản lý chất lượng trong sản xuất thuốc.

8. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

+ **Kiến thức:**

- Trình bày được các hệ thống quản lý chất lượng thuốc khác nhau trong kỹ thuật sản xuất.
- Nêu được vai trò nói chung của các GPs trong chuỗi quá trình từ sản xuất đến tồn trữ, cung ứng thuốc.

9. Tài liệu học tập:

- **Sách, giáo trình chính:**

[1]. *Bài giảng Sản xuất thuốc*: Giáo trình nội bộ, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

- **Sách tham khảo:**

[2] Sidney HWillig, *Good Manufacturing Practices ForPharmaceuticals*. Marcel Dekker, 2001.

[3] Willig, H. S. (2001), *Good Manufacturing Practices For phamaceuticals, A plan for Total Quality Control*, 5th Ed. Dekker Ine, Newyork, pp. 110-114.

[4]. WHO (2007), *Quality assurance of pharmaceuticals: a compendium of guidelines and related materials, Vol 2, Good manufacturing practices and inspection*, -2nd ed

10. Phương pháp đánh giá sinh viên:

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

1. Chuyên cần: 10%

2. Kiểm tra tự học: 30%

3. Bài thi cuối kỳ: 60%.
 4. Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút.
 5. **CÂU HỎI ÔN TẬP**
- 11. Thang điểm:** 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Quá trình nghiên cứu sản xuất một loại thuốc ra thị trường	5				10	18
	Thuốc generic	5				10	
2	Các khái niệm về chất lượng thuốc	5				10	18
3	Hệ thống quản lý chất lượng trong sản xuất theo WHO	5				10	18
4	Hệ thống quản lý chất lượng trong sản xuất khác	5				10	18
Tổng		30				60	90

48 – ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIN HỌC DƯỢC

1. Tên học phần: Tin học dược

2. Số tín chỉ: 2

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ VI.

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Đông Đô

5. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 1 TC, 15 tiết.

- Thực hành: 1 TC, 30 tiết.

- Tự học: 30 giờ.

6. Điều kiện tiên quyết: tin học ứng dụng

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần Tin học dược cung cấp cho sinh viên những kiến thức tin học có thể ứng dụng được vào chuyên ngành dược như phần mềm ISIS-Draw vẽ công thức hóa học phức tạp và phần mềm SPSS trong xử lý kết quả nghiên cứu nhanh chóng và thuận tiện.

8. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

+ **Kiến thức:**

- Trình bày được trên vi tính cấu trúc phân tử của công thức hóa học từ đơn giản đến phức tạp.
- Phân tích được thống kê mô tả và phân tích hồi quy tuyến tính.

+ **Kỹ năng**

Ứng dụng được phân tích thống kê mô tả và phân tích hồi quy tuyến tính trong nghiên cứu Dược.

9. Tài liệu học tập:

- **Sách, giáo trình chính:**

[1]. *Bài giảng Tin học dược*: Giáo trình nội bộ, Khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, 2013.

- **Sách tham khảo:**

[2] Đặng Văn Giáp, *Trình bày vi tính và phân tích dữ liệu*. Khoa Dược, Đại học Y Dược TP.HCM, 2003.

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

1. Chuyên cần: 10%

2. Kiểm tra tự học: 30%
3. Bài thi cuối kỳ: 60%.
4. Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành
5. **CÂU HỎI ÔN TẬP**

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Trình bày cấu trúc phân tử	3				6	9
2	Trình bày biểu thức toán lý	3				6	9
3	Giới thiệu chương trình SPSS 12.0	3				6	9
4	Phân tích thống kê mô tả	3				6	9
5	Trắc nghiệm giả thuyết đơn giản	3				6	9
6	ISIS-Draw 2.5: trình bày cấu trúc phân tử 2 chiều				4		4
7	MS-Equation 3.0: trình bày biểu thức toán lý				4		4
8	SPSS 12.0: thao tác căn bản				4		4
9	SPSS 12.0: Phân tích thống kê mô tả: giá trị trung bình, phương sai, độ lệch chuẩn				4		4
10	SPSS 12.0: So sánh 2 phương sai F-test				4		4
11	SPSS 12.0: So sánh 2 giá trị trung bình t-test				4		4
12	SPSS 12.0: So sánh ANOVA 1 yếu tố				4		4
Tổng		15			30	30	75

49 - ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN MARKETING VÀ THỊ TRƯỜNG DƯỢC PHẨM

1. Tên học phần: Marketing và thị trường dược phẩm

2. Số tín chỉ: 3

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ VIII.

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

5. Phân bố thời gian:

- Lý thuyết: 3 TC, 30 tiết
- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: không

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần marketing và thị trường dược phẩm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về marketing và thực tế marketing trong ngành dược, thương hiệu. Ngoài ra sinh viên được cung cấp các kiến thức đại cương về thị trường dược phẩm, cách đánh giá thị trường và phương hướng phát triển.

8. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

- **Kiến thức:**
 - Trình bày được định nghĩa về marketing và marketing dược
 - Nêu được các phương pháp marketing và định vị mục tiêu trong marketing.
 - Nêu được cách thức xây dựng, quảng bá, bảo vệ thương hiệu.
 - Trình bày được hiện trạng thị trường dược phẩm trong nước, quốc tế và hướng phát triển của thị trường dược phẩm trong nước.

9. Tài liệu học tập:

Sách, giáo trình chính:

[1]. *Bài giảng marketing và thị trường dược phẩm*, Giáo trình nội bộ, Khoa dược, Trường Đại học Đông Đô

Sách tham khảo

[2]. Trần Minh Đạo, Vũ Trí Dũng, *Marketing quốc tế*, NXB ĐH kinh tế quốc dân, 2007.

[3]. Trần Minh Đạo, *Marketing căn bản*, NXB Giáo dục VN, 2011.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

11. Chuyên cần: 10%
12. Kiểm tra tự học: 30%
13. Bài thi cuối kỳ: 60%.
14. Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút.
15. **CÂU HỎI ÔN TẬP**

16. **Thang điểm:** 10 (lấy một chữ số thập phân)

17. **Nội dung chi tiết học phần:**

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua thuốc. Kinh doanh thuốc. Bán sỉ - bán lẻ	5				10	15
2	Đại cương về marketing – Marketing dược	5				10	15
3	Các phương pháp marketing. Định vị mục tiêu trong marketing.	5				10	15
4	Phương pháp nghiên cứu thị trường	5				10	15
5	Xây dựng, quảng bá, bảo vệ thương hiệu	5				10	15
6	Thị trường dược phẩm trên thế giới. Thị trường dược phẩm trong nước	5				10	15
Tổng		30				60	90

50- ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN SẢN XUẤT THUỐC TỪ DƯỢC LIỆU

1. Tên học phần: Sản xuất thuốc từ dược liệu

2. Số tín chỉ: 2

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ VIII.

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Bào chế, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô.

5. Phân bố thời gian:

- Lý thuyết: 1 TC, 15 tiết

- Thực hành: 1TC, 30 tiết

- Tự học: 30 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Bào chế và sinh dược 1&2, Dược liệu 1&2

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần sản xuất thuốc từ dược liệu cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng liên quan đến chiết xuất dược liệu, xử lý tạp, cô sấy để thu được, các chế phẩm trung gian phục vụ cho việc bào chế vài dạng thuốc đơn giản.

8. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải

+ **Kiến thức:**

- Mô tả các phương thức chiết xuất, xử lý tạp, cô sấy các sản phẩm trung gian từ dược liệu ở quy mô công nghiệp.
- Trình bày các điều kiện chế cón thuốc, cao thuốc và phương cách sử dụng để loại tạp.
- Mô tả kỹ thuật bào chế thuốc từ cón thuốc, cao thuốc.
- Mô tả yêu cầu kinh nghiệm thuốc từ dược liệu.

+ **Kỹ năng**

Thực hành chiết xuất và bào chế hai dạng bào chế đơn giản từ dược liệu.

9. Tài liệu học tập:

- **Sách, giáo trình chính:**

[1]. *Sản xuất thuốc từ dược liệu*. Giáo trình nội bộ, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

[2]. *Thực tập sản xuất thuốc từ dược liệu*, Giáo trình nội bộ, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

- **Sách tham khảo:**

[3]. Đỗ Tất Lợi. *Cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*. Nhà xuất bản y học, 2003.

[4]. Lê Quan Nghiệm, Huỳnh Văn Hóa, *Bào chế và sinh dược học tập 1, 2*, NXB y học 2012.

[5]. Ngô Văn Thu, Trần Hùng, *Bài giảng dược liệu T1*, NXB Y học, 2011.

[6]. Phan Thanh Kỳ (chủ biên). *Bài giảng dược liệu T2*, NXB Y học, 2008.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

1. Chuyên cần: 10%
2. Kiểm tra tự học: 30%
3. Bài thi cuối kỳ: 60%.
4. Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành
5. **CÂU HỎI ÔN TẬP**

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)**12. Nội dung chi tiết học phần:**

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Ý nghĩa của việc sử dụng các sản phẩm trung gian từ dược liệu. Phương pháp chiết xuất dược liệu ở quy mô công nghiệp.	5				10	15
2	Các phương pháp xử lý tạp, cô sấy các sản phẩm trung gian	3				6	9
3	Đánh giá chất lượng các sản phẩm trung gian từ dược liệu	2				4	6
4	Sản xuất kiểm tra chất lượng các dạng bào chế từ dược liệu: cồn thuốc, rượu thuốc, cao thuốc viên nén viên hoàn chế phẩm mới	5				10	15
5	Bài tập lớn: chiết xuất các atisô và bào chế viên hoàn atisô từ dược liệu khô				15		15
6	Điều chế rutin và viên nén rutin				15		15
Tổng		15			30	30	75

51- ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH QUẢN LÝ VÀ CUNG ỨNG THUỐC

1. Tên học phần: Thực hành quản lý và cung ứng thuốc (tại BV, CT, NT)

2. Số tín chỉ: 3

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ IX.

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

5. Phân bố thời gian:

- Lý thuyết: 2 TC
- Tự học: 180 tiết thực tế tại cơ sở

6. Điều kiện tiên quyết: Học xong các học phần bắt buộc của định hướng chuyên ngành Quản lý và cung ứng thuốc.

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần Thực hành Quản lý và cung ứng thuốc giúp sinh viên có những kiến thức thực tiễn liên quan đến quản lý, tồn trữ, cung ứng thuốc, và các nguyên tắc GPs có liên quan. Mặc khác rèn luyện tác phong làm việc trong môi trường nghề nghiệp thực tế.

8. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải:

- **Kiến thức:**

- o So sánh những kiến thức đã học ở trường với các hoạt động thực tiễn của nghề nghiệp.
- o Tiếp thu những kiến thức thực tiễn liên quan đến quản lý của công ty, tồn trữ và cung ứng thuốc và các nguyên tắc của GPs có liên quan.

- **Kỹ năng**

Rèn luyện kỹ năng thực hành trong môi trường thực tiễn của công ty, khoa dược bệnh viện, nhà thuốc.

- **Thái độ**

Rèn luyện tính tập thể, tính kỷ luật trong môi trường nghề nghiệp thực tế.

9. Tài liệu học tập:

Sách, giáo trình chính:

[1]. *Thực hành quản lý và cung ứng thuốc*, Giáo trình nội bộ, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô.

Sách tham khảo:

Các giáo trình của các học phần thuộc kiến thức của định hướng chuyên ngành.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

- Chuyên cần: 10%
- Kiểm tra tự học: 30%
- Bài thi cuối kỳ: 60%.
- Hình thức thi: Vấn đáp CÂU HỎI ÔN TẬP

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Quản lý thuốc từ khâu lập kế hoạch, đặt hàng, nhập xuất, tồn trữ, và phân phối thuốc tại công ty bán buôn dược phẩm. Đánh giá việc áp dụng GSP, GDP tại công ty				90		
2	Quản lý thuốc từ khâu lập kế hoạch, dự trữ, nhập xuất, và cấp phát tại một khoa dược bệnh viện Quản lý các dụng cụ y tế tại các khoa điều trị Đánh giá việc áp dụng GSP tại kho của khoa dược						6
3	Quản lý điều hành tại nhà thuốc Đánh giá việc áp dụng GPP tại một nhà thuốc				45		9
Tổng		0			180	0	180

* 45 tiết thực tế = 6 ngày = 01 tuần

52 - ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN SẢN XUẤT THUỐC TẠI CÁC XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM

1. Tên học phần: Thực hành sản xuất thuốc tại các xí nghiệp dược phẩm

2. Số tín chỉ: 3

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ IX.

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Bào chế, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô.

5. Phân bố thời gian:

Thực hành: 3 TC, 180 tiết thực hành tại cơ sở

6. Điều kiện tiên quyết: Học xong các học phần bắt buộc của định hướng chuyên ngành Phát triển và sản xuất thuốc.

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần sản xuất thuốc tại các xí nghiệp dược phẩm giúp sinh viên có những kiến thức thực tiễn liên quan đến sản xuất, đảm bảo chất lượng thuốc và các nguyên tắc của GPs có liên quan. Mặc khác rèn luyện tác phong làm việc trong môi trường sản xuất thực tế.

8. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên phải

- **Kiến thức:**

○ So sánh kiến thức đã học ở trường với các hoạt động thực tiễn của nghề nghiệp.

○ Tiếp thu những kiến thức thực tiễn liên quan đến sản xuất, đảm bảo chất lượng thuốc và nguyên tắc của GPs có liên quan.

- **Kỹ năng**

Rèn luyện kỹ năng thực hành trong môi trường thực tiễn của nhà máy sản xuất thuốc.

- **Thái độ:**

Rèn luyện tác phong công nghiệp, tính tập thể, tính kỷ luật trong môi trường sản xuất thực tế.

9. Tài liệu học tập:

Sách, giáo trình chính:

[1]. *Thực hành sản xuất thuốc tại các xí nghiệp dược phẩm*. Giáo trình nội bộ, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô.

Sách tham khảo: Các giáo trình của các học phần thuộc kiến thức chuyên ngành.

10. Phương pháp đánh giá sinh viên

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

1. Chuyên cần: 10%
2. Kiểm tra tự học: 30%
3. Bài thi cuối kỳ: 60%.
4. Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút. Kiểm tra kỹ năng thực hành
5. **CÂU HỎI ÔN TẬP**

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	Bài tập	Thảo luận			
1	Kho				45		45*
2	Sản xuất				45		45
3	QA – QC				30		30
4	Hệ thống hậu cần				30		30
5	Hồ sơ lô				30		30
Tổng					180		180

* 45 tiết = 6 ngày = 01 tuần

53- NHÓM HỌC PHẦN TỰ CHỌN CHUYÊN NGÀNH

1. Tên học phần: Nhóm học phần tự chọn chuyên ngành.

2. Số tín chỉ: 10 TC (chọn trong 24TC)

3. Kế hoạch đào tạo: Học kỳ IX và X.

4. Bộ phận chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Dược, Trường Đại học Đông

Đô

5. Phân bố thời gian:

- Lý thuyết: số TC theo mục 12

- Tự học: Thời gian học gấp đôi thời gian giảng dạy lý thuyết

6. Điều kiện tiên quyết: Các học phần bắt buộc theo định hướng chuyên ngành

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Trang bị các kiến thức bổ sung có liên quan gần gũi với các kiến thức định hướng chuyên ngành.

8. Mục tiêu học phần:

9. Tài liệu học tập:

Sách, giáo trình chính:

[1]. *Giáo trình nội bộ*, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

Sách tham khảo: tùy theo học phần tự chọn

10. Phương pháp đánh giá sinh viên

Hình thức đánh giá: Hình thức thi kết thúc học phần có thể vấn đáp, trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận, bài tập nghiên cứu...

Yêu cầu sinh viên 80% học LT, TH 100%

1. Chuyên cần: 10%
2. Kiểm tra tự học: 30%
3. Bài thi cuối kỳ: 60%.
4. Hình thức thi: Trắc nghiệm lý thuyết 60 phút.
5. **CÂU HỎI ÔN TẬP**

11. Thang điểm: 10 (lấy một chữ số thập phân)

12. Các học phần: (chọn 10 TC)

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT (tín chỉ)	Bài tập	Thảo luận			
1	Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng	2					
2	Dược cộng đồng	2					
3	Quản lý dược bệnh viện	2					

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT (tín chỉ)	Bài tập	Thảo luận			
4	Hồ sơ đăng ký thuốc	2					
5	Thiết kế phân tử thuốc	2					
6	Một số phương pháp phân tích bằng quang phổ	2					
7	Thuốc có nguồn gốc sinh học	2					
8	Thuốc có nguồn gốc tự nhiên	2					
9	Bao bì dược phẩm	2					
10	Độ ổn định của thuốc	2					
11	Các hệ thống trị liệu mới	2					
12	Phương pháp nghiên cứu dược liệu	2					

54. THI TỐT NGHIỆP

I. THI TỐT NGHIỆP KHOA HỌC MÁC-LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Loại học phần: Bắt buộc

2. Số tín chỉ: 2

3. Bộ môn chịu trách nhiệm ôn tập: Bộ môn Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh Trường Đại học Đông Đô.

4. Mô tả nội dung ôn tập:

Nội dung ôn tập gồm các nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (1TC) và Tư tưởng Hồ Chí Minh (1 TC)

5. Mục tiêu:

Kiểm tra những kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

6. Nội dung:

STT	Chủ đề ôn tập	Số tiết
1	Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất	2
2	Hai nguyên lý của phép biện chứng	2
3	Hình thái kinh tế - xã hội	2
4	Học thuyết Mác, Ăngghen về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân Việt nam	3
5	Xã hội XHCN và quan niệm về xã hội XHCN ở Việt Nam	3
6	Hệ thống chính trị XHCN và đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam	3
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và con đường quá độ đi lên XHCN	3
8	Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng CSVN	3
9	Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân	3
10	Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa	3
11	Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức và xây dựng con người mới	3

7. Phương pháp ôn tập: diễn giải lý thuyết và thảo luận theo nhóm.

8. Hình thức thi: kiểm tra bằng hình thức tự luận.

9. Tài liệu ôn tập:

[1]. *Bài giảng Khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Bộ môn Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Trường Đại học Đông Đô

10. Tài liệu tham khảo:

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam*, NXB chính trị quốc gia, 2010.

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình CNXH khoa học*, NXB chính trị quốc gia, 2006.

[4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, NXB chính trị quốc gia, 2006.

[5]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, NXB chính trị quốc gia, 2009.

II.A THI TỐT NGHIỆP TỔNG HỢP KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

1. Loại học phần: Bắt buộc

2. Số tín chỉ: 10

3. Bộ môn chịu trách nhiệm ôn tập: Bộ môn Dược lý-Dược lâm sàng, Bào chế và Công nghệ sản xuất dược, Bộ môn Tổ chức - Quản lý và kinh tế dược, Bộ môn Dược liệu – thực vật - Trường Đại học Đông Đô.

4. Mô tả nội dung ôn tập

Nội dung ôn tập gồm 10 TC kiến thức ngành: Dược lý (1 TC), Dược lâm sàng (1 TC), Bào chế và Sinh dược học (2 TC), Pháp chế dược (1 TC), Dược liệu (1TC), Hóa dược (1TC), Sản xuất thuốc (1TC), Kiểm nghiệm dược phẩm (2TC).

5. Mục tiêu:

Kiểm tra những kiến thức cơ bản của 10 TC cho kiến thức ngành là Dược lý, Dược lâm sàng, Bào chế và Sinh dược học, Pháp chế dược, Dược liệu, Hóa dược, sản xuất thuốc, Kiểm nghiệm dược phẩm.

6. Nội dung ôn tập:

STT	Môn thi	Số TC
1	Dược lý Thuốc tác động trên tim mạch Thuốc điều trị viêm loét dạ dày tá tràng Thuốc điều trị lao Thuốc chống nấm Thuốc kháng virus Thuốc kháng viêm Thuốc histamin và kháng histamin Thuốc tác dụng lên hệ thần kinh trung ương Thuốc giảm đau trung ương	1
2	Dược lâm sàng Các thông số dược động học cơ bản Sự biến đổi các thông số dược động học liên quan đến thay đổi chức năng gan - thận Xét nghiệm lâm sàng và nhận định kết quả Tương tác thuốc Một số chỉ số xét nghiệm lâm sàng Phản ứng bất lợi của thuốc Dị ứng thuốc Các đường đưa thuốc và cách sử dụng	1

STT	Môn thi	Số TC
3	Bào chế và sinh dược học Các phương pháp hòa tan đặc biệt Siro thuốc Thuốc nhỏ mắt Thuốc tiêm Nhũ tương – Hỗn dịch Thuốc mỡ Thuốc nang cứng Thuốc viên nén – Viên bao Sinh khả dụng của thuốc	2
4	Pháp chế dược Qui chế hướng dẫn ngành nghề dược Qui chế quản lý thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần Quản lý chất lượng thuốc Qui chế nhãn và nhãn hiệu hàng hóa Qui chế đăng ký thuốc Qui chế quản lý mỹ phẩm, thực phẩm chức năng Qui chế bán thuốc theo đơn Qui chế quản lý sử dụng thuốc trong bệnh viện Các nhóm thuốc phải kê đơn và bán thuốc theo đơn.	1
5	Dược liệu Dược liệu chứa glycosid tim Dược liệu chứa saponin Dược liệu chứa anthraglycosid Dược liệu chứa flavonoid Dược liệu chứa monoterpénoid và diterpénoid Dược liệu chứa tinh dầu Dược liệu chứa alcaloid	1
6	Hóa dược Thuốc kháng sinh Thuốc kháng ký sinh trùng Thuốc tác động trên hệ tim mạch Thuốc tác động trên hệ tiêu hóa Thuốc tác động trên hệ thần kinh trung ương	1

STT	Môn thi	Số TC
	Thuốc tác động lên quá trình dẫn truyền thần kinh Thuốc tác động trên hệ hô hấp Hormon và thuốc điều chỉnh rối loạn hormon	
7	Bào chế và sinh học dược Các phương pháp hòa tan đặc biệt – Dung dịch thuốc Siro thuốc Các dạng thuốc bào chế từ kỹ thuật hòa tan chiết xuất Thuốc nhỏ mắt Thuốc tiêm Nhũ tương – Hồn dịch Thuốc mỡ Thuốc bột – Thuốc cốm Thuốc nang cứng Thuốc viên nén – Viên bao Sinh khả dụng của thuốc	2
5	Kiểm nghiệm dược phẩm Độ ổn định của thuốc Kiểm nghiệm thuốc bằng phương pháp hóa học Các phương pháp hóa lý trong kiểm nghiệm thuốc Kiểm nghiệm thuốc bằng phương pháp sinh học Kiểm nghiệm các dạng bào chế Phương pháp sắc ký và các ứng dụng của phương pháp phân tích này Nguyên lý và nêu các ứng dụng của phương pháp phân tích quang phổ UV-Vis trong công tác kiểm tra chất lượng thuốc Thử giới hạn vi sinh vật trong các dạng thuốc.	2
6	Sản xuất thuốc ISO 9000 Công nghệ bào chế viên nén Công nghệ bào chế viên bao Công nghệ bào chế viên nang cứng Công nghệ bào chế viên nang Công nghệ bào chế viên nang mềm Công nghệ bào chế thuốc tiêm	1

7. Phương pháp ôn tập: Tự học

8. Hình thức thi: Kiểm tra bằng hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm

9. Tài liệu ôn tập:

- [1]. Mai Phương Mai (chủ biên), *Dược lý học tập 1*, Nhà xuất bản y học, 2008
- [2]. Mai Tất Tố, Vũ Thị Trâm (chủ biên), *Dược lý học tập 2*, Nhà xuất bản y học, 2007.
 - *Dược lâm sàng*, NXB Y học, 2011.
- [3]. Lê Quan Nghiệm, Huỳnh Văn Hóa (chủ biên). *Bào chế và sinh dược học*, Tập 1,2, NXB y học, 2005.
- [4]. *Bài giảng Pháp chế dược*, Giáo trình nội bộ, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô.
- [5]. Nguyễn Thị Thái Hằng, Lê Viết Hà. *Giáo trình quản lý và kinh tế dược*, NXB Y học, 2007.
- [6]. Ngô Văn Thu, Trần Hùng. *Bài giảng dược liệu T1*, NXB Y học 2011.
- [7]. Phan Thanh Kỳ (chủ biên). *Bài giảng Dược liệu T2*, NXB Y học 2008.
- [8]. Lê Minh Trí, Huỳnh Thị Ngọc Phương, *Hóa dược T1*, Bộ Y tế, NXB Giáo dục, 2009.
- [9]. Trương Phương, Trần Thành Đạo (chủ biên). *Hóa dược T2*, NXB Giáo dục, 2009.
- [10]. Lê Quang Nghiệm, Huỳnh Văn Hóa (chủ biên). *Bào chế và sinh dược học*, Tập 1&2, NXB Y học, 2005.
- [11]. Trần Tử An (chủ biên). *Kiểm nghiệm dược phẩm*, NXB Y học, 2005.
- [12]. *Sản xuất thuốc 2, 3*, Giáo trình nội bộ, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

II.B. LÀM KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Điều kiện: Sinh viên có điểm trung bình chung học tập trong 5 năm đầu đạt loại khá trở lên, không nợ học phần nào và không bị kỷ luật trong suốt quá trình học.

Thực hiện: thời gian làm khóa luận tốt nghiệp từ đầu học kỳ X với thời gian tương ứng 10 TC (600 tiết làm khóa luận)./.

**Thủ trưởng cơ sở đào tạo thẩm định
chương trình đào tạo**

HIỆU TRƯỞNG

**Thủ trưởng cơ sở đào tạo đăng ký mở
ngành đào tạo**

HIỆU TRƯỞNG